

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233, Phạm Ngũ Lão — Sài Gòn

Điện-thoại : 25.861

Số thương-mại Sài Gòn số 640 A

Số Quốc Gia Danh Bộ 25 129 54 001

- In sách báo, các loại sổ sách, giấy tờ văn-phòng bằng Việt, Pháp, Anh, Hán-tự.
- In lịch treo — Lịch bỏ túi — Nhân hiệu, bao hộp — Đóng sách đẹp.
- Cung cấp dài hạn ăn-phẩm, dụng-cụ văn-phòng cho công sở, tư sở tại Sài Gòn và các Tỉnh.
- Có xưởng máy cung cấp các thứ phù hiệu, cờ cho các hiệu đoàn, nhân cở áo (tiquettes) lớn, nhỏ đủ loại, đủ cỡ. Mẫu đẹp, bền không phai.
- ★ Gửi bưu phiếu hành toán xin dùng Thiếp phiếu mẫu CH. 1418 (do Bưu-điện phát không) chuyển tiền vào Trưong mục :

Sài Gòn T/M số 2701

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

- ★ Gửi tiền bằng cách này không tốn cước mandat và có thư chỉ cả, lại được nhanh chóng và không sợ bị thất lạc.

Công - Ty Bảo - Hiểm

« LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiểm và Liên-Hiệp Bảo-Hiểm những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30-32, đường Laffitte — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông :

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon

Điện - hoai : 20.461

● Bồi thường mau lẹ

● Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.



Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài Gòn — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ V ★ SỐ 94 ★ 15-12-62

1.— Một Hàn-lâm-viện Việt-Nam	Nguyễn-Vỹ	7 — 9
2.— Bức thư Paris : Mùa đông tùy bút Nguyễn văn Cồn		10 — 15
3.— Nhân-vật x án thu : Tư Hồ Chiêu	Thiếu Sơn	16 — 19
4.— Điều vợ (hơ)	Thanh-Nguyên	20
5.— Bên lề lịch-sử : Thị-Nghê.	Thái-văn-Kiểm	21 — 23
6.— Văn-đề Lê-Gia trong lịch-sử V.N. Nguyễn-đức-Cung		24 — 30
7.— Tem thư quốc tế : thác Pongour	Đình Điền	31 — 32
8.— Tan rồi mộng thắm (thơ).	Băng Sa	33
9.— Danh nhân thế-giới : Wins'on Churchill	Tế-viên	34 — 40
10.— Hoa nữ-sinh (thơ)	Mộc-Crêu	41
11.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	42 — 47
12.— Pho tượng (truyện ngắn)	Tế-Nguyệt-Đình	48 — 55

13.— Nguồn gốc và phong tục lễ hỏa táng của người Chăm	Parik	56 — 60
14.— Xã giao theo đời sống mới	Tân Phong	61 — 63
15.— Một giấc mơ hoa	Duyên-Hồng	64 — 69
16.— Phê-bình sách mới : Gió Thu	Thăm-Thệ-Hà	70 — 73
17.— Chuyện tạ kim cổ	Điền Sơn	77 — 81
18.— Thơ Hoàng vu dịch ra thơ Anh N.V. —	Đặng-c-Thắng	82 — 85
19.— Phở-Thông vòng quanh thế-giới	Xuân-Anh	86 — 90
20.— Tâm sự người di (thơ)	Trương-Sinh	91
21.— Minh ơi !	Diệu-Huyền	92 — 99
22.— Quê hương Chăm : Phan-Lý (thơ)	Paracham	100 — 101
23.— Lợi ngược (truyện dài)	Nguyễn-Vỹ	102 — 109
24.— Buồn hai đứa, Tình thu (thơ) Tôn-Nữ Hoài-My	Nguyễn-Hoàng Bạch-Mai	110
25.— Nụ cười Phở-Thông	H.s. Đãng-Giao	111
26.— Thơ lên ruột	Tú-Be — Ng-linh-Đang	112 — 113
27.— Lời phê-bình của các báo về thơ H. V.	Phở-Thông	114 — 117
28.— Thư bạn đọc	Phở-Thông	118 — 120
29.— Đáp bạn bốn phương	Diệu-Huyền	121 — 130

★ Ngoài những bài ký tên Nguyễn-Vỹ, Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tạp-chí PHỞ-THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai cáo của các tác-giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế.)

★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

★ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỞ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỞ-THÔNG » và đừng viết tắt.

★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỞ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

một hàn lâm viện

Xả-luận

VIỆT-NAM



HÚNG tôi xin mạn phép trình-bày một vài ý-kiến thô-sơ về cách-thức thiết-lập Hàn-Lâm-Viện Việt-Nam cho hợp với tình-thế lịch-sử địa-dư của nước ta, với nhu-cầu cấp-bách hiện-tại về sự chỉnh-đốn ngôn-ngữ và văn-học.

Hàn-Lâm-Viện Quốc-gia cần phải tụ-hợp ít nhất từ 18 đến 21 người, trong đó phải có đồng-đều 6 hoặc 7 người sinh trưởng ở miền Bắc, 6 hoặc 7 người sinh trưởng ở miền Trung, và cũng ngần ấy người quê quán miền Nam. Sự đặt-đề thành-phần như trên rất quan-trọng bởi vì ngôn-ngữ của xứ ta có rất nhiều biến-thể địa-phương cần phải thu-góp đầy-dủ, cần phải triệt-đề khai-thác, cần phải truy-cứ đến nguyên-thủy để bổ-túc các tài-liệu và làm sáng tỏ vô-số những nghi-vấn lịch-sử, văn-chương, xã-hội.

Con số tiêu-biểu ấy không phải cần-thiết gồm toàn các thành phần văn-ngệ, học-thuật, bác-học, mà phải là những phần-tử có

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đăng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường
nhiều khả-năng hiểu-biết về các hoạt-động trong đời sống vật-chất và tinh-thần của ba miền Nam-Trung-Bắc.

Lý-do thiết-yếu của sự thành-lập Hàn-lâm-viện là việc soạn thảo một Bộ **Tự-diễn Việt-Nam** hiện nay chưa có.

Bộ Tự-diễn ấy phải nhất-thiết là công-trình của toàn-thể dân-tộc, mà Hàn-lâm-viện chỉ có thể như là một ủy-ban thu-thập đầy-đủ, biên-chép tỉ-mỉ, phân-lớp gọn-gàng, giảng giải tường-tận, thể-thời.

Hàn-lâm-viện sẽ là trung-ương tiếp-nhận và soạn-thảo tất cả tiếng-nói của người Việt-nam, với tất cả những biến-thể của nó, từ cội-rễ đến hiện-trạng, những liên-quan của nó với lịch-sử và đời sống của dân-tộc, từ dĩ-vãng đến hiện-tại.

Các thành-phần trong Hàn-lâm-viện phải tiêu-biểu tất cả sắc-hái của ngôn-ngữ Việt-nam, và công-tác của Hàn-lâm-viện phải nhằm mục-đích duy-nhất là làm bản thống-kê tiếng nói Việt-nam đầy-đủ nhất, không thể thiếu sót, không thể lầm-lỗi, không thể bừa-bãi.

Trước đây mấy năm, một nhà trí-thức Sài-gòn có rất nhiều thiện-chí và khả-năng tài-chính, đã tự-động tụ-hợp một nhóm người văn-học đề thử thực-hiện kế-hoạch một Bộ Tự-diễn theo như chúng tôi đã trình-bày. Công việc đã tiến-hành hăng hái trong thời-kỳ tổ-chức sơ-khởi, mặc dầu đã gặp ngay vô số trở-ngại, và thiếu điều-kiện thực-hiện hiệu-quả. Tuy nhiên công-việc sẽ có thể có sự giúp-sức về sau, và có thể tiến tới một phần nào nếu người chủ-xướng không từ-trần đột-ngột vì bệnh nặng. Thật là một điều đáng tiếc.

Một vài cá-nhân có tham-vọng đáng khen muốn soạn một bộ «Bách-Khoa Tự-Diễn». Nhưng tiếc rằng trong lúc Bộ Tự-diễn Việt-Nam chưa có, họ không làm gì khác hơn là đi chép lại Tự-diễn ngoại-quốc và dịch ra làm «Tự-diễn Bách-khoa». Do chú-ý lệch-lạc và việc làm vội-vàng không có căn-bản dân-tộc, công-trình của họ cổ nhiên đã đưa đến một kết-quả thiếu-sót, tạm bợ, sai-lầm quá

nhiều, mà ai cũng trông thấy, chứng tỏ một mục-đích thương-mại dễ-dàng, hơn là cố gắng tra-cứu, và thiếu sự tôn-trọng lương-tâm trí-thức. Điều đáng trách hơn nữa là họ tự-ý lạm dụng danh-từ «Việt-Nam Bách-Khoa Tự-Diễn» với một vài cá-nhân không tiêu-biểu được toàn-thể khả năng trí-thức và chuyên môn của Dân-tộc.

Chỉ có một Hàn-lâm-viện, tụ-hợp các phần-tử có khả-năng chân-chính, không có tính-cách lừa-bịp, không có mục-phiêu thương-mại, — tiêu-biểu đầy-đủ các giới tài-năng, chuyên môn, khắp ba miền Trung Nam Bắc Việt-nam, mới có đủ thần-quyền và điều-kiện tinh-thần vật-chất để soạn thảo một bộ «Tự-diễn Việt-Nam». Chưa dám nói đến với một Bộ Bách-khoa tự-diễn phải cần-thiết có sự đóng góp của các nhà Đại-danh khoa-học, nguyên-tử học, Tân-cựu y-học, văn-học trữ-danh, sử-học uyên bác, và tất cả các môn trí-thức «bách khoa» thâm-thúy và đầy đủ cở-kim.

Với lòng tha thiết lo cho văn-hóa Việt-nam khỏi bị mặc-cảm «chậm tiến» và khỏi bị vài kẻ lợi-dụng gây thêm rối loạn trong tình-thể văn-học thiếu kỹ-luật hiện nay, chúng tôi bất-lại, bất-lực chỉ biết mong mỗi nơi các nhà Đại-gia văn-học có thiện-chí và có khả-năng. Chúng tôi cũng hy-vọng chính quyền lưu-ý đến sự thiết-lập Hàn-lâm-viện quốc-gia, tiêu-biểu tinh-hoa văn-học Việt-Nam, tự-ưng trung tinh-thần tiến bộ Việt-Nam trước các Viện Hàn-Lâm Quốc-tế.

Nước nhỏ của Tây-Âu như Suède, Suisse, nước lớn ở Á-đông như Nhật-bản, Ấn-độ, và hầu hết các quốc-gia trên ngũ đại-châu đều có Hàn-lâm-viện Văn-học, Khoa-học v.v.. Có lẽ nào nước Việt-Nam vĩ-đại tự hào với hai nghìn năm Văn-hiến không thua Nhật-bản, Ấn-độ, hơn cả Thái-lan, Indonésia, mà đến nay vẫn không có được một Hàn-lâm-Viện Văn-học hay sao? Cho đến cả một Bộ Tự-diễn chính thức và đầy đủ của tiếng nói Việt-Nam cũng không có nữa ư??

N. V.

Bức thư

P A R I S

★ NGUYỄN - VĂN - CỎN

MÙA ĐÔNG

TÙY BÚT

Bạn thân mến,

Trong hai số Phô-Thông 91 và 92 vắng bóng «Bức Thư Paris», xin bạn chờ vội tưởng tôi đã «mái tây đề lạnh hương

nguyên». Thật ra tôi bận việc nhiều. Chiều về nhà, tôi cảm thấy cả một môi buồn nặng trĩu. Phải chăng mùa đông đã đến, mà đến một cách đột ngột, dữ-dội? Đêm hôm qua, bỗng nhiên hàn-thử-biểu xuống dưới mức zéro. Sáng hôm nay khi thức dậy, nhìn qua cửa sổ thì xung quanh nào khu vườn, mái nhà, cây cỏ, đường đi đều chìm dưới màn trắng xóa. Bây giờ sáng, tất cả đều lặng-lẽ, hoang-vu, tê-liệt: không một tiếng động, không một bóng người, không một cánh chim, mây đục ngầu đè nặng trên cảnh vật. Tôi có cảm-giác là tất cả đã chết lạnh.

Thường ngày, đến giờ này thì trong lời xóm đã có tiếng động-cơ, tiếng người đi, tiếng trẻ con gọi nhau và tiếng chim sẽ riu-rít dưới ánh hồng. Hôm nay, thì tuyệt-nhiên im-lặng, lạnh vắng! Mấy chiếc xe hơi nằm dưới màn tuyết như bị người chết đã bỏ lại. Nguồn sông như đã ngừng lại xung-quanh tôi, và tôi tưởng đâu tôi là người sống sót sau một đêm tận-thê!

Tôi xin gửi kèm theo «Bức Thư Paris» một cảnh buổi

BỨC THƯ PARIS

sáng mùa đông ở Paris. Bạn có thể hình dung dễ-dàng buổi gặp gỡ đầu tiên với Mùa Lạnh.

«Ước gì gần gũi tắc gang»,
để mình có thể hưởng cảnh:

«Bên kia trời ấm-áp vốn

Quê-Hương,

Dưới nắng dịu nở muôn
tình thương nhớ.»

Tôi phải đánh thức mạnh trí óc mơ màng của tôi để sửa soạn đi làm, nhưng những ý lạnh vẫn tràn ngập trong tâm tôi. Đây là phương Tây buồn lạnh, bên kia là vùng trời ấm áp của Cỏ-hương! «Ai về đường ấy hỏi ai?» Tôi muốn tự mình triết-lý với mình! Đâu mà không ở trong «ngày Trời tháng Phật», đâu mà không nằm trong vòng «Sinh Tử» và trong «Tiêu-diệt Hư-không»! Thế thì dù ta có ở Đông hay ở Tây đi nữa, vòng càn khôn vẫn bao trùm người ta, và bước ta đi mỗi ngày là bước sẽ đưa ta đến cõi Chết!

Và tất cả vũ-trụ sẽ chênh như buổi đông lạnh sáng này, khi mà quả địa-cầu sẽ chết lạnh như những tinh tú khác.

— Ô thôi! sửa soạn mau để đi làm chứ, triết-lý mãi làm gì! Xem kia! đã gần bảy giờ rồi rồi! Tôi vội vàng rửa mặt, cạo râu. Nhìn qua cửa sổ, trời vẫn còn tối như ban đêm. Dưới đường một vài bóng đen co-ro trong mớ áo lạnh, dụt-dề, lò-mò bước trên tuyết. À, họ bước chậm chạp vì tuyết trơn, bước mau sợ ngã. Ở bên này, mùa đông đi làm cực lắm, nhưng đã sông ắt phải làm. «Mày phải đồ mồ-hôi trán để kiếm miếng ăn», sách Thánh-Thư đã dạy như vậy.

Nhưng sáng hôm nay có lẽ không có mồ-hôi trán, mà chỉ có hai tai cứng lại như thủy-tinh và mũi tím đỏ như bị đâm mạnh.

Một vài trẻ em đã đi học. Chúng ăn bận ấm lắm, áo len quần dài gấu bó trong giầy cao cổ, bao tay len, mũ len chùm đến tai. Xem ra thì chúng không sợ lạnh như người lớn, trái lại còn vô tuyệt ném lẫn nhau.

Tôi cũng xuống đường, đi làm. Bước ra cửa, luồng gió lạnh thổi vào mặt như có bàn

tay nước đá ần mạnh trên má. Tôi cũng phải dò từng bước một, để khỏi té. Ra đến bên ô-tô-buýt, tôi đã thấy nhiều người sắp hàng giữa trời. Nhìn họ, tôi có cảm giác là tất cả đang hút thuốc và thở phì-phào những làn khói xám-xám. Đó là hơi thở của họ, ra khỏi phổi, vào không-khí lạnh, đã trở nên hơi khói tức khắc. Cả con ngựa kéo xe sữa cũng đang phả khói. Một con chim sẽ xem chừng đói lắm đã đi kiếm ăn bên hè đường. Tôi nói «đuôi» theo người ta, mắt nhìn về phía chân trời phương Đông. Phải đây ! đó là miền Đông Nam, và theo bản-đồ tưởng tượng, đó là Nước Việt-nam, Saigon, Gia-định, Bình-dương...

«Còn nhớ không, hồi lòng ta ơi ! con đường nhỏ nhỏ đi qua những vườn măng, những đám dừa, những đường mương, những giây trầu xanh tươi. Con đường đó qua những vùng Gò-vấp, Lái-Thiêu. Và tà áo hường của ai phất phơ bay trước gió ?

«Nay xa quá hơi Tình Thiêng Đất Việt,
Trong lòng tôi như chết cả niềm vui,

*Trong cười say, ca hát lệ thầm rơi,
Hình đi - vãng vẫn chưa mờ trong dạ».*

Xe ô-tô-buýt đã đến. Đã hết cả chỗ ngồi, nhưng chỗ đứng còn nhiều. Lấn lán người ta bước lên, rồi chen lấn, rồi xô đẩy, rồi chật ních, rồi ép nhau như trong hộp cá mòi.

Chắc anh Nguyễn-Vỹ đọc đến đây sẽ tức cười và tự nói: «Thề thì mình có ngồi viết từ nửa đêm đến ba giờ sáng cũng còn thú vị hơn!»

Nhiều bạn đọc Phô-Thông thường theo dõi «Bức Thư Paris» có lẽ cũng nghĩ như vậy. Nhưng tuy các bạn ở nơi âm-áp, chí «tang bồng hồ thỉ» vẫn bồng bột trong tâm-hồn và lòng cũng rập một phen ra đi để quan-sát, học-hỏi. Còn những bạn của tôi, trước kia đã ở với tôi ở Paris, như anh Lý, anh Mai, tuy nghe nói Paris đã vào mùa lạnh, nhưng các anh chắc vẫn còn nhớ những cảnh tuyết khi vào vườn Tuileries, hay những lúc ngồi bên lò sưởi bàn chuyện đời trên từng lầu thứ ba đường Sèvres Lecourbe.

*Khi về những tiếc khi đi,
Khắp trong vũ-trụ thiếu gì thú vui !*

*Môi ai còn thăm nụ cười,
Mắt xanh thu cả một trời phương tây ! »*

Có nhiều bạn đọc sẽ tự hỏi: «Ồ, sao hôm nay tác-giả «Bức Thư Paris» lời thề thề nhỉ ? Sao anh ấy không nói đến văn-học ? »

Tôi tự nói: «Trong hồn tôi đang bồi hồi tưởng nhớ, đang nghĩ đến non sông cách trở và thân thể bình-bồng trên biển đời xa lạ, thề thì còn trí óc nào để có thể bình-dị nghĩ đến việc văn-học được ? Hai câu thơ của Trương-Phát-Khuê ? (một danh-sĩ Trung-quốc) còn đồng vọng trong óc tôi :

«Tổ-quốc trăm luân nhân hữu-trách,
Giang-hồ lưu lạc ngã vô gia »

Và lại theo nhiều bạn đọc Phô-Thông gửi thư riêng cho tôi, thì đều mong được biết nhiều về phong cảnh và đời sống ở Paris; thề thì «Bức Thư Paris» này có thể gọi là «Mùa đông ở Paris» và tâm-sự của một người xa đất nước.



Một buổi sáng mùa đông ở Paris

Xe ô-tô-buýt ngừng lại mỗi chận để người ta lên xuống, nhưng xuống ít, lên nhiều, thành thử chỗ đứng càng thu hẹp lại. Xe đã đến cửa ngoại ô (porte), hành-khách xuống hết. Rồi người ta chạy vội xuống hầm métro. Mùa lạnh dưới métro âm trầm, hàn-thử-biểu lên mười mấy độ. Tuy người ta vẫn lẫn ép nhau, nhưng dễ chịu hơn ở ngoài trời.

Ở dưới métro chui lên, thì lại đã đi vào « tủ lạnh ». Các tiệm « café » rất đặc hàng : đèn điện sáng trưng, không-khí ấm-áp, tách cà-phê nóng sao ngon thế !

Nhưng ở bên này có một sự trái ngược ta cần biết, tức là có một hạng người lại rất thích mùa đông, tuy cảnh đối lạnh làm bao nhiêu người cơ-khở. Lẽ tự-nhiên, con nít thích mùa lạnh, vì tuyết là báo-hiệu của lễ Noël, của « Tết Năm Mới », có Ông-Già Noël và nhiều đồ chơi. Nhưng hạng người thích mùa lạnh mà tôi muốn nói ở đây là hạng người giàu có. Mùa lạnh thì họ mới có dịp ăn mặc sang trọng, chưng diện « đề vương », để cách biệt với hạng người

quanh năm « kéo đuôi qui ». Đàn ông thì mặc áo « pardessus » mấy trăm nghìn quan, khăn choàng lụa trắng, đàn bà thì mặc « manteau vison » hay « léopard » giá đến ba bốn triệu quan, mang bao tay da lên đến cùi trỏ, cổ và ngực để hở để làm bật cái « sông kim cương » (rivière de diamants).

Ngoài trời, tuyết đổ thì cứ đổ, ai đứng đợi ô-tô-buýt trong gió lạnh thấu xương thì cứ đợi, hạng người này có bao giờ phải chịu khổ vì lạnh đâu ! Trong chiếc « manteau » mềm-mại, áp-áp, bước ra cửa họ lên xe hơi bít-bùng, vào tiệm ăn hay tiệm khiêu-vũ đã có lò sưởi « central », tạm-dịch là sưởi chung.

Một chuỗi hột xoàn, một cái « manteau vison » một đêm tiêu-xài của họ là cả một « sự nghiệp ». Có lẽ người đi làm, cả đời cũng không đủ dành đủ tiền để mua cho vợ một cái áo vison ba bốn triệu quan.

Nhưng ở đời, luật thiên-nhiên « Bì sắc tư phong » vẫn được áp-dụng và tất cả đều theo luật tương-đối. Chưa chắc những người trong chiếc « manteau » đắt tiền đã là

những kẻ « độc quyền » hạnh phúc và giá-trị. Đời còn có những vị bác-học, những vị giáo-sư, những chính-trị-gia, tuy hồ-bao nhẹ hồng, tuy không mua cho vợ được cái áo vison, nhưng vì quý trọng thiên chức nên vẫn được người đời kính-phục.

Đi trong gió lạnh, tôi lại sức nhớ đến nhà thơ cơ-hàn, François Villon với mấy câu thơ mà ngày nay ta còn ngâm-ngã, nhứt là khi tuyết rơi tầm tã :

« Echo, parlant quand bruit
on mène
Dessus rivière ou sus étang
Qui beauté eut plus qu'humaine
Mais où sont les neiges d'antan ? »

(Tiếng vang nổi tự bao giờ
Bay trên mặt nước sông hồ
chơi vơi

Sắc ai trần thế tuyết vơi
Nào đâu những tuyết của thời
xưa xa ?)

Phải không bạn, đời còn bao nhiêu ý-niệm đáng yêu, đáng quý, và nhiều khi :

« Miếng cao lương phong lưu
nhưng lợm,
Mùi hoắc-lê thanh-dạm mà
ngon. »

Nếu lúc này tôi được đôi màn tuyết trắng để lấy chút ánh bình-minh hồng ấm, chắc tôi vui lòng nhận ngay ! Thân mến chào bạn và xin hẹn « Bức Thư Paris » sau.

NGUYỄN-VĂN-CỒN



★ BIẾT ƠN

Một phạm nhân viết một bức thư cho ông Chánh-án rằng :
« Thừa ông Chánh-án,
Hôm qua, trong phiên tòa, ông có đề nghị chỉ định cho tôi một vị trạng-sư để cãi thí cho tôi. Tôi rất đội ơn ông Chánh-án nhưng, có thể nào Ông Chánh-án vui lòng kiếm cho tôi... một nhân chứng không ? »



TƯ - ĐỒ CHIÊU

★ THIẾU-SƠN

TRẦN Ai - Công sanh được 3 người con : Công-Tử Yên-Sur, con vợ lớn, Công-Tử Lưu, con bà thứ-phi, công-tử Thắng, con bà tam-phi.

Ai-Công yêu bà thứ-phi hơn hết, muốn truyền ngôi cho công-tử Lưu nhưng không dám phê con lớn. Ông phong cho em ông là Công-tử Chiêu làm thái-phó để dạy Thê-tử Yên-Sur và cho công-tử Quá

làm thiếu-phó để dạy công-tử Lưu. Ông di - chúc cho hai người phải phò Yên-Sur nối ngôi ông nhưng Yên-Sur lại phải truyền-ngôi lại cho em là công-tử Lưu.

Được ít lâu Ai-Công phát bệnh không lâm triều được. Tư-đồ Chiêu bàn với Công-tử Quá : « Hiện nay con Yên-Sur là Công-tử Ngô đã lớn. Nếu Yên-Sur lên nối ngôi thì hẳn sẽ truyền ngôi lại cho con hẳn chứ đâu chịu truyền lại cho em. Như vậy làm sao mà ta thi-hành được di-chức của Chúa ? Chỉ bằng trong khi Chúa-công còn đau chưa chết, ta giả mạng Chúa-công cho giết chết Yên-Sur rồi lập Công-Tử Lưu lên là yên việc và khỏi rắc-rối về sau ».

Công-tử Quá tán-thành. Hai người âm-mưu với quan đại-phu là Không-Hoán rồi giao cho Không-Hoán tổ-chức ám-sát Yên-Sur. Công-việc xong xuôi họ bèn giả mạng Trần-quân cho lập Công-tử Lưu lên làm chúa. Trần-quân biết chuyện, tức giận, tự-tử chết.



Nước Trần là một nước nhỏ xưa nay vẫn phụ-thuộc nước Sở.

NHÂN VẬT XUÂN THU

Tư-đồ Chiêu phò Lưu chủ-tang rồi tức-vị và gởi sứ-giã qua báo cáo với Sở-Vương.

Sở-Vương lấy làm lạ sao Yên-Sur không lên ngôi mà Công-tử Lưu lại tức-vị. Ngay lúc đó thì Công-tử Thắng dắt cháu là Công-tôn Ngô tới để tường-trình tất cả những biến-cô vừa xảy ra ở Trần-quốc. Sở-Vương cả giận sai giết sứ-giã rồi cắt quân qua hỏi tội nghịch-thần, có Công-tôn Ngô đi theo về nước.

Công-tử Lưu nghe sứ-giã bị Sở-Vương giết sợ quá bỏ ngôi chạy trốn qua Trịnh. Có người báo Tư-đồ Chiêu chạy theo thì ông nói : « Ta cần gì phải chạy, cũng có kẻ lui được quân Sở mà ». Khi quân Sở kéo tới, Chiêu cho mời Công-tử Quá tới thương-nghị. Quá hỏi : « Tư-đồ nói có kẻ lui quân Sở, vậy xin cho biết kẻ gì ? » Tư-đồ Chiêu đáp : « Ta có kẻ gì lạ đâu, cái đầu nhà ngươi cũng đủ lui quân Sở được ». Quá giật mình vừa muốn tháo chạy thì bị Chiêu đánh một roi ngã xuống rồi cắt thủ-cấp đem qua dinh Sở mà nói rằng : « Việc giết

Yên-Sur mà lập Công-tử Lưu đều tự mưu thắng này. Bây giờ tôi vưng oai-linh Chúa-Công chém đầu nó đem tới hiến, xin tha tội cho tôi ».

Sở-Vương đã sẵn sàng tha tội thì lại thấy Tư-đồ Chiêu quỳ gối đi tới gần và mặt tâu : « Hiện nay Công-tử Lưu đã chạy, nước Trần không Chúa. Xin Chúa-công thân làm quận huyện của nước Sở, chớ để họ khác chiêm-cứ nữa ».

Nói rồi Chiêu khấu đầu lay tạ ra đi.

Công-tử Thắng nghe tin Sở-Vương tha Tư-đồ Chiêu liền tới kêu nài. Sở-Vương bèn truyền tả-hữu lấy đầu Công-tử Quá ở trước công-môn rồi cho kêu Tư-đồ Chiêu tới mà phán rằng : « Ta cũng muốn tha ngươi. Nhưng ngươi phải đem gia-quyền đi ở xa mới được. » Tư-đồ Chiêu lúc đó mới hoảng hốt, không dám bày mưu, liền kẻ gì nữa. Sở-Vương sai người áp-giải Chiêu qua yên-trí ở nước Việt.

Công-tử Thắng tới tạ-ơn vua Sở tính đưa công-tôn

Ngô về nước thì Sở-Vương nói rằng : « Ta cũng muốn lập Công tôn Ngô để kể tự Trần-hầu, nhưng vì đảng Chiêu và Quá còn nhiều thì các ngươi hãy nên theo ta về Sở để nương náu qua ngày. »

Nói rồi, Sở-Vương sai lính phá nhà tôn-miêu họ Trần, đổi nước Trần thành một huyện của Sở, sai tướng Sở qua cai-trị xứ này.

Trần-quốc không còn phải là một thuộc-quốc và đã thành ra thuộc-địa của Sở.



Khi Vua Sở ra lệnh bêu hai cái đầu ở trước công-môn ta hỏi-hợp trông đợi để được thấy một cái đầu nữa được bêu lên để cho đủ bộ. Ta muốn thấy cái đầu thứ ba đó chính là đầu của Tư-đồ Chiêu vì tất cả mọi chuyện đều do Chiêu thủ-mưu. Công-tử Quá là thiếu-phó của Công-tử Lưu khi nghe nói phò Lưu tức-vị là nghĩ ngay tới quyền-lợi của mình. Học-trò lên ngai vàng thì thấy ắt quyền cao, chức trọng. Vì nặng lòng tư-kỷ nên không nghĩ gì tới án-mạng và xác chết của Yên.Sư.

Còn Không - Hoán lãnh tổ-

chức ám-sát thê-tử cũng chỉ nghĩ đến chuyện phong ấp, thăng quan chức còn lòng đầu mà nghĩ tới hậu quả của công-việc mình làm.

Hai cái đầu kia bị bêu là đáng lắm nhưng còn cái đầu của Tư-đồ Chiêu mới là cái đầu lợi-hại hơn hết sao không cho nó được bêu luôn ?

Chiêu thủ-mưu và chủ-mưu trong mọi việc. Nếu thành công thì hần cũng thủ-lợi nhiều hơn mấy tên kia. Hần hy-sanh Thê-tử Yên.Sư là học-trò của hần, nếu Lưu ngồi yên trên ngai vàng thì Lưu quyết-nhiên phải trọng đãi hần hơn cả thầy học của mình. Như g nếu cơ-mưu thất-bại thì hần cũng dễ đổ thừa vì Công-tử Quá là Thiếu-phó phải chịu trách-nhiệm về đưa học-trò của mình. Lưu leo lên ngai vàng để thay thê cho kẻ bị giết oan thì thiếu-phó nhứt-định phải liên-lụy.

Đã vậy mà chính Chiêu lại ra tay trước, chặt đầu Quá để dâng cho Vua Sở thì Quá còn miệng đầu mà đổ thừa cho hần ?

Nhưng Tư-đồ Chiêu đã làm một việc hết sức khôn-khạo là

xúi vua Sở thôn-tính luôn xứ sở của mình. Bọn xâm-lăng không cần ai bày biểu. Chính Sở-Vương đã có ý đó lâu rồi. Nhưng khi ông nghe ở miệng một trọng-thần của nước Trần nói ra thì lòng ông tự-nhiên thầy bắt-nhẫn, bắt nhồm gớm, hết tin cậy và hết cả cảm-tình. Tư-đồ Chiêu trông cậy ông sẽ ban cho một chức-vị gì để đền công khuyên-mã. Nhưng khi ông kêu tới mà

đuổi đi như đuổi một tên gian-mạnh phản-quốc thì hần đã thấy rõ cái hình-phạt cho hần rồi. Sở-Vương không bêu đầu hần là muốn cho hần còn phải sống để chịu-đựng lâu dài một hình-phạt nghiêm-khắc ở nơi tha-hương khách-địa. Bị áp-giải qua lưu-đày ở đất Việt, hần sẽ biết cái khổ tha-hương để ăn-năn về tội phản-quốc.

THIẾU-SƠN



★ THÊ LÀ HUÊ

Hai vợ chồng nằm ngủ. Ông chồng ngáy như sấm, bà vợ khó chịu, lay ông và nói lớn :

— Ông ơi, ngáy gì dữ vậy, quay qua bên kia đi nào.

Ông chồng ú ớ, quay qua phía khác rồi một lát cũng ngáy nữa.

Bà vợ lại thúc vào hông ông, la lớn :

— Cái ông này làm gì cả ngày mà đêm lại kéo gối dữ vậy. Cứ thế mà kéo dài cả đêm.

Sáng lại, ngồi ăn điểm tâm, bà vợ phàn nàn :

— Thật đêm qua, tôi khổ hết sức vì cái ngáy của ông, không hề chớp mắt được chút nào cả.

Ông chồng cũng hần nần :

— Tôi cũng vậy đó. Ngủ ngon mà lại bị bà mớ nói cái gì toang toang bên lỗ tai làm tôi giật mình hoài, khổ hết sức vậy đó...

Đêm huyền-diệu không-gian bùng ánh sáng,
Khắp hang cùng tắm-tối vén màn lên.
Bao tâm-hồn đau-khò được kể bên,
Nguồn rung-cảm hồi chuông ngân Thiên-Phúc.
Tình chan-chứa xoa êm niềm tủi-nhục
Hương Thiêng-liêng sưởi ấm vạn hồn đau,
Đất quê-hương ngưng-thấm giọt máu đào
Im tiếng khóc, sầu rơi theo gió lộng.
Ta lạnh bước giữa đời đang thơ mộng,
Hận nghìn thu ô-mấp mảnh tim coi.
Cần Đau-thương ứa máu thấm đôi môi
Cho tê-tái chảy tan vào Thanh-khiết.
Mắt in đậm một bóng chiều ly-biệt,
Tơ Yêu-đương vương mộng vút ngàn xanh.
Cầu muôn Sao nhỏ giọt ánh trong lành,
Xướng Trần-thế một nguồn Thương lai-láng.
Đêm cao-đẹp huyền-linh tình vô-hạn,
Chìm trong sương ảo-ảnh kiếp phù-hư.
Đêm huy-hoàng chào đón « Đấng Nhân-Tử »
Ta quỳ xuống trên thảm hoa « Nhân-Ái »

Ta quỳ xuống cho hồn vơi tê-tái !

thị- nghê



★ THÁI-VĂN-KIỆM

NGUỜI ta thường nói: Xóm Thị - Nghê, Rạch Thị - Nghê, xóm nằm bên rạch, rạch chảy ven xóm, một cách mật-thiết, khác nào hình với bóng. Tra cứu các sử sách xưa có liên-hệ tới vùng này, nhất là quyển « Gia-Định Thông-Chí » của Trịnh - Hoài - Đức (1765-1825) thì hai chữ Thị - Nghê, Mụ Nghê, Bà Nghê là tên mà dân chúng thời đó đã dùng để gọi bà vợ ông Nghê làm thơ-lại tại trấn lỵ Gia-định.

Chúng ta lui lại thời gian cho tới cuối thế kỷ thứ 18;

hồi đó trấn-lỵ Gia-định ở ngay trung-tâm thủ-đô Saigon bây giờ, mà địa thế đã được lựa chọn kỹ-lưỡng, với ba con sông bao bọc về ba mặt, là: Kinh Tàu Hủ, sông Bến-Nghê (tức sông Saigon), và Rạch bà Nghê, tức Nghi-Giang theo các sách địa-lý xưa.

Hai vợ chồng ông Nghê ở bên kia Rạch và hàng ngày ông Nghê phải « sớm đội nón đi, tối đội về » và không biết vào buổi trưa ông Nghê của chúng ta đã xách nón đi đâu? Dù sao chăng nữa, bà Nghê không quan tâm đến việc đó,

vì Bà tin-tưởng hoàn-toàn nơi đạo đức của một đồ-đệ K. ông Phu-Tử. Nhưng có một điều bà quan tâm đến rất nhiều là: mỗi khi đi làm, chồng bà phải đi đò sang sông; khi nắng ráo không nói gì, nhưng nếu gặp phải mưa to gió lớn, thì là cả một vắn-đề. Bà rất lo ngại cho chồng bà và đồng thời bà cũng không quên những đồng bào trong thôn ấp khi muốn đi làm ăn buôn bán mà gặp phải một chướng ngại vật lớn lao, quá sức của họ là con sông Thị-Nghè. Bà bèn nghĩ ra một phương kế là xuất tiền, mua vật-liệu, huy-động nhân-lực, chỉ huy công cuộc xây dựng một cái cầu bằng gỗ khá rộng và vững chắc, để cho xe ngựa có thể qua lại dễ dàng, và đồng thời dân chúng cũng có thể dùng cái cầu này, qua lại thông thương với trấn lỵ Gia-định.

Như vậy là Bà Nghè của chúng ta đã khéo léo áp-dụng Phương châm Tam-Tức, biết tự túc về tư-tưởng tự túc về tổ-chức và tự túc về kỹ-thuật, Bà đã nêu gương sáng về phát-triển cộng-đồng, đồng-tiến xã-hội; cho nên đồng bào trong vùng này đã ghi ơn

bà và đặt tên cái cầu này là cầu Bà Nghè; rồi lần hồi về sau, cái xóm, con sông cũng đều mang danh hiệu của Bà.

Sử sách không, thầy nói chồng bà tên gì; nhưng sử gia Trịnh-Hoài-Đức có cho ta biết bà Nghè chính danh là Nguyễn-thị-Khánh, con của Thông-Suất Nguyễn - Cửu - Vân, tức Vân-Trường-Hầu. Bà là em ruột của Điều-Khiển Nguyễn-Cửu-Đàm, là người đã xây vào năm 1772 một cái lũy dài, gọi là Bán bích cô-lũy (lũy cũ nửa vách) chạy dài từ sau đồn Cây-Mai qua Trường đua Phú - Thọ, vùng Hòa - Hưng, Bến Tắm Ngựa, gò Tân-Định, cho tới Cầu Bông. Lũy này có công dụng phòng ngự mặt Tây Nam trấn lỵ Gia-định, vì ba mặt kia đã có sông bao bọc, như trên kia đã nói.

Ngoài ra, Nguyễn-Cửu-Đàm đã lập ra một cái chợ gọi là chợ Điều-Khiển, tức là chợ Thái-Bình bây giờ; ông cũng là người đã cho vét và mở rộng kênh Ruột Ngựa, tức Mã Trường-Giang, nối liền Rạch-Cát (Sa-Giang với sông Lò Gốm ở Chợ Lớn bây giờ. Về mặt quân-sự Điều-Khiển

Nguyễn - Cửu - Đàm đã tổng xuất binh thuyền đánh tan quân Xiêm-la tại Nam-vang năm Nhâm-Thìn 1772.

Trở lại cái tên Bà Nghè, chúng ta thầy sử gia Pétrus Trương - Vĩnh - Ký viết là Nguyễn-Thị-Canh trong bài «Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs», đăng năm 1885 trong tạp-chí «Excursions et Reconnaissances». Sở dĩ có sự sai lầm như vậy là vì Pétrus Ký đã căn cứ trên một bản dịch Pháp-văn của Gabriel Aubaret, Trung-tá Hải quân Pháp, đã dịch quyển Gia - định Thông - Chí của Trịnh - Hoài - Đức, vào năm 1863, dưới nhan đề là «His-

toire et description complète de la Basse - Cochinchine». Trong bản dịch này, Aubaret đã ghi tên Canh thay cho tên Khánh, là vì người Tây phương đã Tây-âm hóa chữ Khánh.

Ngày nay, vì một sự tình cờ của Lịch-Sử, một Trung-Tâm Huân - Luyện Cán Bộ Xây Dựng Ấp Chiến Lược đã được xây dựng tại Thị Nghè, thì việc đầu tiên trên phương-diện Lịch-Sử là tìm hiểu thân-thê và sự-nghiep bậc nữ lưu đã có công xây-dựng một thôn ấp trù-mật và có thể nói là lâu đời nhất của trấn Gia-Định.

THÁI-VĂN-KIỆM



* KHAI LÝ LỊCH

Một thiếu nữ xin gia nhập làm hội viên một Câu-lạc-bộ nữ sinh Đại-học.

Lúc điền vào tờ khai lý lịch của hội đưa ra, cô ta bối rối trước câu hỏi: « Cô có đức tính riêng gì có thể cho là có lợi đối với Câu-lạc-bộ? »

Sau một hồi suy nghĩ, cô hạ bút quả quyết viết: « Vòng ngực 85, vòng eo 58 và vòng mông 83.

văn - đề

LỮ - GIA trong lịch - sử VIỆT - NAM

★ NGUYỄN ĐỨC CUNG
● TRẦN VINH ANH

(Tiếp theo P.T. 93)

điểm cuối cùng nhân-chứng này đưa ra cũng không đứng vững : thừa nhận Triệu Đà là thừa nhận một sự thực khách-quan. Nghĩa là gì ? Thái độ thừa nhận là khách - quan, hay Triệu Đà là khách-quan ? Nếu Triệu Đà là khách-quan thì điều đó ai cũng biết, mà chính ông ta cũng đã xác nhận điều đó. Còn thái độ thừa nhận cần khách-quan, thì khách-quan nhất là trả lại Triệu Đà vào lịch-sử của dân-tộc ông.

Ông Vũ Hạnh đã thú nhận : « Tôi cũng có thấy ông Đà không phải là người Việt », rồi chỉ bằng vào những mâu-thuẫn nội tại của phong-kiến Trung-hoa, ý-thức quốc-gia chưa hoàn bị ở Triệu-Đà, vào những việc ông

ta làm cho dân Nam Việt, đề rồi bắt người Việt - nam nhìn nhận ông vào lịch-sử Việt-nam. Lịch-sử không thể dễ dãi như vậy được. Lẽ thứ nhất, vì ta đã biết Triệu Đà không phải là người Việt-nam, thế thì làm sao mà nhìn nhận ông ? Lẽ thứ hai, lịch-sử chỉ công nhận những sự-kiện rõ - ràng, đích xác, chứ không thể chấp nhận một sự vá chằng, nhận vơ như thế được. Ông còn lý luận thêm một cách khôi-hài : Triệu Đà tuy là kẻ ở ngoài nhưng đã trở thành kẻ ở trong ; Triệu Đà muốn thừa nhận ta là *của ông* ấy (nguyên văn in chữ xiên) như ta thời đó

VĂN ĐỀ LỮ-GIA TRONG LỊCH-SỬ VIỆT-NAM

đã xem ông ấy là *của ta* (nguyên văn in chữ xiên). Chúng tôi muốn hỏi : ông Vũ Hạnh đã bằng vào đâu khi nói như thế ?

Chúng tôi nhìn nhận Triệu Đà có quyền, và rất có thể đã xem dân ông đô-hộ là của ông. Điều đó sáng như ban ngày, nhưng chắc chắn kẻ đô - hộ chỉ xem người bị đô-hộ như dụng cụ của họ, nô-lệ của họ, như bất cứ thứ gì thuộc quyền sở hữu của họ mà thôi. Dĩ nhiên sẽ không có một chút thân tình gì giữa hai hạng người nói trên. Có khi nào một dân-tộc bị người khác đô-hộ, lại xem kẻ ấy thuộc về mình — một sự thuộc về có tính cách thân-ái — như ông Vũ Hạnh nói không ? Ai cũng phải nghĩ rằng sự căm phẫn sẵn sàng bộc phát từ người dân bị trị.

Đề kết luận về nhân-chứng này, chúng tôi thiết nghĩ : lập trường của ông Vũ Hạnh không thể đứng vững được ; trước hết vì ông đã không dùng đến sử-liệu đề minh xác và ủng hộ quan điểm của ông, lý luận của ông còn chủ quan gắp mấy lần Lê-văn-Hưu, Ngô-Sĩ-Liên và Ngô Thời Sĩ là khác, sau nữa ông đã xét một sự-kiện lịch-sử mà chẳng cần dựa chút nào vào

phương pháp sử - học. Chúng tôi xin mượn câu kết luận của ông Vũ Hạnh đề kết thúc phần nhận xét của chúng tôi về những điều ông chủ trì.

« Ngày nay nhận-định lịch-sử, chúng ta mong mỗi sẽ trả được cho César cái gì thuộc về César và trả Triệu-Đà vào... », vào chỗ nào tùy ý thích của mỗi người, nhưng xin đừng trả ông ta vào Lịch-sử Việt-nam ; và hãy để cho Lữ-Gia được theo Triệu-Đà cho vẹn lòng trung của ông đối với nhà Triệu.

Người thứ nhất đồng ý với ông Vũ Hạnh là ông Thái-Bạch. Nhân-chứng thứ hai này nhìn nhận Triệu - Đà và Lữ - Gia vào Lịch-sử Việt-nam như các sử-gia Lê-văn-Hưu, Ngô-sĩ - Liên, Ngô-thời-Sĩ, và Trần-trọng-Kim. Lý do nhìn nhận Triệu-Đà của ông Thái Bạch được làm cho vững vàng thêm bằng một sự so sánh. Ông đưa ra trường hợp hai nhà Ân, Chu trong lịch-sử Trung-hoa để so-sánh với nhà Triệu. Hai triều đại Ân, Chu được lịch-sử Trung-hoa nhìn nhận, trong khi đó nước Tàu có đến « bát bách chư hầu » và nhà Ân cũng như nhà Chu chỉ là Thiên-tử có vì

mà thôi. Và nếu dân Trung-hoa đã không từ chối sự nhìn nhận hai triều đại trên trong lịch-sử của họ, thì người Việt-nam cũng nên nhìn nhận Triệu-Đà.

Ông Thái-Bạch chỉ đưa ra một ghi nhận như trên, ai cũng thấy rằng người Trung-hoa nhìn nhận hai triều đại Ân, Chu vào lịch-sử của họ là đúng, bởi vì nước Tàu ngày xưa tuy chia ra làm « bát bách chư hầu » nhưng vẫn là một khối. Các nước ở lục-địa Trung-hoa hồi ấy liên-lạc với nhau mật-thiết trên nhiều phương-diện. Tất cả các nước nhỏ đều đồng ý phục tùng Thiên-tử, đều tự coi như là cùng thuộc vào một cộng-đồng, và họ sẵn-sàng liên kết lại để bảo-vệ Thiên-tử khi cần thiết. Ngày nay toàn thể đất đai ấy vẫn là của người Trung-hoa.

Còn nhà Triệu không được dân Tây âu lạc tôn sùng, như lòng dân 800 nước chư hầu đối với hai nhà Ân, Chu. Triệu-Đà đô-hộ dân Tây âu lạc, bắt họ nhìn nhận quyền của ông ta trên đất nước họ. Và lại như đoạn trên, lúc chúng tôi nêu những nhận xét về lý đoán của ông Vũ-Hạnh, chúng ta thấy rằng sự liên-lạc giữa hai giống người

Nam-Việt và Tây-âu-lạc rất là lỏng-lẻo, không thể so-sánh với sự liên-hệ của hai nhà Ân, Chu với các chư hầu của họ. Vì thế lý-luận của ông Thái-Bạch không thể công nhận được.

Người đồng ý thứ nhì với ông Vũ-Hạnh là ông Nguyễn-duy-Diển ; Điều đáng chú-ý là nhân-chứng này cũng nhận thấy rằng : « Vấn-đề nhìn-nhận Triệu-Đà rất quan-trọng ». Ông cũng tán thành ý-kiến ông Vũ-Hạnh về việc « Triệu-Đà không hề bóc lột dân ta, hơn thế lại còn đối xử với dân ta (tức dân Âu-lạc) một cách tận tình : nào là mở mang kinh-tế, chấn hưng nông-nghiệp và văn-hóa ». Ý kiến này gặp gỡ quan điểm của ông Vũ-Hạnh mà chúng tôi đã bàn đến ở trên.

Ông Nguyễn-duy-Diển dẫn trường-hợp Lộc-Tục bảo vệ nước Xích-quỷ, và Triệu-Đà bảo vệ nước Nam-Việt mà ông cho là giống nhau, đề rồi ông kết-luận : lúc đầu kẻ chiếm đất có óc đế-quốc, nhưng sau lại thành thực phụng sự dân tộc bị trị, dựng cờ độc lập nêu cao tinh thần bất khuất, cho nên ta không thể vì óc câu nệ hẹp hòi mà gạt

bỏ Triệu-Đà ra ngoài lịch-sử của ta. Ông Nguyễn-duy-Diển lại buộc thêm một điều-kiện nữa, đấy là nhìn nhận nhà Thục vào lịch-sử Việt-Nam thì cũng phải nhìn nhận nhà Triệu, hay ngược lại chối bỏ nhà Triệu thì cũng nên chối bỏ nhà Thục luôn.

Chúng ta thấy hồi Đại-chiến thứ hai, Toàn quyền Decoux đã cố giữ Đông-dương khỏi rơi vào tay quân Nhật, vậy thì dân Đông-dương cũng nên nhận Decoux vào lịch-sử của mình, là Decoux đã hoàn toàn phụng-sự cho dân Đông-dương, như ông Nguyễn-duy-Diển đã nhìn nhận Lộc-Tục bảo vệ nước Xích-quỷ hay sao? Xét cho đúng thì hành động của Decoux, cũng như của Lộc-Tục và Triệu-Đà, chỉ là để bảo vệ quyền lợi đế-quốc của mình mà thôi.

Về vấn-đề nhìn nhận nhà Thục trong lịch-sử Việt-Nam, thiết tưởng không phải là một vấn-đề dễ dàng. Vì từ trước đến nay đã có nhiều người, cũng như đã có nhiều kiến giải coi như không có nhà Thục, và cho rằng đấy chỉ là chuyện hoang đường. Và lại tại sao lại phải buộc hai họ Thục, Triệu vào với nhau như thế để nhìn nhận nhà Triệu, mà

lại không đi tìm những bằng chứng, những tài-liệu có thể giúp cho việc nhìn nhận họ Triệu có hơn không?

Đến đây ông Phạm-dinh-Khiêm với tư-cách đại-diện cộng-tổ-viện đưa ra một ghi nhận đại để : sử cũ phần nhiều có khuynh hướng nhìn nhận nhà Triệu vào sổ các triều đại Việt-Nam, nhưng lại chép triều-đại này vào « ngoại kỷ » hoặc « tiền biên », chứ không phải ở phần « bản kỷ » hoặc « chính biên », nghĩa là họ nhìn nhận nhưng rất dè dặt, hay là dè dặt mà không chối bỏ ; lại nữa ông cũng cho biết rằng Quốc-sử-quán triều Nguyễn tuy không nhìn nhận nhà Thục, nhà Triệu như các triều-đại chính thống, song cũng đưa hai nhà ấy vào sách « Cương mục » với sự thay đổi lối biên chép và những chữ dùng.

Đọc những ý trên, chúng ta nhận thấy rằng ông Phạm-dinh-Khiêm cũng đã có ý muốn nhìn nhận nhà Triệu vào sử Việt-Nam, nhưng ông vẫn cố giữ thái-độ khách-quan, bằng cách trình bày sự nhìn nhận dè-dặt của người xưa.

Sau đó, ông Nghiêm-Thậm

với tư cách một nhân-chứng phát biểu rằng :

— Sử nước Anh đã có những ông vua là người Pháp, như giòng họ Plantagenet thuộc gia-đình của bá-tước Anou ở bên Pháp. Sử Anh thường gọi là «những người Pháp làm vua ở nước Anh».

— Nên đặt vấn đề tìm hiểu địa bàn hoạt động của Triệu Đà. Theo nhà khảo cổ này thì : Nam Việt bao gồm các vùng như Quảng-đông, Quảng-tây, Phúc Kiến và Âu-lạc.

— Người Tàu không nhìn nhận người miền Nam nước họ là thuộc về dân Hán mà là người «Nam Man». Ông cũng cho biết thêm là các sử gia Trung-hoa cho rằng những người ở vùng lưỡng Quảng và Việt-nam đều là Nam Man cả.

Và ông Nghiêm Thâm viết một cách chắc chắn :

«Vậy thì nhà Triệu làm vua ở một nước gồm có các người có thể gọi là cùng một giống với người Việt.»

Cuối cùng ông kết luận :

«Vậy ta có thể coi nhà Triệu là một giòng họ đã làm vua ở nước ta vào thời thượng cổ ; lúc

đó gọi là nước Nam Việt». Chúng tôi đã lưu ý nhiều đến lý luận và chứng cứ của ông Nghiêm Thâm, vì khác hẳn các nhân chứng trước, ông Nghiêm Thâm — theo lời ông Phạm-đình-Khiêm giới-thiệu — là một nhà khảo-cổ.

Chúng tôi xét điểm thứ nhất, ngay ở dòng chữ ông Nghiêm Thâm trích trong dấu ngoặc kép «những người Pháp làm vua ở nước Anh», đã thấy người viết câu đó cần thận là bao nhiêu. Dụng ý của nó cho ta hiểu một cách chắc chắn rằng người Anh đã không coi những vua đó như là : những người Anh làm vua ở nước Anh. Vậy thì tại sao ông Nghiêm Thâm lại không dè dặt khi nói về trường hợp Triệu Đà, nghĩa là gọi ông vua này bằng : « Một người Tàu làm vua ở Việt-nam », nếu ông muốn thế.

Tuy vậy trường hợp Triệu Đà không cho phép dùng câu chúng tôi vừa đề nghị. Tại sao ? Vì người Pháp làm vua Anh trên đất Anh, còn Triệu Đà thì lại làm vua nước Nam Việt, chứ không làm vua nước Tây-Âu-Lạc xưa kia, cũng không làm

vua nước Việt-Nam. Chỗ khác nhau là ở đấy.

Theo Giao-châu ngoại-vực ký thì Triệu-Đà chỉ sai sứ giả đến cai trị Giao-chỉ, Cửu-chân mà thôi (Việt vương lệnh nhị sứ giả điền chủ Giao-chỉ, Cửu-chân nhị quận dân. — Câu này do Thủy-Kinh chú đã trích lại từ Giao-châu Ngoại-vực ký) (1). Giả-sử ta nhận Triệu-Đà có làm vua Tây Âu-lạc rồi làm vua nước ta nữa, thì tại sao chúng ta không nhận luôn các vua nhà Hán, Đường, Minh là đã làm vua nước ta, vì họ cũng đã cho quân xâm chiếm nước ta và cai trị nước ta như một quận huyện của họ ?

Về địa bàn hoạt-động của Triệu-Đà, hay nước Nam-Việt của nhà Triệu bao gồm những miền nào, thì chúng ta thấy ngay rằng ông Nghiêm-Thâm đã tỏ ra vụng về khi nêu ra : « Vấn đề chính là xét xem vương quốc của Triệu-Đà có bao gồm cả Việt-Nam không ». Ở một điểm nhỏ này ông Nghiêm-Thâm cũng đã phạm một lỗi lầm mà người nói chuyện lịch-sử không được phép quên và, một nhà khảo cổ lại càng phải nhớ, đấy là : sự

thận trọng và dè-dặt. Mọi người đều biết tên nước Việt-Nam chỉ có khi vua Gia-Long lên ngôi, tức là vào đầu thế-kỷ XIX. Vậy thì nhà Triệu làm sao có thể có một nước bao gồm cả Việt-Nam ? Chúng tôi xin đề nghị thay danh hiệu Việt-Nam bằng : cổ Việt.

Chúng tôi đồng ý với ông Nghiêm-Thâm là nước Nam-Việt bao gồm lưỡng Quảng và Tượng Quận. (Các đất ở phía nam, không thuộc vào Quế-châu và Nam-hải, nhà Tần gọi chung là Tượng Quận, và đều coi như là thuộc về họ. Ta cũng biết thêm hai quận Giao-chỉ và Cửu-chân cũng được coi là một phần của Tượng Quận).

Điểm sau cùng ông Nghiêm-Thâm nêu lên cũng là một sai lầm đáng tiếc. Chúng tôi không chối bỏ rằng dân ở miền Nam Trung-hoa đều được gọi là Nam-Man. Tuy thế điều cốt yếu là Nam-Man có phải là Việt-Nam không. Chúng ta biết rằng các

(1) Xem bài : *La première conquête Chinoise des pays annamites*, của Léonard Arousseau, *Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient* tập XXIII, tr 209.

dân ở phía nam sông Dương-tử đều được gọi chung bằng một danh-từ là : Việt. Tuy-nhiên, Việt không có nghĩa là Việt-Nam vì chúng ta đã từng nghe nói đến Mân-Việt, Lạc-Việt, Bách-Việt. Và người ta đã tốn rất nhiều công đề tìm tòi, mà vẫn chưa kết-luận được dứt khoát rằng dân-tộc Việt-nam thuộc vào thứ Việt nào.

Chúng tôi không thể dễ-dàng tin vào kết-luận mà ông Nghiêm-Thâm nêu lên sau khi dẫn ý-kiến của các sử-gia Trung-Hoa. Các sử-gia này đã nói những gì ? Theo ông Nghiêm-Thâm : « Đối với các sử-gia Trung-Hoa, những người ở Quảng-đông, Quảng-tây và Việt - Nam đều là người « Nam - Man » cả ». Điều này không ai chối cãi, vì xưa kia người Trung-Hoa coi các dân-tộc ở ngoài miền trung châu nước Tàu đều là mọi rợ cả. Họ

gọi các dân này là Di, Địch, Man... như là Tây-Di, Bắc-Địch, Nam - Man. Cho nên Nam-Man chỉ là dân mọi rợ, lại ở về phía Nam. Có thể thôi. Người Tàu không có ý hạn định danh-từ Nam-Man trong vùng lưỡng Quảng hay vùng đất có các dân Việt ở. Vào lúc bấy giờ, các dân như dân Chăm chẳng hạn, đối với người Tàu cũng chỉ là một thứ Nam-Man mà thôi. Điều này còn dễ hiểu thêm, vì mãi về sau này, các dân tộc ở miền Nam như nước ta vào các thời đại tự chủ, cũng vẫn bị người Tàu gọi là Nam-Man.

Như thế, chúng ta thấy rằng chỉ cần một vấn đề này đã khiến cho câu kết luận của ông Nghiêm-Thâm trở thành lạc lõng, không có giá trị.

(còn nữa)

* TÔI LÀ MỘT NGƯỜI NGU

Một người vừa thua kiện, viết một bức thư gửi cho Trạng-sư của mình, trong đó có câu :

« Kính thưa Trạng sư,

Tôi xin lỗi Trạng-sư, nếu lời nói thật của tôi hơi méch lòng ông. Tôi không có ý nào muốn nói Trạng sư là một người... ngu, nhưng chính tôi là một thằng ngu, vì tôi đã chọn ông làm Trạng sư cho tôi. »



Tem thư

Quốc-tê

t e m - t h u



« THÁC
PONGOUR »

★ ĐINH-ĐIỀN

Tem-thư « Thác Pongour » phát hành ngày 16-8-1951 có 3 giá tiền (0đ10, 0đ60 và 5đ00).

Đặc tính của tem-thư như sau : Khổ 24x40 ly, in một màu theo lối họa ảnh tại Nhà In Hélios Vaugirard ở Paris. Mỗi tờ có 50 tem-thư.

Tem-thư in theo một bức ảnh chụp Thác Pongour ở Đalat.

★

Có lẽ vì có nhiều thác nước, nên mới có tên Đalat

do hai chữ Dak là nước, và Lak là suối).

Thật vậy, ngoài các đối thông đẹp dễ, gió vi vu thổi như những điệu nhạc du dương, ngoài các hồ thơ mộng liễu xanh rủ bóng, Đà-lạt còn có nhiều thác nước, như thác Cam-Ly, Prenn, Gougah, vân vân...

Trong tất cả các thác nước, có thác Pongour là đẹp và hùng vĩ hơn cả, và thác này

cũng xa hơn hết vì cách Đà-lạt 50 cây sô, trên con đường cái Saigon-Đalat.

Từ đường cái đền thác Pongour phải đi một con đường nhỏ, dài 7 cây sô, mặt đá gồ ghề nhưng vẫn đi xe hơi được. Hai bên đường là rừng rú, cây lá chẳng chặt, nhiều hoa rừng cỏ dại. Cảnh tịch mịch, lạnh lùng, đôi khi phá tan bởi những tiếng chim hót trên ngọn cây, hay tiếng suối róc rách trong khe đá.

Đi độ nửa tiếng đồng hồ, thấy thác Pongour hùng vĩ hiện ra trước mắt, trông như một thác Niagara nhỏ.

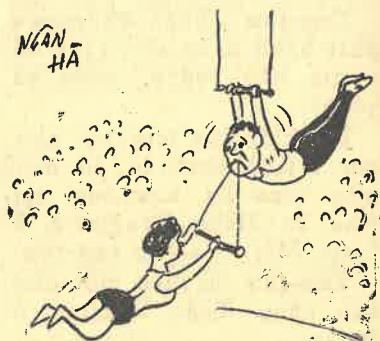
Từ trên núi cao ào ào chảy xuống, vượt qua những tảng đá lớn, Thác Pongour bề dài gần 50 thước rơi xuống vực sâu chừng 10 thước, chia thành nhiều tia nước như hình cánh quạt. Rơi xuống những tảng đá, mặt nước bắn tung lên, ánh tà dương chiếu vào trông như những hạt ngọc lấp lánh. Tiếng nước rơi xuống tảng đá, đứng xa vẫn nghe, hòa với tiếng gió thổi trong cây, tiếng chim véo von đầu cành, hòa thành một nhạc điệu oai hùng.

Hai bên thác toàn là cây

và đá, « cỏ cây chen lá, đá chen hoa » tạo nên một cảnh non nước hữu tình, quyền rũ khách bốn phương.

Du khách mỗi khi có dịp viếng Đalat, đều không quên dừng chân ghé ngắm xem Thác Pongour, và trước cảnh đẹp dễ, hùng vĩ của rừng núi âm u, đều tâm đắc khen thắm và thần phục, vì chỉ có Đàng Hó-công mới có thể tạo nên những cảnh như vậy. Dấu có thiên tài sáng tạo đền đài đi nữa, bàn tay người chưa thể nặng nề những cảnh thiên nhiên hùng vĩ, có cây, có đá, có thác nước như thế được.

ĐÌNH ĐIỀN



TÌNH TRONG GÁNH XIỆC

— Liệu anh còn yêu tôi nữa không! Anh trả lời ngay cho tôi biết...

tàn rồi mộng thắm

★ BĂNG-SA
(Tây-Đô)

Tàn rồi mộng thắm chuỗi ngày thơ !

Chiếc áo hồng non khói phủ mờ.

Ngày tắt nắng, vàng xao-xác lá,

Hoa tàn rũ bóng, bướm thờ ơ !

Từ thuở yêu nhau trời mãi xuân :

Hoa cười, chim hót, dạ buâng-khuâng

Trăng thanh gió mát, từng cao thắm,

Biển rộng, sông dài, thương nhớ thương.

Từ buổi yêu nhau hoa ngát hương,

Khăn hồng, giấy thắm, lòng vẫn vương.

Câu thề, buổi hẹn, tình non nước,

Son sắc nào phai, chớ lo lường.

Một giấc mơ dài tỉnh cuộc say,

Xuân tàn, nắng nhạt, lá vàng phai !

Ai hay giấc bướm hay tình thực.

Chỉ tiếc rằng sao chẳng có hai.

Danh-Nhân Thế-Giới

Tiên-biên Thế-Kỷ Hai-mươi

8.— Winston CHURCHILL

(Tiếp theo P.T. 93)

Trong các cuộc hành-quân, Đại-tá Churchill lưu tâm đến từng chi tiết. Một sĩ-quan thuật chuyện rằng ông Churchill tiên-đồn mỗi ngày 3 lần và có khi lần thứ ba vào 1 giờ sáng. Ông dòm ngó tất cả mọi sự và nhờ có mắt của « chủ » nhìn vào nên công việc gì người dưới cũng phải làm chu đáo.

Giàn trọng pháo của ông được lệnh bắn suốt đêm « để cho bọn lính Đức mất ngủ » theo lời ông nói. Nhưng ông cũng làm cho lính Anh mất ngủ nữa, nhất là khi bên đối phương cũng nỗ lực để phòng ngừa cuộc xáp chiến. Một sĩ quan kể lại rằng : « Chúng tôi phải trải qua những đêm rừng rợn mà

chẳng có gì xảy ra. Những tiếng nổ vang trời cứ tiếp tục cho đến sáng ».

Muốn giữ sức hăng-hái, mỗi buổi sáng Churchill ngâm mình vào một bồn tắm nước nóng. Một người hạ sĩ quan hầu cận đứng gần bên để vặn máy hát và thay đĩa hát ; ông nằm trong bồn nước nóng mà đọc sách : ông đọc Shakespeare một cách vô tư lự và đội thêm cái nón sắt nếu có sự nguy hiểm trong khi đang tắm.

Đối xử với người dưới, Đại-tá Churchill tỏ ra thân tình và âu-yếm. Có ai bị thương, ông thường đến hỏi thăm tại giường bệnh. Có đêm, ông thấy một anh lính gác run rẩy vì sợ và vì lạnh, ông tiến đến đứng bên anh nói chuyện hồi lâu để nâng cao tinh thần của anh.

Đối với những người trên, những tướng lãnh, ông tiếp

DANH NHÂN THẾ GIỚI



đón một cách đàng hoàng, nghiêm chỉnh. Các vị tướng đều nể ông và dè dặt lời nói vì họ nhớ rằng ông đã từng làm Bộ-trưởng và biết đâu chẳng có ngày vị Đại-tá dưới quyền họ lại chẳng trở về với chức Bộ-trưởng Chiến-tranh. Một hôm sau bữa ăn dài một vị khách quý vào hàng tướng-lãnh, Churchill đề nghị một « cuộc giải trí nhỏ. » Các thực khách tưởng chừng sẽ thấy một vũ-nữ ra múa hát. Họ có ngờ đâu Churchill mời họ đi thăm những đường hầm dùng làm đường giao thông mà lại đi trên mặt đất, chớ không đi trong hầm. Một vị tướng thường

có tiếng là ít ra khỏi văn phòng, có mặt trong số tân khách, bèn hỏi Churchill :

— Đại-tá có thấy cuộc thăm viếng này rất nguy hiểm không ?

— Thưa, thật ra cuộc chiến tranh là một việc rất nguy-hiêm.

Churchill lạnh lùng trả lời như vậy.

Ba tháng sau khi ra trận cầm quân, đơn vị của ông được lệnh trên bắt sát nhập vào các đơn vị khác.

Đồng thời luật trưng binh được đưa ra thảo luận ở Quốc-hội. Chính Churchill là người đề-nghị biện pháp này nên các đồng chí của ông kêu gọi ông về nghị-trường đề binh-vực đề-nghị ấy. Ông bèn trở về Anh. Ngày ông rời mặt trận là ngày buồn rầu chung cho tất cả các người dưới quyền chỉ-huy của ông.

★ TẾ-XUYẾN

古今名人
世界名人錄

● HOẠT-ĐỘNG TẠI NƯỚC ANH

CHURCHILL quyết kích-động Quốc-hội và các cơ-cấu chánh-quyền đang ở trong một trạng-thái bị động. Ông không muốn đồng-bào của ông có tinh-thần cầu-an, tính gây cho họ một tinh-thần chiến-đấu trong lúc quốc-gia đang tham-chiến ở bên cạnh nước Pháp.

Những hồi ấy, ít ai chịu nghe theo Churchill. Ông chỉ thu gặt được vài kết-quả không lớn lắm.

Ông được chánh-phủ chấp-thuận đề-nghị lập ra những đoàn thiết-giáp.

Sư-đoàn thiết-giáp đầu tiên đã mở hé cánh cửa cho ông bước vào thế-giới của mỹ-thuật và thành một nhà hội-họa nổi tiếng. Nguyên là sư-đoàn này nhớ ơn Churchill, muốn tặng ông một bức chân dung ông vẽ sơn màu. Họa-sĩ John Lavery lãnh trách-nhiệm vẽ bức chân dung này. Churchill vui lòng ngồi làm kiêu cho họa-sĩ vẽ.

Những lúc nóng ruột, ông lại đứng lên xem đã vẽ đến đâu. Ông có dịp nói chuyện với họa-sĩ, hỏi tỉ-mỉ về hội-họa rồi thấy ham-thích mỹ-thuật.

Thế là ít lâu sau, người ta đã thấy Churchill cặm-cui trước một cái giá vẽ. Mỗi khi đi tìm cảnh đẹp, ông chịu khó mang đủ đồ dùng của họa-sĩ, ông không quên cả cái áo choàng màu xanh da trời và cái nón nỉ của nghệ-sĩ.

Rồi ngày kia tại giữa thủ-đô Ba-lê đang bận-rộn về chiến-tranh, người dân Pháp được đi xem một cuộc triển-lãm những tác-phẩm sơn màu của một họa-sĩ chưa nghe tên tuổi bao giờ : họa-sĩ Charles Morin. Đó chính là tên mà Churchill ký dưới tác-phẩm.

Lavery thành bạn thiết của Churchill vì đã mở đường cho Churchill bước vào hội-họa. Hai họa-sĩ mến nhau, thường thi đua với nhau nên Churchill rất tiến-bộ. Có lần 2 người bạn ấy đã cùng vẽ một thắng cảnh không ký-tên, gửi đến dự một cuộc thi. Kết-quả : bức vẽ của Churchill trúng giải.

Picasso bình phẩm Churchill hồi ấy đã nhìn nhận rằng ông có đủ khả năng của một họa-sĩ nhà nghề : « Nếu ông chuyên

chú về hội họa, ông sẽ kiếm tiền khá lắm và trở thành một nghệ-sĩ danh-tiếng. »

Giám-đốc một phòng triển lãm lớn nhất ở Luân-đôn, đã nói : « Những tác-phẩm của ông, ký một bút hiệu, cũng có giá

rồi và nếu ký Churchill thì không biết thế nào mà đánh giá được. »

Song Churchill chỉ cho hội họa là một lối giải-trí khi nhàn rảnh để tạm quên công việc nặng nhọc hàng ngày của mình.

● NHỮNG NĂM LÊN BỔNG XUỐNG TRẦM

CUỐI năm 1919, Churchill được mời tham-gia chánh phủ và đến lúc chiến tranh gần chấm dứt, ông giữ tới hai bộ quan-trọng : Hải quân và Không quân.

Nhưng sau khi cuộc Thế-chiến thứ nhất kết liễu, dư-luận Anh khuynh về tả và đổ lỗi cho Churchill đã có trách nhiệm làm thiệt hại cho nước Anh quá nặng trong cuộc chiến tranh này.

Churchill phải từ chức Bộ trưởng trong Chánh-phủ.

Nhưng năm 1925 uy-tín của ông trở lại với ông. Đảng bảo thủ lên cầm quyền ; Thủ-tướng Stanley Baldwin giao bộ Tài chánh cho Churchill, nhằm vào một lúc khó khăn, thợ thuyền thất nghiệp.

Bộ-trưởng tài chánh Churchill

bền thi-hành những biện pháp quá táo bạo và cương-quyết đặt đồng Anh-kim vào kim bản-vị.

Ông là người luôn luôn chủ trương sự cương-quyết và làm theo ý mình hơn là theo dư-luận. Bởi vậy ông đã từng được dân rất mến phục nếu ông thành công và ông cũng từng bị dân oán ghét nhiều lần. Tính ra từ khi tốt nghiệp ở trường sĩ-quan ra, ông đã tham dự 5 cuộc chiến tranh, 9 lần làm Bộ-trưởng, đọc 8000 bài diễn-văn trước công-chúng.

Năm 1929 đảng Bảo-thủ bị đảng Lao-động của Mac Donald đánh bại và người ta lại đổ lỗi cho Churchill. Churchill bị lãng quên trong khoảng 10 năm.

Từ 1929 đến 1939 ông viết sách. Bộ sách đầu tiên của ông

gồm 4 cuốn nhan đề là «Cuộc khủng-hoảng hoàn cầu». Bộ sách sau vĩ-đại hơn, nói về cuộc đời của Marlborough. Về văn tài của ông, nhà văn hào Anh, Sir Arthur Conan Doyle, đã phê-bình: «Tôi nhận thấy Churchill là cây bút xuất sắc nhất trong các nhà viết văn hiện đại.»

Các báo đăng bài của ông trả tiền nhuận bút hết sức lớn. Qua Mỹ diễn thuyết ông gặp tai nạn xe hơi và việc làm thứ nhất của ông là xin dừng truy tố người tài-xế, ông còn tặng cho anh ta một cuốn «Cuộc khủng-

hoảng hoàn-cầu» nữa. Ở bệnh viện ra, ông viết một bài thuật lại tai nạn rủi ro của ông, liền có báo mua với giá 2500 Mỹ-kim.

Những tiền nhuận bút của ông trong 10 năm đã được bà Churchill dùng mua lâu đài Chartweell làm tư-dinh cho ông. Có lần thấy thợ hồ sửa chữa một căn phòng, ông cũng cầm đồ nghề của anh thợ và làm công việc của anh. Người thợ khen ông khéo tay và vài hôm sau, ông xin gia nhập nghiệp đoàn thợ hồ chơi.

● SỰ NGHIỆP TRONG THẾ-CHIẾN THỨ NHỊ

NĂM 1939 khi Hitler hoạt động dữ-dội ở Đức, Churchill thấy không thể ngồi không được nữa. Ông đứng giữa nghị trường, «đơn thương độc mã» chống với chủ nghĩa độc-tài đang bốc cháy ở Đức, Ý.

Ông la lớn ở nghị viện: «Có ngày các ông sẽ phải đương đầu với tình thế».

Quả nhiên ngày ấy không xa. Chỉ ít tuần sau, Thủ-tướng Chamberlain phải vác cây dù

sang tận Munich để nhượng bộ Hitler, chia cắt vùng Sudètes cho sát nhập vào nước Đức. Churchill hằng say công kích chánh sách nhu-nhược, đầu hàng của Anh:

— Cần phải cho cả nước biết sự lớn lao của vụ nhượng bộ này.

Các chuyên viên chánh trị và quân sự cho biết rằng nếu chánh phủ Anh nghe lời Churchill thì đã có 12 cơ-hội, chặn

đứng được Hitler mà không cần lưu huyết. Người ta đã bỏ lỡ 12 cơ-hội để đưa Thế giới vào cuộc Thế-chiến thứ nhì.

Ngày 1 tháng 9 năm 1939 quân đội của Hitler kéo vào Ba-lan; ngày mồng 3 tháng ấy Pháp và Anh tuyên chiến với Đức. Churchill được lãnh trọng trách chỉ-huy Hải-quân như hồi Thế chiến thứ nhất. Ông lo cải tổ mạnh mẽ các hạm đội để đối phó với các tàu lặn Đức, Ý.

Ngày 10-5-1940, tình hình Âu-Châu lâm nguy, Chamberlain phải từ chức Thủ-tướng, ông Churchill lên lập chánh phủ. Lời đầu tiên của vị Thủ-tướng mới là nói trắng với toàn quốc rằng đã đến lúc phải hy sinh bằng «máu và mồ hôi và nước mắt». Chính những tiếng này đã dùng làm biểu ngữ trong 6 năm chiến tranh của các nước dân chủ.

Trong khi cầm quyền, ông có sức thu-hút cảm tình của nhiều chánh khách. Ai đã nói chuyện với ông thì như bị ông thôi miên. Mới cầm quyền ông đã phải giải quyết vụ Dunkerque rất khó khăn, tế nhị: Quân Anh

tham chiến ở Pháp bị bại trận phải rút về nước. Churchill cho lệnh huy-động toàn thể chiến hạm để chở lính về Anh. Tất cả mọi người từ trên xuống dưới đã rặn rắp làm theo lệnh của ông. Thủ-tướng Anh không ngần ngại gì, nói rõ tình hình đen tối cho dân chúng biết: Âu-châu bị chiếm đóng; Nga-sô trở cờ, qua phía phát-xít; Mỹ vẫn trung-lập.

«Chúng ta cô-độc. Chúng ta chiến đấu một mình!» Ông tuyên bố câu ấy ở giữa Hội Đồng chánh phủ Song ông kiên tâm và hăng hái chiến đấu; sau Mỹ không còn có thể có lý do mà trung lập nữa. Mỹ đã phải tham chiến.

Lần đầu tiên, Churchill gặp Roosevelt trên chiến-hạm «Prince of Wales» ngày 9-10 năm 1941 và hai nhà thủ lãnh Anh, Mỹ đã có thiện-cảm với nhau. Trong cuộc Thế-chiến thứ nhì, hai yếu-nhơn ấy tiếp xúc với nhau có đến 12 lần.

Lần hội-kiến đầu tiên của Churchill với Staline vào tháng 8 năm 1942 tại Moscow. (Lúc này Nga đã bỏ Đức và phe với Đồng-Minh).

Cuộc tiếp xúc này cũng là một cuộc khẩu-chiến dữ-dội

đầu tiên và còn tiếp tục nhiều lần nữa. Hai thủ-lãnh hăng hái công kích nhau trong các cuộc thảo luận; nhiều lần Churchill đập tay lên bàn rất mạnh, làm rung rinh cả ly, tách.

Nhưng Hội-nghị Téhéran vào tháng 11 năm 1943 đã dung hòa được các quan điểm và ba yếu như Roosevelt, Churchill và Staline đã thảo luận ôn-hòa trong những tiệc tùng thân-thiện.

Trong 6 năm cầm quyền, nhằm thời kỳ chiến tranh, Thủ-tướng Churchill phải là người mạnh sức lắm mới lãnh nổi gánh nặng. Ông làm việc từ 16 đến 18 tiếng đồng hồ mỗi ngày, bất chấp nguy hiểm. Mỗi lần Luân-đôn bị oanh tạc dữ-dội, ông thường rời khỏi dinh Thủ-tướng sau tất cả mọi người.

Đến ngày thắng trận, Thủ-tướng Anh đi xe hơi vui vẻ, từ dinh Thủ-tướng đến Quốc-hội. Công chúng đứng chật cả đường, xe đi chậm chậm. Ông đứng ở phía trước, mỉm cười, dơ hai ngón tay làm thành chữ V đầu của tiếng thắng trận mà chào công chúng. Ông bỗng sức nhớ quên điếu xì gà, liền bảo vệ-sĩ chạy đi kiếm một

điếu. Ông không muốn cho dân chúng quên hình ảnh ông với điếu xì gà ngậm miệng.

Tới nghị-viện, các ông nghị trèo lên bàn, vỗ tay hoan nghinh người đã đem sự thắng trận cho Tổ-quốc. Churchill cảm động chảy nước mắt.

Nhưng đến kỳ bầu cử Quốc-hội, dân chúng Anh đã bỏ thăm cho đảng Lao-động Anh lên cầm quyền, quên cả đảng của người đã thắng Đức. Những vấn đề khó khăn trong phạm vi xã hội đòi hỏi một người của đảng Lao động đề giải quyết.

Đảng Lao động sau cũng lại không giải-quyết được khả quan các vấn-đề. Đến tháng 10 năm 1951, cuộc bầu cử lại đưa ông Churchill trở về ghế Thủ-tướng. Ít lâu sau, ông thấy cần nghỉ-ngơi, nhường chức cho ngoại trưởng Eden của đảng ông, lên ghế Thủ-tướng.

Ông trở về an nhàn tuổi già, viết ký-ức.

Tuy nghỉ mà từ Thủ-tướng Eden đến Thủ-tướng Mac Millan bây giờ, mỗi khi gặp những vấn đề quốc tế khó khăn, đều phải tới thỉnh ý-kiến của ông.

TẾ-XUYÊN

hoa nữ sinh

★ MỘC-CHÂU

Áo trắng nữ sinh

Màu đen của tóc.

Phủ bờ vai êm dềm xinh mắt ngọc,

Tay ngại-ngùng hờ-hững kéo vành nghiêng.

Khuôn mặt em sáng rõ dịu-hiền,

Dưới chân bước tương-lai đầy hoa bướm.

Em chưa sầu thế-hệ,

Em chưa nhặt đau-thương.

Đời trắng trong em mỗi buổi đến trường,

Dâng tất cả niềm tin vào sách vở.

Ánh mắt bờ-ngờ,

Bàn tay em chưa hẳn nét ngọc tù,

Từ hạ qua thu

Lá vàng rơi em thấy đời vẫn đẹp,

Với em cửa mùa xuân chưa khép

Đời học-trò còn giữ nét ngây-thơ.

Trước hư vô em vẫn quá dại khờ,

Chưa hề nhặt một nỗi buồn riêng biệt,

Niềm vui bất-diệt

Vẫn thắm ngày ngượng-trị mắt em.



Tuần

DÂN CHỨNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI 1910-1960

(Tiếp theo P.T. 93)

★ NGUYỄN-VỸ

1924, thầy giáo mà yêu học trò là một việc hi-hữu, một việc « động trời », không những gây ra dư-luận xôn-xao ở Học-lường mà « tai tiếng » còn tràn lan cả thành phố. Không riêng gì ở Q. N. nơi Tuấn đang trọ học, mà ở khắp các trường học trong nước, ở Trung-kỳ cũng như ở Bắc-kỳ, Nam-kỳ, mặc dù Nam-kỳ là thuộc-địa của Tây, sống dưới một pháp-luật tự-do rộng-rãi hơn. Tiếng thông-thường chưa gọi là « yêu », người ta bảo : thầy giáo « *trai gái* » với học-trò, (tiếng miền Trung), thầy-giáo « *phái lỏng* » cô học-trò, (tiếng miền Bắc), thầy giáo « *mèo* » với học-trò (miền Nam). Mỗi tình ấy bị coi là « vô luân-thường », « vô đạo-đức », bị dư-luận của

các gia-đình phụ-huynh học-sinh, dư-luận của toàn-thể xã-hội, phê-bình nghiêm-khắc, rất là nghiêm-khắc. Không một ai bênh vực, che chở cho cuộc « tình-duyên tội-lỗi » ấy.

Tuấn còn nhớ hồi học lớp Nhứt ở Quảng-Ngãi, một thầy giáo độ 20 tuổi ở Huế mới dời tới, dạy học suốt một niên-khóa mà không bao giờ dám nói một câu bông đùa với bốn cô học trò 14, 15 tuổi trong lớp, hoặc trao đổi một nụ cười, một tia mắt, hoặc hỏi han một câu gì ngoài những bài học trong chương trình. Các cô đều xưng với Thầy bằng một tiếng « *con* » rất cung-kính.

Ấy thế mà khi Tuấn vào học trường Qui-nhơn, lúc gần mãn

TUẤN CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT

niên khóa, bỗng dưng nghe xảy ra một chuyện « thầy giáo trai-gái », với học-trò. Không phải ở lớp Tuấn, vì từ lớp « Đệ-nhất niên » — (1ère Année) trở lên không có nữ-sinh. Nhưng cô thi đỗ bằng « *primaire* » ở các tỉnh đều ra Huế học trường Đồng-Khánh, trường Nữ trung học duy nhất, lừng lẫy tiếng tăm ở Trung-Kỳ.

Lớp nhất trường Qui-nhơn có sáu cô nữ sinh : Yến, Nhạn, Lài, Thục, Trâm, Anh. Trò Tuấn nhớ rõ tên 6 cô là nhờ một đêm trời mưa trò có đến chơi nhà trọ của bốn cô sau và làm một bài thơ đùa nghịch tặng các cô :

Yến, Nhạn : đa tình,
Trâm, Anh : duyên tình
Thục : lưng quần đỏ,
Lài : nhỏ xinh-xinh.

Yến và Nhạn là hai chị em ruột, con gái một bà Quan-lớn góa chồng mà học-trò đồn là « tình-nhân » của ông « *Đĩa-réc-tơ* », và cả ông Gabriel, giáo-sư toán. Bà rất đẹp mà hai cô cũng rất đẹp, có vẻ quý-phái, trông điệu-bộ đa-tình ghê-gớm. Trâm và Anh độ 16, 17 tuổi, có duyên-dáng mặn-mà, lại hay bẽn-lẽn, đi học cứ che nghiêng cái nón gò-găng, sợ học trò con trai nhìn mặt. Thục, nước da

ngăm-ngăm đen, đi rất chừng-chạc và chuyên-môn mặc quần « *trăng-đằm* » đen mà lưng-quần thì may bằng vải cầu-kieu đỏ loét. Trò Tuấn cứ chế-nhạo cái màu đỏ ấy hoài, nhưng Thục không bao giờ thay lưng quần màu khác. Cô Lài, con gái bà chủ nhà trọ của các cô, người nhỏ bé, xinh-xắn, và rất vui-lính, cứ theo chọc trò Tuấn hoài. Nói đúng ra, thì cô nào cũng ưa « *phá-rầy* » trò Tuấn, và những đêm trời mưa, Chủ-nhật, thứ Năm, trò thường đến chơi với bốn cô. Trò nói chuyện đời xưa đời xưa, chuyện tam-hoàng ngũ-đế, chuyện ba lảng-nhãng, bên Tây, bên Tàu, mà các cô thích nghe, rồi ngâm thơ, đánh đàn, hoặc chỉ giùm cho các cô về Pháp-văn, vì cô nào cũng ngán môn văn-phạm. Bốn cô cứ ra phố mua kẹo thèo-lèo, một xu được 1 gói, về lo lót cho Tuấn, để nhờ trò « *gà* » cho bài Luận Pháp-văn.

Lần nào Thầy giáo chấm bài luận của bốn cô cũng cho nhiều điểm, tội học trò con trai lớp Nhất cứ thua điểm 4 cô con gái, và bị Thầy la rầy, tức mình đi rình các cô, nhưng không bao giờ bắt gặp các cô mua

keo thèo-lèo đề hồi-lộ trò Tuấn. Mãi sau này, ba bốn chục tuổi Tuấn vẫn ghiền keo thèo-lèo, nguyên do cũng tại các cô ấy. Tuấn đánh đàn không hay, chỉ từng-tưng-tưng một đôi bản *hành vân*, *lưu thủy*, thơ thì tập-tễnh năm ba vần cóc nhái, nói chuyện thì lung-tung thiên-địa, nhưng bốn cô học trò lớp Nhất lại thích chơi với trò Tuấn. Có lẽ vì trò học lớp trên, và chỉ có trò là thường đến nói chuyện chơi vui với các cô trong những đêm mưa tiêu-diêu, ớn-ớn lạnh...

Các trò khác mắc-cở đâu dám bước chân đến căn nhà trọ mỹ miều nghiêm-trang ấy. Nhiều đêm trời mưa tầm tã, các cô muốn Tuấn ở lại. Tuấn kể những truyện tình Tây-phương rất cảm động, mà Tuấn đã đọc trong các bộ tiểu thuyết Pháp, *Graziella* chẳng hạn, hoặc *Andromaque*, *Télémaque*, *La Dame aux Camélias*, bốn cô hồi hộp ngồi nghe, bốn cặp mắt huyền-mơ cùng uống trên môi trò những lời nói ngây ngô thơ mộng. Cho đến hai ba giờ khuya nghe dứt chuyện, bốn cô say sưa lăn ra ngủ trên giường, trong chiếc mùng trắng xóa. Trò Tuấn cũng buồn ngủ quá rồi, nằm chèo

queo trên chiếc ghế dài, lạnh ngắt. Mưa dầm dề, gió rít đều-hiu. Trò thiêu-thiu ngủ, nhưng vẫn cảm thấy như có mảy bàn tay dịu dàng, khẽ đắp lên cho trò hai chiếc chiếu hoa. Ngọn đèn Huê-kỳ hết dầu đã tắt ngấm tự bao giờ.

Một số đồng học trò lớp Nhất và lớp Đệ-nhất-niên đồn-đai rằng trò Tuấn «traí gái» với bốn cô học lớp Nhất, ở trọ nhà bà Mươi. Nhưng đây chỉ là lời đồn xuyên-tạc, hoàn-toàn «vô căn-cứ». Chứ «traí gái» làm sao được với bốn cô một lúc, và trò Tuấn mới có 15 tuổi, các cô học lớp Nhất cũng mới có 14, 15 tuổi thì biết gì mà trai gái!

Nói có trời chứng minh, trò Tuấn với 4 cô bạn gái có giao-du thân-mật với nhau thật sự, nhưng chỉ thân-mật trong cái vòng lần-quần loanh-quanh của học trò, chứ chưa bao giờ họ trao-đổi với nhau một lời hứa-hẹn «tơ-lơ-mơ» hoặc một câu tâm-tĩnh say-mê rạo-rực...

Năm 1924, trong đám học-sinh «An-Nam», chưa ai được nghe văng-vẳng câu: «*anh yêu em*» hay «*em yêu anh*». Mặc dầu là những trò to đầu lớn xác, học

ở các lớp đệ-nhị, đệ-tam-niên, cũng chưa có ai biết «hôn môi» hôn má là gì. Không bao giờ người ta thấy bóng một cặp thanh niên, thiếu-niên nam-nữ, đi chung với nhau ngoài phố, hay bất cứ ở đâu. Con gái riêng phần con gái, con trai riêng bên con trai, gặp nhau trước cổng trường, cũng đi né sang một bên, trông thấy nhau ngoài đường phố cũng không có đứng lại ngó nhau cười, hay nói vài ba câu chuyện.

«Traí gái» không phải là không có. Ở thời nào nơi nào mà không có «traí gái»? Nhưng «traí gái» chỉ viết một vài lá thư kín đáo gửi lên cho nhau, thêu cho một vài chiếc khăn, gửi cho một vài gói bánh... Thế thôi.

Dù có thề non hẹn bể cũng chỉ trên giấy mực, tuyệt nhiên không có cô-cậu nào dám cặp tay nhau đi nhõn-nhờ ngoài phố, hay đem nhau ra ngồi ngoài bãi-biên hay trên động-cát mông-mênh.

Ấy thế mà bỗng nhiên xảy ra vụ Thầy-giáo lớp Nhì «traí gái» với cô học-trò trong lớp, làm câu chuyện đầu môi cho toàn thể mấy trăm học-trò. Thầy này còn trẻ, người Huế, vào khoảng

20, 21 tuổi, chưa có vợ. Cô học trò cũng người Huế, độ 14, 15 tuổi. Một buổi tối khoảng 8 giờ, trò Tuấn đi lang thang hóng gió trên con đường vắng vẻ trước trường. Tình cờ trò thấy hai bóng trắng trong một xó tối gần một ngôi mộ vôi. Đường này có tiếng là có nhiều ma, vì trước kia là một nghĩa địa mà mồ ngồn ngang trên một động cát hoang vắng. Trông hai bóng trắng là hai con ma, Tuấn vụt chạy. Một lúc sau, một cậu học trò khác đi xe đạp ngang qua đây, trông thấy hai bóng trắng cũng tưởng là ma, cũng cầm đầu khom lưng đạp thật nhanh. Hai trò gặp nhau ngay trước cổng nhà Lao, cậu nào cũng hốt-hơ hốt-hải nói chuyện với một người Linh-Tập: «Có hai con ma mặc toàn đồ trắng hiện lên chỗ Mả Vôi nơi góc sân Trường!» Người lính tập bảo: «Ma đâu nào? Các cậu chỉ tôi xem, tôi bắn nó chết ngay bây giờ». Người lính mang súng đi với hai cậu học-trò trở lại chỗ Mả Vôi. Hai bóng trắng đứng sát gần nhau, và yên lặng, không nhúc-nhích. Người lính nấp đạn vào súng, rồi hô lên: «Có phải ma không? Tôi bắn chết chịu đây nè!» Bỗng «ma» cất giọng

run run : « Không phải ma ! Đừng bắt tội tôi » ! « Ma » nói giọng Huế. Người lính lại bảo :

— Không phải ma, thì ai ? Xưng tên lên, không thì tôi bắn !

Ma tự giới thiệu :

— Tôi là Thầy Giáo.

« Ma » đứng-dĩnh đi ra...

Trò Tuấn vẫn còn lạnh nơi xương sống vì trò nghe người ta nói rằng ma thường giả dạng làm người. Nhưng bóng ma mỗi lúc mỗi hiện ra rõ-rệt, với chiếc áo dài trắng, quần trắng, tà áo phất-phơ trong gió. Tuấn chăm-chú nhìn dưới chân ma, nếu phải là ma thì chân đi lơ-lửng trên không-khí, còn trái lại nếu chân đạp trên đất thì đúng là người.

Trò Tuấn vô-cùng ngạc-nhiên thấy bóng trắng bước đến gần trò chính là Thầy Giáo Lớp-Nhì, Thầy X...

Lễ-phép, trò Tuấn và người học-trò kia đều khể cúi đầu : « Thưa chào Thầy ! »

Câu chuyện tò-mò của bác lính tập và hai cậu học trò đáng lẽ đến đây có thể chấm

dứt được rồi. Không dè bác lính tập quá-ác, lấy tay chỉ một bóng trắng còn đứng yên bên Mả vôi, trong bóng tối lơ-mờ ghê rợn, vì đường phố không có đèn. Y hỏi :

— Còn con Ma nào kia nữa ?

Thầy giáo lớp Nhì lính quỳnh, bập-bẹ trả lời :

— Cô em... em của tôi đấy.

— Kêu em Thầy ra đây. Sao lại đứng đó ?...

Bóng trắng cứ đứng yên một chỗ. Người lính bảo :

— Không ra đây, tôi bắn, chết chịu à !

Bây giờ trò Tuấn mới nhận thấy là người lính tập hơi say rượu, giọng nói của y hơi lè-nhè. Thầy giáo X... lên tiếng gọi :

— Đi ra, em !

Bóng trắng đứng-dĩnh bước ra. Trời tối, Tuấn chưa trông rõ mặt, chỉ thấy thoáng qua hình dáng thiếu-nữ. Người lính say rượu, hỏi :

— Cô làm gì chỗ cái Mả vôi đó ?

Giọng thiếu-nữ Huế trả lời rất nhỏ :

— Dạ... có mần chi mô có...

Trò Tuấn bước kê lại xem, bỗng reo to lên :

— Tưởng ai ! Cô Hoa, học trò lớp Nhì đấy mà !

Người lính tập say, tay cầm súng lại ngó Thầy-Giáo và tiếp tục hỏi :

— Thầy làm chi trong nó với cô học-trò nhỏ này ?

— Nó là... em... của tôi... Nó đi tiêu... nó sợ ma... tôi phải đi với nó...

Người lính phá lên một trận cười làm tan vỡ cả bầu trời vắng lặng. Anh ta quay lại ngó Thầy Giáo :

— Thôi, xin chào Thầy.. hi..!

Giọng nói khôi-hài, mỉa-mai, cay-đắng, điềm theo một tràng cười kể-tiếp, sặc-sụa, vang cả động cát và khu Học-đường. Người lính đi xa... biến hẳn nơi nút đường tối om, nhưng tiếng cười của anh ta cứ còn văng-vẳng... hã ! hã ! hã !... hã ! hã !... hã... hã... hã !!!...

Hai cậu học trò cũng vụt chạy mất, để lại cho hai bóng trắng còn tần-ngần giữa đường một chuỗi cười hăng-hắc...

Sáng hôm sau, hai cậu phao ra cái tin « động trời » cho cả trường và cả thành phố Qui-nhơn hay : « Thầy giáo trai-gái với cô học-trò ! »

(còn nữa)



★ GIỜ VẼ

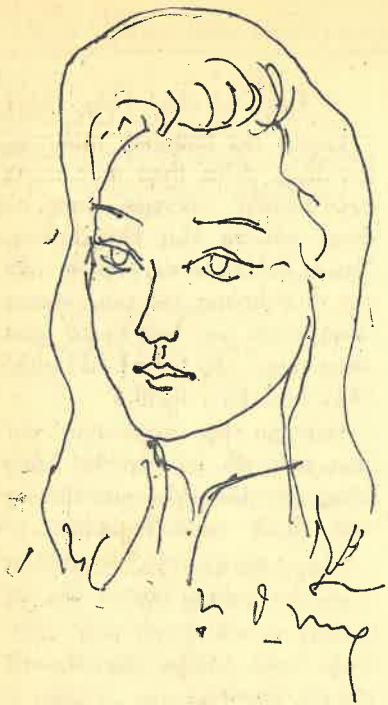
Một cô giáo bảo các học-trò trong giờ vẽ :

— Các trò hãy tự vẽ cái gì mà các trò thường thấy nhiều nhất đem cô xem.

Một trò cầm cụ vẽ một hồi rồi đem lên đưa cô giáo. Cô hỏi :

— Sao trò lại vẽ chai rượu ?

— Thưa cô, vì cha con là... bợm nhậu ạ.



• truyện ngắn

PHO TƯỢNG

★ TÔ-NGUYỆT-ĐÌNH

NHỮNG đường cong tuyệt mỹ trên thân hình của người mẫu đã có sức cảm dỗ lạ lùng đối với Kỳ-Nguyên. Chàng thấy say sưa ngay từ hôm người đàn bà ấy xuất hiện trong phòng nặn tượng.

Hơn mười năm theo học khoa điêu khắc ở La-mã, sáu tháng nay Kỳ-Nguyên về Sài-gòn mở phòng nặn tượng, tuy nhiên dầu đã thành tài, Kỳ-Nguyên vẫn còn là nhà

điều-khắc vô danh. Chàng chưa có tác phẩm nào xứng đáng đề nổi tiếng. Vì thế suốt thời gian qua, ngày nào chàng cũng cố tìm một vẻ đẹp hoàn toàn để làm người mẫu cho pho-tượng mỹ nhân đang thai nghén.

Nghe nói ở Đà-lạt có một tuyệt thế giai-nhân, chàng liền lên Đà-lạt để tìm, nghe nói ở Huế, ở Nha-trang, ở Phong-Dinh có một nàng Tây-Thi tái thế, chàng vội vàng tìm đến, nhưng không nơi nào

PHO TƯỢNG

chàng gặp người đẹp trong lý tưởng. Vẻ đẹp mà mọi người cho là đẹp không giống vẻ đẹp dưới con mắt người nghệ-sĩ.

Kỳ-Nguyên khao khát một cái đẹp như pho tượng « Vénus de Milo »... Chàng tưởng đã thất vọng, không ngờ chiều vừa qua, người bạn đưa một người đàn bà đến gặp chàng..

Về vui-mừng thoáng hiện trên mặt Kỳ-Nguyên. Chàng đã tìm được người đẹp lý tưởng.

Kỳ-Nguyên thấy vui sướng hẳn lên. Chàng ngắm kỹ người mẫu. Thân hình nàng chứa đầy sức sống, truyền cảm mãnh liệt sang khứu - giác chàng, thúc đẩy nghệ-sĩ làm việc không ngừng. Mỗi một tuần, pho tượng trong mộng tưởng của chàng bắt đầu thành hình. Chàng tưởng tượng trong vòng hai mươi hôm nữa, nếu công việc tiến hành đều đặn, người mẫu ngày hai buổi có mặt trong phòng, chắc chắn chàng đoạt được mục đích, tạo nên một tác phẩm toàn bích: hiện dâng cho đời một pho tượng đẹp.

Vì thế mấy hôm rồi Kỳ-Nguyên say sưa làm việc, chàng như quên hẳn mùa xuân sắp đến ngoài kia. Gió trở nhẹ, mai vàng lác đác trút lớp lá già, cành tơ và nụ non vươn mạnh lên trong nắng ấm. Chàng không chăm chú đến sự náo nức của tạo-vật trong buổi giao mùa, chàng phải chàng không yêu mùa xuân, nhưng chàng không còn thời giờ, bao nhiêu tâm trí chàng đem cả vào cái đẹp đang hiện lên trong gian phòng âm cúng với người đẹp và hình ảnh của pho tượng đẹp.

— Thừa ông, ngày mai tôi còn đến đây nữa không?

Tiếng hỏi trong và âm làm Kỳ-Nguyên giật mình quay lại khi vừa dậy xong mảnh lụa hồng lên pho tượng đã thành hình. Chàng nhìn Cúc-Hiền vừa ngẩng lên qua làn mi sẽ chớp. Giọng chàng nhẹ và dòn như một niềm vui nhỏ:

— Cúc-Hiền phải đến chớ, công việc nặn tượng đã xong đâu.

Chàng tiếp:

— Tôi đạt được kỳ công này, ấy cũng nhờ Cúc-Hiền

một phần. Đây sỏ tiền còn lại tôi xin trả nốt cho Cúc-Hiên.

Chàng trịnh trọng cầm chiếc phong bì đựng những tờ giấy bạc trao cho nàng. Chàng biết nàng cần tiền, tuy không biết rõ thân thế nàng. Người bạn đưa nàng đến đã không nói rõ, nàng thì quá kín đáo không bao giờ tiết lộ. Cũng chẳng cần lắm, hai người gặp nhau trong công trình mỹ thuật đủ rồi. Cả cái tên Cúc-Hiên, chàng tìm mà hiểu chứ nàng không nói trước.

Cúc-Hiên nhận chiếc phong bì đựng tiền bỏ vào ví, dịu dàng chào Kỳ-Nguyên rồi ra khỏi phòng.

Nàng chiếu trải nhẹ qua khung cửa sổ, từng tia sáng màu vàng sậm nhảy múa lao xao trước mặt Kỳ - Nguyên, hương hoa tường lan tỏa nhẹ, tự nhiên lòng chàng gợn lên niềm vui mới.

Một con bướm trắng từ vườn xa lẻ-loi bay đến cửa sổ vờn quanh khóm hoa nở ngày, một đôi cu xanh gù-gù gác mỏ lên nhau làm một động-tác yêu đương. Những hình ảnh nhẹ nhàng ấy và vô

tình lời cuốn Kỳ-Nguyên vào cơn gió lốc của tâm hồn.

Chàng ngỡ lãng tránh được tình yêu, nhưng tình yêu khác nào tên thợ săn ác-nghệt, còn chàng lại là con mồi ngay thơ, hiền lành mãi ngấm bóng mây chiếu trên cánh đồng xanh, đâu có biết mình đã dính vào lưới gã thợ săn.

Thì ra Kỳ Nguyên tưởng rằng chỉ bị cái đẹp của nghệ-thuật cám dỗ, không ngờ hình ảnh của Cúc-Hiên âm thầm xâm chiếm trái tim chàng. Làm sao kềm chế được mình khi lòng đã rung động.

Rời khỏi phòng điều khắc bước ra đường giữa cái náo nức của chiều vui cuối năm, tự dưng Kỳ-Nguyên thấy lẻ loi như con bươm trắng bay mãi trong bóng chiều. Chàng nhìn xuống bỗng nhiên hình ảnh tươi thắm của Cúc-Hiên hiện ra trong trí. Chàng mơ màng tự nhủ : « Có gì cản trở ta yêu Cúc-Hiên? Tình ta với nàng hồn nhiên trong sáng như giọt sương hoa ».

Kỳ - Nguyên nghĩ rằng mình bốn mươi tuổi rồi, mình có quyền lập gia-đình, trở về với mộng đẹp của

buổi thanh xuân mà bấy lâu chàng hồ hững vì mãi chạy theo tiếng gọi của nghệ thuật.

Xem ra Cúc Hiên đôi với chàng vẫn có nhiều thiện cảm, như vậy mộng lòng của chàng vẫn có thể thực hiện được và đôi bạn tình sẽ mang đến cho nhau một đời sống êm đẹp, ngát hương.



O kia Cúc Hiên, em làm sao thế ?

Kỳ-Nguyên vừa trao cốc rượu vào tay Cúc Hiên, thì nàng vụt nhúu mày, mặt tái đi. Chàng toan đưa tay đỡ, nàng tránh sang một bên, bảo nhẹ :

— Em không sao cả, anh cứ tự nhiên.

Kỳ-Nguyên có vẻ lo-lắng :

— Anh thấy em dường như mệt, vậy để anh đưa em đến bác-sĩ nhé.

— Không, em chỉ chóng mặt một chút thôi. Ở nhà cũng thường như thế, chẳng sao cả.

Rồi Cúc Hiên mơ buồn nhìn lên chiếc đồng hồ treo tường trong phòng khách

sang trọng của Kỳ-Nguyên, giọng ngại ngùng :

— Thôi em về.

Kỳ-Nguyên ngồi nhích lại gần nàng, ngọt ngào hỏi :

— Sao em lại vội về ? Em vừa bảo em yêu anh, có thật ư em ? Nếu thật em cần ở lại để chúng ta uống rượu mừng, đánh đầu một ngày vui.

Cúc Hiên im lặng. Gương mặt nàng dần dần hồng hào trở lại, nhưng trong ánh mắt hãy còn đọng vẻ mơ buồn của một tâm trạng có nhiều suy tư.

Kỳ-Nguyên nhắc lại :

— Em chưa trả lời anh.

Cúc Hiên khe-khe gật đầu :

— Vâng, em trả lời : em yêu anh từ hôm ta mới gặp nhau, nhưng em ngại ngùng... mộng đẹp không thành, đâu em thậm biết anh yêu em tha-thiết.

Kỳ - Nguyên tưởng Cúc Hiên từng bị phụ tình, nên không đặt trọn vẹn niềm-tin vào người đàn-ông. Chàng cười nói :

— Em sợ anh sẽ phụ rầy tình em chứ gì ? Anh xin lấy...

Cúc Hiền ngăn lại :
— Anh đừng thế, trong hai chúng ta, em sẽ là người phụ anh...

— Ô, em nói lạ...
— Không, em nói thật !
Dầu em biết tình ta rất đẹp, nhưng anh nên coi đó là một ảo tưởng, chỉ là một ảo tưởng...

Kỷ-Nguyên có vẻ đau khổ, cầm lấy tay nàng, giọng xa xôi :

— Cúc Hiền, em nói gì anh không hiểu.

Nàng im lặng, cái im lặng gần như lạnh lùng. Kỷ-Nguyên cảm thấy một nỗi buồn mông lung càng nhẹ qua tâm hồn.

Chiều xuống chậm chậm, ánh sáng từ màu trắng đục chuyển dần sang màu tím tím rồi màu đen trùn xuống vây lấy hai người.

Kỷ-Nguyên không nghe tiếng nói của Cúc Hiền, chỉ nghe có tiếng thở dài buồn buồn như hoa rụng trong đêm.

— Để anh đi vận đèn.
Kỷ-Nguyên muốn phá tan sự hiu quạnh giữa hai người, đồng thời đừng cho Cúc

Hiên nghĩ ngợi băng quơ.

Nàng đưa tay cản và bảo :
— Thôi, chúng ta đừng gặp nhau nữa là hơn.

Nàng đứng dậy, chàng sợ mắt nàng :

— Em không yêu anh ư ?
Nàng ngậm-ngùi trong hồi hận :

— Em rất yêu anh, nhưng không muốn làm khổ anh.

— Thà chúng ta cùng chịu khổ.

Cúc Hiền cười qua tròng nước mắt :

— Nếu được vậy còn gì vui sướng bằng. Sự thật lại tàn nhẫn hơn anh tưởng, anh phải sống cho nghệ-thuật, còn em...

Nàng ngừng lại ở chỗ không cúi lời, để lập vá vào câu :

— Thôi, em về.

Kỷ-Nguyên ngờ ngác đứng im, chàng không hiểu sao có thể đứng như thế được, để ngắm bóng nàng xa dần, mờ dần... Tại sao chàng không có can đảm ôm nàng vào dạ ? Tại sao nàng trốn chạy một tình yêu ; một mùa xuân của đời nàng ?



PHO tượng đẹp đã hoàn thành. Kỷ-Nguyên vui sướng bao nhiêu với kỷ công độc đáo thì lòng lại buồn khổ bấy nhiêu vì vắng bóng một người. Chàng càng thấy yêu Cúc-Hiên thêm, Cúc-Hiên quả là người đàn bà đẹp cả thể xác lẫn tâm hồn. Nàng đã gieo vào lòng chàng những phút mơ mộng đắm say. Tuy nhiên, chàng phân vân thắc mắc không hiểu vì sao Cúc-Hiên tuyệt tình với chàng, không đến phòng điêu khắc trong những ngày còn lại.

Chàng thuê nàng làm mẫu trong một tháng, đến nay chỉ mới hăm lăm ngày, năm ngày sau cùng, chàng phải cố gắng lắm mới giữ được sự bình tĩnh, làm xong pho tượng. Chàng không tránh được sự xao xuyến của lòng mình với nỗi niềm thương nhớ. Cúc-Hiên. Chàng nhìn vào pho tượng, pho tượng như mỉm cười với chàng, như gọi lại môi tình trong sạch bị gián đoạn không ngờ.

Liên tiếp ba bốn ngày qua, Kỷ-Nguyên đi tìm Cúc-Hiên

ở các nẻo đường. Chàng chỉ gặp những người đàn bà xa lạ, không ai giống bóng nàng. Đến ngay người bạn giới thiệu nàng, hỏi thăm, người này đáp rằng một buổi sáng gặp nàng đi tìm việc làm ngoài phố, liền đưa đến gặp chàng, thế thôi...

Kỷ-Nguyên gạn lọc lòng mình rất kỹ, không thể nào quên được Cúc-Hiên, chiều chiều chàng lang thang ngoài phố hy-vọng gặp lại nàng. Đường tắt náo nhiệt, tươi sáng hẳn trong sắc hoa, màu áo, nụ cười vui qua ánh mắt, dáng-dấp kiều-diễm linh-động của người thiếu nữ dậy thì. Tất cả đều đẹp, đầy sức quyến rũ vẫn không sười âm được lòng chàng. Chàng chỉ là người đàn ông lẻ-loi, cô-độc giữa trời xuân.

Trở về nhà, Kỷ-Nguyên buồn-bã vượt ve pho tượng, chàng như mơ thấy tiếng thì-thầm từ lòng pho tượng vọng ra : « Dầu em biết tình ta rất đẹp, nhưng anh nên coi đó là một ảo tưởng, chỉ là ảo tưởng... »

Kỷ-Nguyên tề nhận Cúc-Hiền đã vạch trước một lối rẽ tâm-tình, nàng thành thật đến khó hiểu. Tại sao nàng coi đó là một ảo tưởng? Chẳng muốn gục xuống pho tượng ngủ thiếp một giấc cho quên hết kỷ-niệm nho nhỏ của những buổi chiều qua, nhưng trí chàng vẫn bị hình ảnh Cúc-Hiền ám ảnh, lòng thêm khuỷu rợn nhớ thương.

Một luồng gió rét lùa qua cửa sổ, Kỷ-Nguyên thấy lạnh và buồn. Chàng lảng-lặng bước sang phòng khách như một cái bóng. Đèn chưa cháy, phòng lạnh tanh, chàng có cảm-giác đi vào bãi vắng xa-xôi.

Mùi thơm dịu nhẹ của một loài hoa đài các bỗng làm chàng chú-ý, chàng hình dung một bàn tay nõn-nà đã mang hoa vào phòng, tự-nhiên chàng hy vọng.

Kỷ-Nguyên nhanh tay vặn đèn.

Một bó hồng tươi, sắc thắm tợ màu áo cưới hiện trên bàn. Cạnh đó, một chiếc phong bì trắng tinh phong kín. Chàng vừa nhận ra chiếc phong bì đã đựng sổ bạc trả công nàng. Một

sức mạnh giục chàng cầm nó lên, những tờ giấy bạc không còn trong phong bì mà phong bì có lẽ chứa đựng một tâm tình cõi mơ.

Lặng im, Kỷ-Nguyên mở lấy tờ thư:

Sài-gòn, ngày... tháng... năm...

Anh Kỷ-Nguyên yêu mến,
« Anh đừng ngạc nhiên khi đọc thư này, em lén lút không phải vì không yêu anh. Em lại phải nói: « Dầu em biết tình ta rất đẹp, nhưng anh nên coi đó là một ảo tưởng, chỉ là ảo tưởng... »

« Những ngày sống gần anh, em như hồn bướm mơ về tiên cảnh, em ước-ao có đôi cánh mộng bay khỏi thế gian, chớ ở thế gian anh còn phải sống cho nghệ thuật, mà em thì phải sống cho những người thân yêu.

« Giấu mãi làm chi sự thật? Vâng, em đã có chồng. Chàng cũng là một nghệ-sĩ. Trước kia chàng say mê vẻ đẹp của em, còn em yêu chàng vì nét họa tuyệt vời. Chàng đã cố gắng đem nét bút tài hoa tạo lấy sự vinh-quang. Ước vọng

chưa đạt, đôi mắt chàng bị mù.

« Ngày tháng qua, em phải cực nhọc nuôi chàng và đứa con gái lên năm tuổi. Túng thiếu, em phải bán cả hoa tai và nhẫn cưới. Thế rồi em gặp anh.

« Ngồi làm mẫu cho anh nặn tượng, em cảm thấy tình xưa sống lại, kỷ niệm êm ái buổi đầu, em và chàng gặp nhau làm cho lòng em xao động bồi-hồi. Khi ấy em cũng ngồi trong phòng vẽ nhìn chàng lặng ngắm em hàng giờ. Chàng từng tỉu ghì lấy từng vẻ đẹp của em lên nền lụa. Bởi vậy, lúc ngồi trong phòng nặn tượng của anh, em mơ thấy hình bóng chàng thời xưa. Tình yêu vì thế sống dậy mãnh liệt. Nhưng anh ơi, qua khỏi phút giây mơ mộng, em nhận thấy anh không phải là chàng. Dầu vậy, em vẫn yêu anh, anh hiện ra như một vì sao sáng giữa vòm trời u ám, anh gợi em nhớ lại những ngày hoa mộng của tuổi xuân đã từ lâu chôn vùi trong tuyết lạnh.

« Mỗi khi về tới nhà trọ, em cảm thấy mơ hồ phải xa anh, đừng yêu anh, không có gì tàn nhẫn bằng làm cho một nghệ-sĩ dui, mù phải thất vọng, đời đã cướp mất tất cả ánh sáng

của đời chàng không lẽ em làm mất luôn tình yêu còn sót lại hay sao? Ngoài ra, em cũng không thể bỏ rơi một tâm hồn thơ đại, chạy theo tiếng gọi của yêu đương. Bởi vậy, dầu thấy tình anh rất đẹp, em vẫn rút rề kinh sợ xem đó như là một ảo tưởng, chỉ là ảo tưởng không hơn...

« Anh vừa biết rõ một sự thật, nếu anh muốn chứng kiến sự thật đó, xin mời anh đến tại ga..., đón chuyến tàu Xuyên-Việt khởi hành vào lúc giao thừa...

« Sau bao ngày lưu lại Sài-gòn chữa trị, mắt chàng vẫn... mù. Đêm nay, chàng với em và con em trở về quê ngoại ở miền duyên hải xa xa. Em xin cảm ơn anh đã giúp số tiền (dầu đó là tiền trả công), nhờ nó mà ba tâm hồn được đỡ chật vật trong bao nhiêu ngày.

« Tình yêu, đôi lúc giống như đóa hồng tươi đẹp để nhìn ngắm, đắm say mơ mộng qua màu sắc, hơi hương, hơn là chiếm lấy nó làm của riêng để nhìn thấy không còn gì là đẹp khi hoa tàn úa vì trái mùa...

« Em tâm niệm như thế. Em mong anh cũng nghĩ như thế, để tình ta mãi mãi còn là đẹp lúc chia phôi.

« Vĩnh biệt anh. »

CÚC-HIÊN

● TÔ-NGUYỄN-ĐÌNH

NGUỒN GỐC VÀ PHONG TỤC LỄ

h o a t á n g

Tiếp theo (P. T. 93)

6.— LỄ CHO ĂN

Trường hợp nhà quý-phái thì trong nghi lễ có 4 ông thầy xế hành lễ:

- 1.— Ông sư trưởng thi lễ cho ăn
- 2.— Ông sư phụ thi lễ thất hồn phách.
- 3.— Ông thứ 3 thổi ốc loa
- 4.— Ông thứ 4 kích cồng

Ngoài ra còn có ông chủ sự chăm nom điều khiển việc bên ngoài. Hai ông nữa sửa soạn việc đòn khiên và ban hóa thực. Một người bồi dưới quyền ông chủ

P
A
R
I
K



của người

C H À M

THEO ĐẠO BÀLAMÔN

sự. Một người dọn thực phẩm. Một người hành chúc văn từ. Bốn hoặc hai nhạc-sĩ phụ trách âm nhạc. Một ông sư giữ nhà của gia tang và tầm yếm 4 phương nhà.

Lúc hành lễ cho ăn, ông trưởng sư vào ngồi trên khúc gỗ có lót chiếu van, trước mặt có cái bàn cồng trên đó có những trang phẩm của ông thầy xế thi

NGUỒN GỐC VÀ PHONG TỤC LỄ HỎA TÁNG

lễ. Ông thầy viết những chữ cái Chăm trong gạo trên bàn cồng, rồi tra chú triệu hồn. Ông thầy đưa thôn đạo đó cho 2 người thợ chế bốc mỗi người 3 lần bỏ vào mồm người chết, nếu gạo còn thừa thì ông sư cũng trút vào hết luôn, đó là điềm tốt. Trong lúc đó thì ông sư thứ 2 cũng ngồi đó, ông lấy những cọng tranh sắn đã thi lễ buộc vào bông điệp đem sắp trên thầy ma đề thất hồn phách. Ông thầy thứ 3 cứ thổi ốc loa và thứ tư cử hành kích cồng.

Khi ông sư thứ 2 vào thi lễ, thì ông chủ sự phải túc trực đơn vị của mình, đợi lời chất vấn của sư trưởng về sự thành tâm cúng hiến trang phẩm cho người quá cố, đề ông sư trưởng còn tiêu trình lại với thầy ma. Xong cuộc lễ cho ăn mỗi sư về đơn vị mình để nhận mâm cơm thiết đãi của chủ gia. Lúc đó các nhạc sĩ theo lệnh sư trưởng thổi nhạc đồn ca, viên bồi thì mang nước rồi mang cơm cho chư sư dùng. Riêng phần thầy ma, đem đầu thì mâm cơm gồm có 1

trứng gà, muối, 1 chén cơm, 1 đôi dưa và 1 cái chén. Còn đêm sau trở đi thì tùy nghi gia chủ. Khi mãn cuộc thiện phạn của chư sư, viên hành chúc văn tự khai kinh 3, 4 giòng thì chư sư ra ngoài xả hơi. Cuộc cúng cơm cho thầy ma dứt, thì bồi viên hưng cơm ra sắp trước cửa rạp, đoạn lấy cơm ở mỗi cồng bàn một ít đem ra ngã ba đường yếm trừ. Chư sư thì tập trung lại ở hướng Đông cái rạp để người nhà mang lễ vật đến cảm tạ. Ông trưởng sư lúc đó sẽ chỉ giáo cho gia tang những điều xúc phạm trong kinh thánh cần phải tránh. Đề an lòng, ông hướng dẫn con cháu ra ngã ba đường mà yếm trừ.

7.— LỄ PHẬT MỘC

Sau phần nghỉ ngơi, 2 ông sư vào trong rạp, nơi chỗ của mình ngồi lúc trước. Trước mặt có cái thôn ở trên có đề 3 ve rượu, trâu cau, 2 cái chén nhỏ rót rượu và 1 vĩa nước. Làm phép tắc xuất ngoại xong, 2 ông



Hai cô gái Chăm

mỗi người cầm cây tà gác, 1 cây mọc trượng, và một cây mác, bước ra đứng trước rạp chân thì họa thần phù, 2 tay cầm 2 mí áo choàng sau lưng, miệng thì niệm chú hộ thân. Sau đó 2 ông lại trở vào rạp đứng phía tây bên thầy ma. Ông chánh sư thì đứng phía đầu, ông phó thì phía chân đặt nhẹ tấm tre mà 2 ông lấy trên rạp, cả 2 ông đều làm phép phạt mọc. Xong 2 ông rút tấm tre ra ngoài, vòng phía đầu thầy ma rồi vòng phía tây,

phía đông rút tre bề làm ba đoạn. Hai ông đến ngã ba đường đào cái lỗ, họa mình người chết trong đó, đặt đề ba đoạn tre thành phù tự rồi khoán lấp lại.

8.— NHẠC LỄ

Sau khi lấp lỗ ở ngã ba đường, 2 ông sư cùng một số người đi tìm chắc gỗ, trong lúc đó thì ban nhạc cử hành nhạc khúc cho đến khi hai ông trở về. Lui về có mang 9 hòn đất lớn làm bếp nấu, các ông sư tọa an chỗ cũ. Ông chủ sự và bồi viên soạn tương phù tửu khoán đãi mừng hai ông sư. Lễ phạt mọc xong, thì tang chủ cho soạn bữa cơm thết đãi. Rồi thì ban nhạc cử hành nhạc khúc, và ca hát suốt đêm. Đến nửa đêm thì có cuộc bồ lao. Đến trời hừng sáng, hai viên sư trưởng thì lễ thời óc loa chỉ huy nấu nướng lót lòng và sắp đặt đòn gỗ cử hành di chuyển thầy ma ra nghĩa địa hỏa táng. Đồng thời, một viên sư thủ gia tang, thượng bàn thờ ở nhà rồi bố trí 4 hướng nhà, mỗi hướng có 3 cây tầm bầu buộc giấy ban bát, thỉnh thần an thủ ngôi nhà, rồi khoán cửa ngõ và cửa trong nhà gọi là cửa cấm

gia, đủ 3 ngày làm tuần tam nhật rồi mới khai môn lại.

9.— LỄ XUẤT CHUYỀN THẦY MA RA NGHĨA ĐỊA HỎA TÁNG

Trước khi hành lễ, các chư sư đều xuống sông tắm gội sạch sẽ. Chỉ có một ông ở nhà lo sắp đặt dàn cuộc di chuyển thi hài. Con cháu gia tang mặc tang phục vào, các ông sư khác trở về cũng trang mặc lễ phục chỉnh tề. Trưởng sư hướng dẫn các sư đi vòng hướng đông cái rạp, kiểm điểm trang phẩm lễ nghi rồi vòng qua hướng tây mà vào rạp. Ban nhạc lúc đó khởi hành. Viên bồi bưng vào cho mỗi Sư một cái vò nước và mâm cơm, xong rồi lại bưng ra sắp thứ tự trước rạp làm phép lấy cơm đem tống yểm nơi ngã ba đường. Trong lúc đó thì rạp phụ đang được dỡ; 2 ông sư bước ra chỗ nấu cơm, và đợi cho nhạc khúc dứt thì tắt cả rạp vào dỡ rạp chánh. Tiếng khóc của gia tang, tiếng hò la của người dỡ rạp như muốn cướp dứt cái thầy ma, tạo ra một quang cảnh hỗn độn, đau thương như cảnh vật sau hồi

trận chiến. Ông chủ sự đem 4 cây tà gác đứng trước cửa rạp, 4 ông sư phụ, lo việc khiêng thầy, bước ra phương đông chờ nhận mỗi ông mỗi cây tà gác do ông chủ sự cấp rồi trở vào. Ông sư trưởng bèn phân phát cho mỗi ông sư 1 bó song lá nhỏ (đề khoán yểm tà ma) rồi trở ra đi 3 vòng quanh cái đòn khiêng kiểm điểm lại mọi vật trước khi lên đường. Xong rồi ông đến gần lửa bếp, họa thần phù thỉnh thần hộ thân cho chủ sư. Bốn ông khiêng đòn vòng quanh thần tảo rồi vào chỗ thầy ma. Con cháu sẽ khiêng thầy ma nhẹ nhàng trên đòn, và cái minh khí sẽ đặt sau lên trên, rồi cử hành lễ trực chỉ ra nghĩa địa.

10.— LỄ HÀNH HỎA TÁNG

Đi trước thầy ma sẽ có ông thầy xể hướng dẫn phần hồn. Hai ông sư ở lại thì lễ Khoán Táo thần rồi trở lại chỗ thầy ma nằm cạo xén đất lên, thành cái mộ nhỏ, đoạn yểm khoán rồi theo sau. Trên đường ra nghĩa địa, lúc khởi hành thì đầu người chết khiêng về phía trước, nên đến nửa đường dừng lại

làm lễ trở đầu. Các ông thầy xẽ đến đó trao việc hướng dẫn thầy ma cho 2 ông sư khác hộ giữ cho đến chỗ hỏa táng. Đến nơi, người ta sẽ đặt tạm thi hài trong cái rạp, nằm trên 3 nhành lá. Bốn ông sư ra đồng tìm mỗi người 1 bó củi về làm mỗi đốt. 2 ông sư khác đi lấy (mỏ nan) cau làm 120 cái chén cho người chết. Các ông thầy xẽ làm lễ tẩy địa rồi trồng bốn cây nan lên đóng củi cùng với của các con cháu họ hàng gia tang (mỗi người 3 cây nan). Bốn thầy sư khiên đòn thi lễ kỷ-pháp, đi 3 vòng quanh thầy ma rồi lấy 4 bó củi của 4 ông thầy xẽ mang về đặt trên đồng củi to rồi hành lễ Đốt hỏa. Ngọn lửa phừng lên, thì con cháu đưa lễ vật tiền đưa hương hồn kẻ quá cố cho 4 ông sư khiên bỏ vào trong đồng lửa. Trong đồng lửa tàn, bốn ông thầy khiên phải tìm lấy cho được cái sọ người rồi đem đập ra làm 7 hoặc chín mảnh xương, (Nếu Nam thì bảy, còn Nữ thì chín) rồi trao cho con cháu mang về lau mài tinh-khiết. Xương này sẽ giao cho thầy Xẽ thi lễ bỏ vào trong cái hộp bằng vàng hay bạc. Xương vụn hay nát còn lại thì 4 ông sư khiên đòn đem chôn chỗ kín. Song cuộc hỏa táng, các vị sư hành lễ đi tắm gội rồi trở về dùng cơm bánh điền tâm. Riêng

thầy Xẽ thì phải cử hành lễ tuần ở rừng, rồi mấy hôm sau, một lễ tuần nữa tại gia tang để giải thoát thân thể hồn mạng chư sư khỏi hồn ma nhập lụy. Đoàn người lại sửa soạn về, nhưng khi đến nhà phải chờ ông trưởng đoàn thi lễ gọi thầy sư thú gia làm lễ khai môn mới được vào. Một buổi cơm chiều lại được dọn mời các vị chư sư, như làng trợ giúp thảo dùng gọi là đề cảm tạ công trình các ngài hoàn thiện cuộc hỏa táng.

Phần cái hộp đựng xương sọ, thì viên bồi mang về trao cho con cháu treo lên đủ 3 ngày rồi mở xuống đem ra làm tuần tam nhật. Xong rồi lại treo lên đúng 40 ngày lại mở xuống làm tuần một lần nữa, gọi là tuần Mãn khó, xương sọ sẽ được đem ra một nơi kín đáo chôn cất.

Đến đây, thủ tục hỏa táng đã hoàn-thiện, gia tang mới yên lòng đối với nợ nần giữa kẻ mất người còn. Nhưng phong-tục là một đường, lòng người lại một nẻo, thánh thần nào có ngăn cản được giòng lệ sầu của con người khi cảm thấy mất mát một vật gì thiêng-liêng cao cả!

★ PARIK

★ nói chuyện

3.— Không nên nói to

Ở nhà mình, mình có thể nói to, cười lớn, nhưng ở nhà người khác, dù là nhà bạn rất thân, không nên cười nói ồn-ào, lớn tiếng. Vì ở như trong nhà bạn có người đau-ốm cần sự yên-tĩnh, thì chủ nhà (dù là bạn rất thân) sẽ phiền mình mà không dám nói ra.

Và lại, người lịch-sự luôn-luôn giữ giọng nói ôn-tồn, nhẹ-nhàng không nói oang-oác như thề tự coi mình là quan-trọng.

Trường-hợp sau đây thường xảy ra :

Nhà anh X có người ốm nằm trong phòng, cần sự yên-tĩnh, (cha mẹ già, vợ, chồng, con-cái,) v.v... Ba bốn người quen thân đến chơi, ngồi trò chuyện nơi phòng khách, cười giỡn, nói la-ầm-ĩ, anh X hay chị X vì nề bạn, vẫn tiếp khách vui-vẻ, nhưng trong phòng bệnh người đau-ốm rất bức mình, chỉ mong sao khách ra về mau mau.

anh Chính X, chị X. cũng thầm ước-mong như thế. Riêng các bạn trẻ (các bạn sinh viên, học sinh chẳng hạn), nên đề ý đến những trường hợp trên, và khi rủ nhau đến chơi nhà bạn (nên nhớ rằng bạn mình chưa phải là chủ nhà, mà chỉ là con hay em của chủ nhà), không nên coi gia đình của bạn như một nơi công-cộng. Không nên cười giỡn om-sòm, nói la-ầm-ĩ. Muốn ca hát, đồn-địch, tồ-chức những trò vui chơi, cũng phải hỏi ý-kiến của bạn mình đã, nếu không có gì trở ngại mình cũng phải xin phép các bậc phụ-huynh.

Những phép xã-giao như thế chứng tỏ rằng mình là những thanh-niên có gia giáo, có tư-cách, chứ không phải là hạng cao bồi, thiếu lễ-độ, thiếu giáo dục.

4.— Nói chuyện ở nơi công-cộng

— Đi ngoài đường, trong

rạp hát, trong phòng xi-nê, trong tiệm ăn, chúng ta cũng không nên cười to, nói lớn.

— Trong phòng xi-nê, hai ba người ngồi kề sát nhau trên một ghế ghê, phê bình thời-sự, hoặc bình phẩm nhân vật trong phim bằng giọng nói lớn, cười lớn, trong lúc các ghế ghê khác ai nấy đều im-lặng ngồi xem.

Trong một tiệm ăn đông người, tất cả khách ăn đều nói chuyện nho nhỏ, chỉ đủ cho họ nghe thôi, riêng hai ba người nơi một bàn nào đó cười giỡn lớn tiếng, hoặc uống vài ly rượu bia, rượu chát, whisky, rồi giờ giọng say lẽ-nhè ra nói cười oang-oác.

Mấy hạng người trên đây đều hầu hết là những kẻ hoàn toàn kém hẳn xã-giao, là những kẻ bất lịch sự. Chúng ta triệt đề không nên bắt chước họ.

Đĩ-nhiên, trong các cuộc « vui-nhận » công-cộng và các tiệc-tùng, nhóm-hợp, hội-hè, không cần phải giữ-gìn như trên.

5. — Một vài cử-chỉ không trang-nhã

— Nhiều người có thói quen, trong lúc nói chuyện với bạn

bè, thường cao-hứng lấy tay đập vào đùi, hay tay người ngồi nghe, đề tỏ sự thích-thú trong câu chuyện của mình. Đó cũng là một cử-chỉ kém lịch-sự, mà chúng ta nên tránh hẳn.

— Ngồi nói chuyện với khách phụ-nữ, đàn ông không nên ngồi dựa vào lưng ghế, chân nọ « bắt đốc » lên chun kia, và rung đùi, rung chân. Cử-chỉ rất khiêm nhã ấy, người lịch-sự không bao giờ có.

● CHUYỆN NÓI

Trên, chúng ta vừa đề-cập đến lời nói chuyện và cách nói chuyện. Bây giờ chúng ta cần lưu-ý đến chuyện nói.

Không nên nói những chuyện có thể làm phật-ý người nghe vì xúc-phạm đến tôn-giáo, hoặc các thành-kiến cá-nhân của họ. Thí-dụ :

— Biết rằng khách là người theo Phật-giáo, hoặc Gia-tô-giáo, thì trong câu chuyện chúng ta không nên nói lời gì, câu gì, chạm đến tín-ngưỡng của người nghe.

— Nếu không biết khách theo Đạo nào, thì tốt hơn là trong câu chuyện ta nên tránh các vấn đề Đạo-giáo.

— Nếu có sự trao-đổi ý-kiến về tôn-giáo, chính-trị, v.v... thì trong câu chuyện xã-giao ta nên nói dè-dặt, thận-trọng, không nên gây ra một phản-ứng mạnh-mẽ, không nên đề cho có sự tức-giận hoặc thù ghét.

— Nếu bạn mình có Thân-phụ hoặc người trong gia-tộc trước kia làm Quan, hoặc nghề-nghiệp khác, thì trong câu chuyện chúng ta đừng công-kích, dù là đứng trên phương-diện chung, chế-độ quan trường hoặc các nghề-nghiệp có liên-quan đến người bạn, hoặc gia-đình bạn.

— Nói chuyện với phụ-nữ, nên tránh những lời, những câu có thể bị hiểu lầm, có thể phạm đến tính bền-lên và lòng tự-ái chính-đáng của phụ-nữ. Với đàn-bà có thái ngén, tuyệt-nhiên không nên gởi ra những đề-tài rung-rợn, quái-ác, ma-quỉ, v.v...

— Không nên kéo dài câu

chuyện, làm mất thì giờ người ta.

Trong phòng khách, nơi văn-phòng, gặp nhau ngoài đường phố, không nên kéo dài câu chuyện, làm mất thì giờ người nghe. Nhất là trong khi người ta bận việc, dù mình là bạn thân chẳng nữa, cũng không nên lê-la chuyện nọ dọ chuyện kia, nói mãi. Nhiều khi người chủ-nhà bức mình, nhưng không lẽ nói ra. Người lịch-sự chỉ nói những vấn đề cần-thiết, xong hết câu chuyện là đứng dậy cáo từ. Hoặc khách muốn đứng dậy ra về mà chủ nhà còn nói mãi, buộc khách phải ngồi nán lại để nghe. Thế cũng là kém lịch-sự.

Nhiều người gặp bạn giữa phố, mặc dầu bạn đang đi có việc cần, cũng cứ giữ đứng lại để nghe mình kể chuyện dài dòng. Dù câu chuyện có hay cho mấy đi nữa, lối nói chuyện ấy cũng vẫn là thiếu xã-giao.



(còn nữa)

★ THỂ NÀO CŨNG THUA

Một nhà áp-phe kinh nghiệm cho biết rằng :

Mỗi lần muốn làm áp-phe với một người đàn-bà nào, chỉ có một trong hai cách :

1) đối đãi với họ như một người đàn ông thì không một sớm một chiều họ cũng sẽ khốc lóc than van.

2) đối với họ như một người đàn bà thì... trời ơi, không sớm thì chiều họ cũng đòi các ông tất cả cái gì họ muốn. Như vậy, nghĩa là cách nào rồi... cũng thua đàn-bà !



một giấc mơ hoa

★ DUYÊN-HỒNG

(Tiếp theo P.T. 93)

★ Thứ Bảy, 30 — 2 giờ

Bỗng dưng nhớ lại câu Sứu hỏi Ngọc hôm đi chơi ở Sở Thú. Lúc ra về cuộc bộ Sứu hỏi :

— Bỏ có thể cho tụi mình biết cái « giây phút ban đầu » giữa bồ và xù Kim như thế nào không ?

MỘT GIẤC MƠ HOA

Câu hỏi của Sứu hơi ác, làm Ngọc đỏ mặt, nhưng rồi Ngọc cũng trả lời sau một hồi bậm môi và cười chum chím :

— Thì có gì đâu, « ông » ấy cùng học một lớp với anh Hoàn mình trên Đại-học, tới nhà mình chơi thường lắm, rồi thì quen nhau, và v.v... Thời đừng có bắt người ta kể nữa !

Cả bọn cười ầm lên, Mai bẹo vào má Ngọc :

— Gớm, « em của tôi » càng mắc cỡ thì trông lại càng « dễ thương » tộ !

Sứu :

— Ơ hay, Mai khen Ngọc thế không sợ có người ghen à ? (cả tụi lại cười)

Tụi này đi ăn kem rồi « giải tán ». Trên đường về hôm ấy, Hồng nghe lòng vui ghê. Về tới cổng trông thấy chị Vân, Hồng muốn ôm chị và hôn vào má chị một hôn quá !

★ 5 giờ

Ngồi chơi ngoài sân, thấy chàng giáo-sư X. đi qua trước ngõ 2, 3 lượt, bực mình Hồng đứng dậy đi vào ngay trong nhà. Một chốc nghe có tiếng chuông reo, ghé mắt vào khe cửa sổ ngó ra ngoài : lại chàng giáo X ! Tức quá, Hồng nhờ vú già ra bảo không có Hồng ở nhà. Chắc anh chàng « hận » ghê lắm, vừa mới trông thấy Hồng, ngồi ngoài sân, thế mà bảo không có ở trong nhà ! Mặc, nên cho « Thầy » một bài học, chứ con người gì mà lạ kỳ thế ? Người ta đã giả nhời thư như thế mà không biết xấu hổ lại còn đường đột đến nhà người ta làm gì ?

Không phải Hồng « hẹp lượng », hay câu nệ mà ghép tội chàng ta nặng thế, nhưng mà cái anh chàng này ghê lắm cơ ; hôm rồi kể chuyện cho Thanh nghe, Thanh ngạc nhiên kêu lên :

— « Giời ơi, hần cũng theo tán mình kinh-khủng, Hồng ạ.

— Bây giờ vẫn còn chứ ?

— Vâng ! Anh Hải mình cấm tuyệt, không cho giao thiệp với chàng « giáo-sư » ấy.

— Không biết là giáo-sư thật, hay giáo-sư giả ?

— Thật hay giả, cứ xem ngôn ngữ cử-chỉ đấy thì biết. Hẳn lẻo vớ tở là hẳn chưa yêu ai.

— 25, 26 tuổi rồi mà chưa yêu ai? Thế cũng đủ biết là dốt tở-sư rồi.

— Mình thì mặc dầu anh chàng tán hươu tán vượn, mình cứ tỉnh bơ đi, coi như không có gì hết.

Hồng nghĩ: sao lại có hạng giáo-sư lạ đời thế nhỉ. Chuyên môn tấp hất nữ sinh này đến nữ sinh kia. Ai cấm họ yêu thương nữ sinh, ai cấm họ xây dựng hạnh phúc gia đình với một cô học trò. Nhưng có thể nào thì cũng phải cho đàng hoàng, đứng đắn chứ, đâu lại có những hành vi của phường ong bướm vô liêm-sĩ như thế. Thật cái hạng giáo sư như chàng X đã làm bẩn cả lối áo nhà mô-phạm không biết bao nhiêu. Mình hối tiếc là đã viết cho hẳn bức thư giả nhời quá lễ-phép.

✱ Đêm thứ hai — 9 giờ 30

Sáng này có chuyện buồn cười ghê, bây giờ nghĩ lại Hồng còn thấy thích thú vì đã trêu được Hải của Hồng. Vừa mới ra trường, Hồng đã thấy Hải đứng lù lù bên kia đường. Không hiểu có chuyện gì mà Hải phải đón Hồng? Mọi khi có bao giờ Hải đón Hồng ở trường đâu. Hồng giả vờ không trông thấy Hải, cứ đi với mấy đứa bạn một quãng đường rồi chậm lại chờ xe mà cũng chờ Hải luôn. Nát mặt Hải sao mà khó đăm đăm thế? Hồng chưa kịp hỏi Hải câu nào thì Hải đã bảo: « anh nghe hôm nay Hồng chơi thân với giáo sư X lắm phải không? »

Hồng nghĩ: chắc là Hải ghen.

Hồng làm bộ hỏi lại: « Rồi sao, anh? Ông ấy tốt đấy chứ? »

— Hừ, tốt! Tội anh còn lạ gì hẳn nữa! Dạy nhạc cho nữ sinh rồi tán hết người này đến người khác.

Hải còn nói nhiều nữa, Hồng quay mặt sang chỗ khác mỉm cười, để cho cơn tức của Hải lên cao đến tuyệt-độ, rồi Hồng mới nhỏ-nhẹ:

— Anh! Hồng không có chơi thân với người ta, anh không tin Hồng sao?

Bây giờ mặt Hải mới hơi vui vui:

— Anh tin Hồng lắm chứ, nhưng sao anh nghe tụi nó bảo là hẳn ta có viết thư cho Hồng?

— Sự thật có thế, nhưng Hồng không giao-thiệp với ông ấy. Hồng có giả nhời, rất lễ phép, nhưng cay lắm.

Hải có vẻ yên lòng:

— Anh biết Hồng lúc nào cũng ngoan và biết xét người. Anh hỏi Hồng cho biết vậy thôi, chứ anh hiểu Hồng lắm.

Rồi hai đứa nói chuyện vui vẻ, Hồng kể cho Hải nghe hôm nay bài luận của Hồng được thầy đọc cho tất cả học-sinh trong lớp nghe và tụi nó thi nhau mượn bài của Hồng về chép làm mẫu.

Hải xem chừng khoái lắm, âu yếm bảo: « Hồng của anh học cừ thế, anh thưởng cho em nhé. Hồng sung sướng: « Thưởng cho em cái gì đây? »

Hải đề ngón trở lên môi mỉm cười ngó Hồng.

✱ Thứ năm — 3 giờ chiều

Sửu và Ngọc đến rủ Hồng lên thư-viện tìm sách học mà Hồng không đi. Bây giờ tụi nó đi rồi Hồng lại buồn, phải chi Hồng cũng đi với tụi nó! Nhưng một lúc sau Thanh sang chơi, chuyện trò tíu-tít. Đang buồn buồn mà Thanh sang thực là đúng lúc. Hồng khoe với Thanh 4 kiểu ảnh Hồng vừa mới chụp. Thanh khen Hồng chụp ảnh đẹp, « *manger photo* », rồi Thanh xin Hồng một tấm.

Nói chuyện một lúc, Thanh hỏi Hồng:

— Hồng đã hay vụ con Loan chưa?

— Chưa, làm sao?

— Nó bỏ nhà đi mất rồi, bà má nó chạy kiếm tòi bời.

— Nó đi với ai?

— Ai mà biết! chắc là một thằng nào đó. Nó có hai ba đứa bạn trai, chả biết đứa nào!

— Hồng chả ngạc nhiên tý nào cả. Cứ nhìn cái « đà tiến triển » của Loan, cũng biết là hậu quả của nó sẽ như thế, hay tương tự thế. Loan không đáng trách, Loan cùng lứa tuổi như tụi mình,

dâu đã có kinh nghiệm gì bao nhiêu, nhưng Loan đáng thương hại. Một phần cũng tại ba má Loan quá chiều chuộng nó, cứ để cho nó tự do chạy đua theo đợt sóng mới, cho nên mới ra nông nỗi. Thanh bảo: ghê quá, Hồng nhỉ! Thanh thấy tội thiếu nữ chúng mình không khéo sẽ bị sa ngã hết. Ở giữa đô thành đầy cám dỗ, chính tội mình cũng không tránh khỏi những ảnh-hưởng của xung-quanh, miễn là mình giữ gìn là được. Buông trôi là hỏng.

— Khó là giữ gìn, còn buông trôi rất dễ. Nhất định tội mình phải sống trong khuôn khổ, đừng thêm hùa theo phong trào «hiện sinh» của tội nó, mặc kệ chúng nó có bảo mình quê mùa, «chậm tiến» gì cũng được. Con Loan, tại nó bừa-bãi quá, đến đổi nó mù-quáng, cứ cho tội mình là «chậm tiến»!

Đưa Thanh về rồi, Hồng ngẫm nghĩ:

Tuổi trẻ ai lại không yêu, nhưng cái «tình yêu» của tội còn Loan nó là thứ tình thác-loạn. Thứ tình ấy nhất định là đưa đến chỗ liêu-linh, đồ-vỡ, làm sao xây-dựng được hạnh-phúc?

Không biết Loan nó đi với ai, đi đâu, ở đâu, làm gì để sống? Liệu cái anh chàng nào ấy có nuôi nó nổi không, có chung-thủy với nó không? Và thứ nhất, là Loan có đủ đức-tính diêu-hiền thủy-mị để giữ mối tình bền-bĩ không? Hay nay hờn mai giận, ngày kia lại đánh nhau, chửi nhau, đề rồi xa cách, ai đi đường nấy, như trăm nghìn cuộc tình duyên tạm-bợ?

Ồ! chỉ mỗi một chuyện con Loan «bỏ nhà theo giai», — như người ta thường nói, — mà khiến cho Hồng suy-nghĩ quá nhiều! Dù sao, Loan vẫn là bạn của Hồng, cùng lứa, cùng lớp. Chuyện của Loan xảy ra, chắc chắn là mấy đứa bạn khác sẽ bĩu môi khinh khi, nhưng Hồng vẫn thương Loan..., lo ngại cho Loan. Nếu người yêu của Loan thành thật yêu Loan, hay là nếu Loan thành thật yêu người ta, nhưng vì hoàn-cảnh gia-đình không cho phép, hoặc vì các trở-ngại nào khác mà không thể nào chung sống ở giữa đất Sài-gòn này, thì sự Loan trốn đi với người yêu, cũng còn có thể thông-cảm được. Trong trường hợp ấy, đôi bạn trốn đi để xây ỹ ái-tình, là do sự bắt buộc vì tình-

thế trắc-trở, vì gia-đình khắc-khe và thành kiến xã-hội, thì hành-động của Loan chưa chắc là một tội-lỗi. Có thể tha thứ cho Loan, và cầu mong sao Loan tìm được hạnh-phúc êm-đẹp với người yêu, đề rồi dần-dần san bằng mọi thứ trở ngại lúc ban đầu. Hồng còn nhỏ tuổi, nhưng Hồng thiết-tưởng gia-đình hay xã-hội không đến nỗi quá khắc-khe đối với hai đứa trẻ yêu nhau, mặc dầu chưa đến tuổi trưởng thành, mặc dầu là tình yêu còn ngây-thơ khờ dại, miễn là họ yêu nhau tha-thiết chân-thành. Kẽ nào cản trở tình-yêu trong trắng ấy mới là kẻ tàn-nhẫn, mới là kẻ có tội. Hồng xem một vài truyện danh tiếng của ngoại-quốc, truyện tình của những cặp uyên-ương ngây-thơ vô-tội như *Paul et Virginie*, như *Iristan-Yseut*, như *Roméo-Juliette*, cảm-động xiết bao!! Ai đọc những truyện ấy mà không thương, không khóc! Những tình yêu ấy có gì phạm đến luân-lý, gia-đình, xã-hội?

Giả-sử một ngày kia Hồng làm Nữ Luật-sư, và Hồng gặp những trường hợp đôi tình nhân vị-thành-niên bị cha mẹ đưa ra Tòa, bị pháp-luật kêu án, thì Hồng nhất định sẽ bênh vực cho đến kỳ cùng, cho Tình yêu phải thắng, và tình yêu sẽ thắng.

Nhưng... (mọi việc đều có chữ «*nhưng*»!) nếu Loan yêu một cậu học-sinh cổ tình quyến rũ nó rồi bỏ nó, hoặc nếu cậu ấy hiền-lành, chất-phác quá, bị Loan chán-chê rồi hắt-hủi, đối đãi tàn-nhẫn, chửi bới, (con Loan, nó hỗn lăm, trong lớp ai cũng ngán nó!) để cho cuộc tình duyên vì vật-chất hơn là vì lý-tưởng, phải đồ-vỡ tan-tành, thì nó ráng chịu. Nếu nó «yêu» thằng cao-bồi, một đứa mất giầy, ba má nó, không bằng lòng, rồi nó bị thằng kia dụ-dỗ ăn cắp tiền cha mẹ, bỏ nhà trốn đi, chắc chắn nó sẽ khổ sở, thì nó cũng phải ráng chịu.

Hồng chỉ lo ngại cho Loan bị vướng vào những trường-hợp này. Vì Loan «yêu» lu-bù, Loan mè-o-mỡ lung-tung, thì chắc gì Loan gặp được một tình yêu chung-thủy? Và chắc gì Loan đã chung-thủy với người ta? Loan ơi, tao lo cho mày lăm!! Sao mày liêu-linh thế?

(còn nữa)



THẨM - THÊ - HÀ
★

GIÓ THU

TÁC-GIÁ: LAN - GIAO
TÁC-GIẢ XUẤT-BẢN, 1962

GIÓ THU là một tập truyện-ngắn của một bác-sĩ kiêm nhà văn: *Lan-Giao Trương Quý-Lâm*. Tác-phẩm gồm có mười ba truyện-ngắn, một bài Tựa của bác-sĩ Thái-Can, một bài giới-thiệu của Nguyễn Khoa-Dánh và « Lời nói đầu » của chính tác-giả.

Đã lâu lắm mới được xem văn-phẩm của một bác-sĩ có thiên-chí đối với văn-chương. Văn phẩm của một bác-sĩ, do một bác-sĩ khác đề Tựa, lại không thuộc về loại « *Bướm hoa* » hay « *Lá gió cành chim* », bao nhiêu đó cũng đủ cho ta phải đặc-biệt chú ý. Vì vậy,

PHÊ BÌNH SÁCH MỚI

dầu bận-rộn bao nhiêu công việc, dầu trên bàn còn chồng-chất bao nhiêu tác-phẩm « mới ra lò » chưa kịp xem đến, tôi không ngần-ngại dành thì giờ đọc văn-phẩm của Lan-Giao trước tiên, mong tìm ở đó một cái gì mới lạ.

Ở bài **TỰA**, bác-sĩ Thái-Can đã ví-von về nhân vật trong *Gió Thu*, làm cho ta liên-tưởng đến một văn-hào Anh, một văn-hào Nga: « Đọc đến **Mụ Quạ**, tôi thấy hiện lên một người mà tôi đã quên hồi tản cư: bà **Đội**. **Mụ Quạ** là hiện-thân của Bà **Đội**. Bà **Đội** là hiện-thân của **MỤ QUẠ**... vì thế, tôi thương **MỤ QUẠ** cũng như tôi thương một nhân vật của Shakespeare hoặc của Dostoevsky chẳng hạn. » (tr 9).

Nghệ-thuật đề-cao văn-phẩm lẫn tác-giả của ngòi bút đề tựa Thái-Can kể cũng tài-tình. Lời văn nửa chân-thật mà nửa bóng-bầy, gợi cho ta ý-tưởng so-sánh Lan-Giao, Shakespeare — Lan-Giao, Dostoevsky, gieo cho ta những ấn-tượng tốt đẹp trước khi đi sâu vào tác-phẩm.

Đến **LỜI GIỚI THIỆU** của Nguyễn Khoa-Dánh cũng

không kém. Người giới thiệu đã làm cho ta liên-tưởng đến một nhà văn Việt-Nam tiền-chiến: « *Lan-Giao* cổ một ít nhiều *điềm tượng* tự với *Thanh-Tĩnh*. Nhưng với *Thanh-Tĩnh*, những mẩu chuyện ở **QUÊ MẸ** — nhất là những mẩu *giao-duyên* — có vẻ lãng-mạn trữ tình hơn. Lan-Giao, chuyện của anh dù nói đến quê-hương cũng có tính chất xã-hội. Quả vậy, cái mà anh muốn đề cao không phải là những mối tình trắng nước thơ-mộng của người dân quê mà là đời sống nghèo-nàn của đám người sống nơi bùn lầy nước đọng. » (tr. 12).

Ông Nguyễn Khoa-Dánh giới-thiệu bằng cách phân-tích đối-chiếu, không những gợi cho ta ý-tưởng so-sánh Lan-Giao với Thanh-Tĩnh, mà còn làm nổi bật Lan-Giao — nhà văn xã-hội — lên trên hình-ảnh Thanh-Tĩnh — nhà văn lãng-mạn trữ tình. Kể nghệ-thuật của Nguyễn Khoa-Dánh còn « cao cường » hơn bác-sĩ Thái-Can!

Lời Tựa và Lời giới thiệu trên làm cho tôi có một ý nghĩ ngộ-ngĩnh: « Giá quyền

GIÓ THU được thêm mười bài như thế nữa, chắc trí tưởng-tượng của độc-giả sẽ phong-phú biết chừng nào, vì sẽ còn có dịp so-sánh Lan-Giao với những văn-hào Pháp, Ý, Mỹ, Đức, Hòa-Lan, Đan-Mạch v.v....»

Cũng may, đến **Lời nói đầu** của chính tác-giả, tôi thấy lòng vương vương ít nhiều mỹ-cảm trước những lời lẽ đơn-sơ, khiêm tốn và chân-thành : *«Tôi cũng cố - gắng thí-nghiệm ngòi bút của mình, theo những bậc đàn anh thân mến đi trước, đem tâm quan-sát những đời sống khổ-sở dốt nát, tối-tăm hay phân-tách những rung-động nhỏ-nhất, những sự thay đổi phức-tạp bên trong và thành thật kể lại những điều mắt thấy tai nghe, những suy-nghĩ cảm-xúc, với một tấm-lòng.*

Đây những bước chân đầu tiên của tôi. Chúng có thể còn ngại-ngùng, nhưng không bị bùn đen làm hoen ố » (tr. 17).

Với những mỹ cảm vừa này-nở ấy, tôi vội-vàng đi sâu vào nội-dung tác-phẩm của Lan-Giao. ★

Khởi đầu là truyện *Gió thu*. Thú thật tôi đã đọc truyện này ba lần mà không biết lược truyện thế nào cho ổn. Thôi thì kể đại-khái như vậy :

« Vợ chồng bác Lựt chuyên rước khách ngủ thuyền, sống nhờ mặt nước. Đến mùa đông, mưa gió lựt lội, đồ ế-ảm, vợ chồng bác bán đồ, mở quán bán hàng dưới bóng cây đa trên bến Vạn. Vì không con, hai bác xin con Thỏ, con út chú Mục, để làm con nuôi. Những người hay ghé quán bác là anh Lạc và cụ Sài. Anh Lạc sống độc thân và chuyên nghề hút tót. Lối hút của anh đã xưa, không còn hợp thời-trang nữa, nên hàng anh ế dần. Tuy vậy, anh vẫn vui-vẻ, gặp ai anh cũng đùa, nhất là cụ Sài. Cụ Sài chuyên nghề đòi nợ thuê. Cụ ăn mặc bần-thỉu, lại có làn da xúi đỏ như bệnh phong, ai thấy cũng gớm ghiếc. Nhờ vậy mà cụ đòi đầu cũng phải vắng tiền, nếu không thì cụ nằm ý giữa nhà.

Mùa thu năm ấy, lựt lớn. Tiếp đến trận lựt tháng mười. Bác Lựt chết vì bệnh. Cụ Sài cũng lẫn ra chết nốt vì bệnh

thiên-thời. Bác Lựt gái cui cục sống với Thỏ. Anh Lạc lấy vợ, ở nhà vớt dừa tre cho vợ bán.

Thế rồi thu lại đến. Tác-giả đang lo sợ cho những kẻ chung quanh trước cảnh đói rét, thì anh Lạc rời xóm Sông Đào đến thăm. Thấy anh Lạc, tác-giả *«man-mác nhớ-thương những hình bóng cũ đã từng sống cạnh anh Lạc, những người lớp trước.»*

Tuy bảo rằng kể đại-khái, tôi xin cam đoan rằng đã kể đầy đủ bối-cảnh, nhân vật, sự-kiện, đúng trật-tự thời-gian và không gian trong truyện.

Tác-giả có lối viết truyện khác hẳn những nhà văn ta xưa và nay. Trong truyện có rất nhiều nhân-vật, không nhân-vật nào chánh mà cũng không nhân-vật nào phụ, kể cả tác-giả nữa. Tất cả nhân-vật đều nổi bật lên, như những *«gros plan»* trên màn ảnh đại-vĩ-tuyến. Vợ chồng bác Lựt, anh Lạc, cụ Sài, mỗi người đều có một đời sống riêng. Tuy sống riêng nhưng họ đều gặp nhau trong một hoàn-cảnh chung của những kẻ nghèo-nàn lam-lữ : thiên tai, thủy họa.

Bắt chước bác-sĩ Thái-Can và ông Nguyễn Khoa-Dánh, tôi xin gọi lên đây một sự liên-tưởng. Về phương-diện kỹ-thuật, tôi thấy hình như Lan-Giao chịu ảnh hưởng thuật kể chuyện của Thi-nại-Am, tác-giả pho truyện Tàu bắt-hủ *«Thủy Hử»*. Trong Thủy Hử, mỗi nhân-vật cũng đều có đời sống riêng, không nhân-vật nào giống nhân-vật nào. Về thuật giới-thiệu, trình bày hành-động nhân-vật cũng giống nhau. Với lối văn giản-dị, linh động, Lan-Giao giới-thiệu vợ chồng bác Lựt. Kể đến lúc bác Lựt gặp Lạc, tác-giả ngưng câu chuyện bác Lựt lại để giới-thiệu Lạc. Kể đến lúc Lạc trêu cụ Sài, tác-giả ngưng câu chuyện anh Lạc lại, để tiếp kể đời sống cụ Sài. Sau cùng bốn nhân-vật ấy đều gặp nhau trong cảnh lựt lội mùa thu. Thật là hết kỹ-thuật Thủy Hử !

Cho hay ở đời không có gì mới lạ, cái mới ngày nay chỉ là thoát-thai của cái cũ ngày xưa. Nếu nhận-xét của tôi ra ngoài chủ-tâm của Lan-Giao, thì đây chỉ là sự trùng-hợp ngẫu-nhiên vậy. Dù sao, Lan-Giao cũng đã tự vạch cho mình một đường lối khác biệt với các

nhà viết truyện ngắn khác, nhất là đã dám táo-bạo áp-dụng kỹ-thuật truyện Tàu trong một cốt truyện ngắn không có những tình-tiết ly kỳ

Nhưng bắt đầu từ truyện thứ nhì, tác-giả lại chuyển sang đường lối khác.

Mười hai truyện sau có thể chia ra làm hai loại :

1— **Loại thứ nhứt** gồm các truyện : *Đứa con so, Đám cưới trên nước, Cái hàng rào, Con đẻ mền, Giữa cánh đồng, Bức tường đen.*

Loại này gồm toàn những truyện không có cốt truyện. Có truyện tác-giả chỉ chú - trọng diễn-tả tâm-trạng nhân vật như các truyện : *Đứa con so, Con đẻ mền.*

Trong *Đứa con so*, tác-giả tả tâm-trạng của người vợ đẻ con so và người chồng hy-vọng một đứa con trai đầu lòng. Nhưng rồi người vợ sinh con gái. Anh chồng không buồn, lại mỉm cười nhớ đến câu chuyện « Ông thợ rèn mất búa » trong Cồ - học Tinh-hoa.

Trong *Con đẻ mền*, tác-giả tả tâm - trạng của Sinh khi nghe tiếng đẻ mền áo-nào giữa đêm khuya. Chàng có ý nghĩ ngộ-nghĩnh : « Phải chăng đó là tiếng

kêu đau-khổ của một con đẻ mồ-côi mẹ hay là tiếng con đẻ đẻ sầu thảm gọi con đẻ vợ đã chết ».

Tác-giả biết khai-thác một vài khía-cạnh tâm lý đặc-biệt từ trong những sự việc thật phổ-biến, những nhân-vật rất gần-gũi với chúng ta.

Có truyện tác-giả chỉ vẽ thành một bức hoạt-cảnh lỏng trong một không-gian và thời - gian nhất-định, nhưng đánh dấu được tình-cảm, cá-tính hoặc tập-quán của một lớp người, như các truyện : *Đám cưới trên nước, Cái hàng rào, Giữa cánh đồng, Bức tường đen.*

Ở truyện *Đám cưới trên nước*, tác-giả chỉ vẽ một hoạt-cảnh đám cưới trên sông với tất cả sự vui, buồn của kẻ đi, người ở.

Ở truyện *Cái hàng rào*, tác-giả vẽ lại hoạt-cảnh xích-mích, xô-xát của những người lảng-giềng hay gây sự, họ đã dựng lên bức hàng rào để ngăn cách thân tình.

Về loại truyện thứ nhất này, tác-giả chỉ thành-công được vài truyện như : *Đứa con so, Cái hàng rào.* Những truyện khác chỉ là một đoạn văn tả cảnh

(*Đám cưới trên nước*) hay một đoạn hồi-ký (*Giữa cánh đồng*) chứ không thành truyện ngắn được, dầu ta hiểu truyện-ngắn theo khuynh-hướng của phái Tự-Nhiên

2.— **Loại thứ nhì** gồm các truyện : *Mụ Xu, O Khém, Anh Năng, Anh Mễ hương sư, Ngủ-ngắc, Sau lũy tre xanh.*

Loại này gồm những truyện có cốt truyện, nhưng cốt truyện nào cũng gần thật-tế, không có những tình-tiết giả-tạo ly-kỳ. Điểm đặc-biệt khác là tác-giả cố ý phản ảnh trung-thực đời sống của những người dân quê nghèo-nàn, cả hạng tốt lẫn hạng xấu, để cho ta có thể hình-dung được cái xã-hội đau thương nơi bùn lầy nước đọng.

Trong truyện *Mụ Xu*, tác-giả kể câu chuyện người đàn bà nghèo-khổ chuyên nghề làm thuê, ở vú. Phần thưởng cần-lao của mụ là bệnh ho và phù thũng. Láng giềng ghê-tởm mụ. Rồi một hôm, sau một đêm mưa to, người ta thấy mụ nằm chết cứng queo giữa sân, ướm át như ma chết trôi.

Ở truyện *Ngủ-ngắc*, tác-giả kể câu chuyện anh chàng Sẻ ngủ-ngắc, đã có vợ còn

lừa vợ cưới thêm V2, rồi V3 từ đầu mang bụng chứa đến nửa, chuyện vợ lẽ làm ầm cả xóm. Anh Sẻ lém miệng, nói như rót mật vào tai, chị Sẻ mới thôi lỏng-lộn. Đề tu tình, anh Sẻ cạo đầu trọc lóc, hứa rằng con số 3 là con số cuối cùng.

Hạng người đáng thương như Mụ Xu, hạng người đáng ghét như anh Sẻ, điển hình cho tầng lớp người mộc-mạc và điều-trá sau lũy tre xanh. Lan-Giao chỉ lột trần sự thật mà không cần phê-phán. Về quan-niệm nghệ-thuật này, ta thấy tác-giả gần với phái Tân-tả-chân (Néo-réalisme). Tôi nói « gần với » mà không nói « thuộc về », vì về kỹ-thuật, tác-giả chú-trọng kể hơn tả. Mà kể đồn-dập hay phơ-phớt, kể xã hết tốc-lực như muốn tranh-thủ thời-gian và không-gian đều là những khuyết-điểm nặng nề của những nhà viết tiểu-thuyết xã-hội hôm nay.



Xuyên qua 13 truyện ngắn trong tập **GIÓ THU**, tôi không thấy có điểm nghệ-thuật nào giống Shakespeare, Dostoevsky hay Thanh-Tịnh. Nhân-vật

của hai nhà văn-hào Anh và Nga có tâm-trạng phức-tạp và sâu-sắc hơn nhiều ; nghệ-thuật thiên về tả của Thanh-Tĩnh khác hẳn nghệ-thuật thiên về kể của Lan-Giao.

Nhưng tôi đồng ý với bác-sĩ Thái-Can ở nhận-xét này : « Đọc tập truyện ngắn *Gió thu* của bạn Lan-Giao, chúng ta đã thấy sự bình-dị và đẹp-đẽ, những cảnh-ngộ đáng thương, nhưng chúng ta phải suy-nghĩ nhiều. »

Và tôi cũng đồng ý với ông Nguyễn-Khoa-Dánh ở đoạn phân tích này : « Một điểm đáng lưu ý ở Lan-Giao là ngòi bút của anh

không cầu-kỳ, huênh-hoang, mà bình-dị và chừng-mực, tuy lời văn anh viết như lời nói chuyện song không phải vì thế mà thiếu sự hàm súc, thiết-tha ».

Ngoài hai đặc-điểm về nội-dung và hình thức ấy, tôi thấy cần nói rõ thêm : « Nhà văn Lan-Giao có nhiều thiện chí đối với văn-chương cũng như đối với dân-quê, nhưng với những bước chân đầu tiên còn ngại ngùng, ông chưa đạt được nghệ thuật truyền-cảm tế-nhị và sâu-sắc ».

THẨM-THỆ-HÀ



★ BẦU CỬ

Ở trường về, hai đứa con sanh đôi của bà B... mừng rỡ nói với mẹ :

— Mẹ à, ở lớp có cuộc bầu cử mẹ đứa nào đẹp nhất. Mẹ được thắng và được bầu là người đàn bà đẹp nhất.

Bà B... cắc cớ, hỏi :

— Vậy thì bầu làm sao, các con kể nghe.

— Mẹ biết không, lúc bầu thì đứa nào cũng bầu cho mẹ nó, chỉ có hai đứa con là bỏ được 2 phiếu, nên mẹ thắng số chớ có gì đâu.



★ ĐIỀN-SƠN

● CÁI GIƯỜNG QUÝ GIÁ NHẤT TRONG LỊCH-SỬ

Trong số những chiếc giường lộng-lẫy, sang-trọng vào bậc nhất trên thế-giới, người ta thấy có một cái quý giá nhất, vượt hẳn các cái khác rất xa ấy là giường của một bà hoàng-hậu THỔ-NHĨ-KỶ, thế-kỷ 19. Chiếc giường này trị giá 30 triệu mỹ-kim tức là khoảng 3 tỷ bạc Việt Nam. Giường được đúc bằng vàng y và chạm trổ theo hình một con công, khắp giường gắn đầy những viên kim-cương sáng chói, lấp-lánh như ánh sao. Trước đây, giường này là ngai vàng lộng lẫy của một hoàng-đế nước ẤN-ĐỘ.

Sau cuộc chiến-tranh đẫm máu xảy ra, quân đội THỔ tràn vào triều đình Ấn, và Vua NADIR SHAH đã cướp

chiếc ngai kia đoạn cho chở từ ĐỀ-LI về THỔ-NHĨ-KỶ.

Về sau, khi vua FATH ALI SHAH lên ngôi, năm 1797, ngài nhường ngai vàng ấy lại cho vợ là hoàng-hậu TAUS KHANUM dùng làm giường nằm.

Hện nay chiếc giường kia được trưng bày trong kho tàng nhà vua ở IRAN.

Vài năm trước đây, một vài nhà sưu-tầm ở MỸ đã thấy tận mắt chiếc giường kia đang



được đặt trên một khối đá quý, nặng hàng mấy trăm kí và phía trên được gắn thêm một viên kim cương hình mặt trời rất lớn.

Cũng trong ngày thăm viếng của các sư-tam gia ở Mỹ, có một đạo-diễn điện-ảnh ở HỒ-LY - VONG (Hollywood) đã mặc cả chiếc giưòng kia với giá hơn 3 tỷ bạc VIỆT - NAM nhưng cũng không mua được với giá ấy. Ông ta định mua giưòng này với mục-đích là làm giưòng nằm cho các cô minh-tinh điện-ảnh khi đóng vai hoàng-hậu.

★ MỘT NGƯỜI CẦM ĐÈN SUỐT ĐỜI

Trong P.T. số 75, tôi đã giới thiệu cùng bạn đọc ông YUEN TÔNG, một sư cụ người Trung-Hoa ở thế-kỷ 18, ông đã ngồi nguyên một kiểu từ lúc xuất gia đầu Phật cho đến lúc hồn lìa khỏi xác, tính đúng được 42 năm.

Nay tôi lại được hân hạnh giới thiệu cùng bạn đọc một nhà sư nữa, cũng người Trung - Hoa tên là CHANG T'UNG tu tại chùa P'U TO-

SHAN, vị hòa thượng này có một lối tu hành cũng không kém phần khổ hạnh là nhà sư đã bưng một, giá đèn từ lúc phát tóc quy y cho đến ngày viên tịch năm 1690.

Thuở ấy, sau những năm sống trầm mình trong cuộc đời tục lụy, đẩy dẩy những sự ghen hờn, chém giết, tham ô, đã tạo thành bao cảnh tương tàn, máu lửa, ông CHANG T'UNG quyết định tìm một lối thoát cho tâm hồn, xa lánh miền tục lụy trần-ai, ông mới tìm đến chốn Phật đường, ngược mắt nhìn



Phật tổ, miệng lầm râm khấn vái trọn đời trong nếp áo cà sa, với cuộc đời t h a n h thoát.

Vị hòa t h u ợ n g chùa này động lòng t h ư ơ n g xót mới

chấp-nhận cho ông làm đệ tử để sớm hôm cùng nhau chuông mõ, với tiếng kệ câu kinh.

Thế rồi, lúc nào cũng vậy, ngày này sang ngày khác nhà sư CHANG-T'UNG chỉ biết có tụng kinh sám hối.

Sau vì sợ bị ngoại cảnh chi phồi tinh-thần, ngài quyết bưng một cây đèn vào trong xó tối, xa hẳn cảnh sông hạc động bên ngoài. Hễ đèn còn cháy thì nhà sư này vẫn còn tụng niệm không ngớt với hoài vọng cuối cùng là siêu thoát cho sanh linh đang trầm thây trong bể khổ.

Bởi biết được ý định của CHANG T'UNG nên vị sư trưởng bảo một nhà sư khác hàng ngày chăm lo việc thay áo quần và đổi đèn cho sư T'UNG.

Sau 26 năm khổ hạnh, sư CHANG - T'UNG qua đời, thân xác vẫn còn tươi tốt, đứng sừng bưng đèn như lúc còn sống vậy, sự lạ này chứng tỏ rằng sư CHANG-T'UNG đã dày công tu luyện thành chính quả, linh hồn đã siêu thoát lên cõi NIẾT BÀN.

Bồn đạo thập phương nghe tin mừng liền tức tốc đổ xô về chùa phúng điệu lo tang lễ. Họ đem theo nhũ hương, mộc được để ướp xác nhà sư.

Vị sư trưởng chùa này không cho bồn đạo an táng, nên như thường lệ ngày nào nhà sư T'UNG cũng được thay áo, thay đèn và mười mấy năm sau xác nhà sư vẫn còn đứng bưng đèn trong xó chùa.

Không biết đến ngày nay thì thể nhà sư trên có còn chăng? Vì chiến tranh đã dày xéo lên đất nước Trung-Hoa, gây bao cảnh chết chóc, điêu tàn, đổ vỡ, nhưng dấu sao câu chuyện này đã được các nhà sư-tam ghi chép rành rẽ.

● MỘT ÔNG VUA SỢ HỚT TÓC

DIONYSIUS (431-367) trước Thiên Chúa giáng sinh là một ông vua chuyên chế, độc tài ở nước SYRACUSE (Sicile).

Nhà Vua cai trị nước này được 38 năm nhưng trong suốt thời gian ròng rã ấy không bao giờ Vua cho phép thợ cạo hớt tóc hay xén râu

của ngài bằng dao hay kéo. Vì nhà Vua còn lạ gì mà không biết hầu hết nhân dân có mấy ai yêu mến ngài, hay ham thích chế độ độc tài hà khắc của ngài. Nên hễ có dịp là họ sẵn sàng hạ sát nhà vua để lật đổ triều đại mục nát, giải thoát cảnh lầm than cho nhân dân được chung hưởng. Nhà Vua nghĩ rằng dịp ấy chỉ có thể xảy ra trong những lúc hốt tóc, cạo râu, thợ cạo sẽ dùng dao, kéo, để hạ sát Vua dễ dàng. Lúc đầu nhà Vua quyết để tóc dài như vậy hoài nhưng một thời gian sau, nhà vua không chịu được cảnh ngứa ngáy nhột nhột nên nhà vua mới nảy ra ý kiến bảo thợ cạo dùng chiếc kẹp nhỏ gấp than đỏ đốt tóc và râu cho Vua.

Thà rằng nhà Vua chịu khó thử với mùi tóc cháy khét còn hơn phải phập phồng lo sợ từng đường dao, lát kéo của thợ cạo.

Tuy đã dùng cách đốt tóc này nhưng dường như nhà Vua cũng chưa yên trí nên mỗi lần đốt tóc, Vua hạ lệnh cho một võ quan thân tín đứng bên, tuốt gươm đưa hăm hăm trên cổ người thợ

cạo; và cả gia đình họ h à n g t h u ộ c của thợ cạo cũng bị bắt giam cho đin

khi đốt xong tóc cho nhà Vua họ mới được thả tự-do.

Nhưng sau cùng nhà Vua độc tài, tàn ác này cũng không thoát được cuộc ám sát do dân chúng nổi dậy, vì họ không thể chịu đựng được mãi sự cai trị hà khắc của nhà Vua độc tài.

● MỘT HỒ TẮM ĐẮC GIÁ NHẤT THẾ-GIỚI

Vua CHULALONGKORN, cai trị nước XIÊM đã dùng ngót 3 triệu đô-la để xây một hồ tắm. Nhà Vua biết hoàng tử VAJIKANAHIT ước muốn được tắm riêng biệt một mình trong một hồ tắm mát mẻ, rộng thênh-thang, tha hồ bơi lội, nên ngài cho vời các Kiến-trúc-sư danh

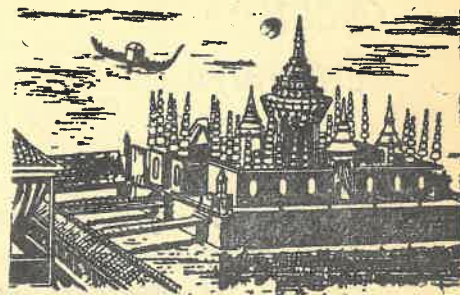


tiếng về triều để bàn tính công việc kiến trúc một hồ tắm cho hoàng-tử, lúc ấy mới 10 tuổi.

Sau khi đồ án đã lập xong, nhà vua truyền lệnh dùng cẩm thạch để xây móng cho một ngôi chùa đồ sộ ngay chính giữa dòng sông MẾ-MAN và bốn ngôi chùa nhỏ hơn ở bốn góc phía xa. Bốn ngôi chùa nhỏ này làm giới hạn cho hồ tắm bởi một dãy tường nối tiếp, vây quanh ngôi chùa chính.

Tất cả các thành vách, mái nhà, sàn nhà đều được xây bằng vàng, căn lờm đờm những viên ngọc thạch. Nhà vua đã cho dùng hết trọn những vàng ngọc trong các kho để xây cất thay vì gạch đá cho nên sau khi kiến trúc kia hoàn thành thì trong các kho đều trống rỗng.

Nhưng sau đó, nhà vua dường như cũng chưa bằng lòng vì giòng nước hồ khi đục khi trong bởi lòng sông là đất với bùn. Để chậm dứt tình trạng trên, nhà Vua xuất công quỹ triều-dinh mua rẽ tất cả ngọc thạch của dân chúng, đoạn chuyển đến công



trường. Thợ nề được lệnh xây đáy sông bằng gạch đá nhưng mặt trên được lát bằng ngọc-thạch quý giá.

Tiền phí-tồn trong việc thực hiện hồ tắm trên đã lên tới hơn ba triệu đô-la, ước chừng vào lời 300 triệu đồng VIỆT-NAM.

Nhưng tiếc thay hồ tắm quý giá độc nhất này chỉ được hoàng-tử VAJIKANAHIT tắm một lần trong vòng một giờ đồng-hồ, thật tình không có lần nào khác nữa. Vì số mệnh con người đều do thiên định, dầu là bậc vua chúa, hay hàng vương-tôn công- tử cũng không thoát được định luật đào thải của hóa công. Hoàng-tử VAJIKANAHIT qua đời vào năm 1895, và về sau người em kế là hoàng-tử VAJIVUDH lên ngôi báu kế vị vua cha năm 1914.

DIỄN - SƠN

SAIGON

ĐÊM KHUYA

★ NGUYỄN-VỸ

Vâng, Bạn ạ, bao người đau-khò lắm,
Không cửa nhà, không một chiếc gương con,
Và trong lúc chúng ta đều no ấm,
Bết bao người không có một tô cơm !

Bạn có thấy, kìa hạng người nghèo khổ,
Nhưng đàn bà, con trẻ, kẻ già nua,
Rách tàn tạ, áo quần gần không có,
Năm đầu đường, dãi nắng với dầm mưa ?

Những hành-khất xác-xơ, đầu ủ-rũ,
Ngày ngồi xin góc chợ khách đi qua,
Bạn biết tối họ nằm đâu để ngủ ?
Bên bìa thành trong những bãi tha-ma !

Một đêm lạnh lẽo kiếp buồn phiêu-khách
Giữa Sài-gòn tịch-mịch, gió âm-u,
Tôi đã thấy một người cha đói rách,
Ôm con ngồi trong xó tối hoang-vu.

Con với bố che vạt ba tấm giấy,
Nấp khe tường, chịu rét buốt tàn-thu.
Người run-rẩy như lá cây run-rẩy,
Tiếng người rên trong tiếng gió vi-vu !

Tôi dừng bước xa xa, nhìn ngơ-ngác,
Kìa bóng ai thấp-thoáng bên lùm cây ?
Một thiếu-phụ cúi bươi trong đồng rác,
Khúc bánh mì còn được nửa gang tay !

Chị rảo bước vội-vàng quanh ngõ vắng,
Chui đầu vô một ống cống bên mương,
Dòm vào đó, tôi thấy hai bóng trắng,
Năm chèo-queo, mình mẩy ốm gơ xương !

Hai em nhỏ, lạnh run, họ muốn ói,
Chị nâng-niu gọi dậy : « Con ơi, con !
Này miếng bánh, hai con ăn đỡ đói,
Rồi sớm mai mẹ dắt đi xin cơm ».

Tôi không dám nhìn lâu, lòng trĩu nặng,
Bước đi nhanh trong gió rít đều-hiu !
Tôi đi mãi, lang-thang, đường vắng lặng,
Giữa Sài-gòn leo-lắt ánh hoang-liêu !

Sông mù-mịt, tôi ngồi bên khóm trúc,
Nhìn lên trời, lấp-lánh mấy ngôi sao,
Tôi cảm thấy cả bầu trời ô-nhục.
Bởi kiếp người mang hận suốt đêm thâu !

Tôi biết lắm, ai ơi, tôi biết lắm,
Nghịệp trần ai, ai nhục với ai vinh.
Nhưng phải được mọi người đều no-ấm
Một cái nhà cho mỗi kiếp sinh-linh !

Muốn cứu nước, thương dân, đâu phải khó !
Chỉ làm sao cho hết thấy nhân dân
Mỗi bữa đầy tô cơm ai cũng có,
Và mỗi mùa, đủ mảnh áo che thân !

Phải làm sao cho hết người đói lạnh,
Phải làm sao cho hết kẻ bần-hàn,
Và làm sao những tâm-hồn hiu-quạnh
Được niềm vui trong an-ủi hân-hoan !

Đâu còn những tiếng kêu rên-rỉ
Trong lòng người thành-thị với thôn-quê,
Nếu tất cả đều tự-do hoan-hỷ
Nếu mọi người đều ấm-áp no-nê ?

Đêm nay lạnh, ta ngồi bên khóm trúc,
Nhìn lên trời mờ-mịt mấy ngôi sao.
Gió mai-mùa cả bầu trời ô-nhục,
Bởi kiếp người mang hận suốt đêm thâu !

(1952)

Saigon midnight

★ English version
by ĐẶNG-CÔNG-THĂNG

*Indeed, friends, I often think, by midnight,
Of countless poor creatures, in a dire plight,
Who have neither bunks, mats, nor crumbs at all,
Whilst brash Sybarites always feast and brawl !*

*Have you e'er sighted folks tattered and torn,
Those pariahs, hungry, thirsty and forlorn ?
They're wont to roam about all lanes and streets,
Despite any weather that soaks or heats !*

*Those gaunt beggars, who will fade with the time,
In market-corners, daily moan in grime.
Do you know where they will sleep all their nights ?
— On the city sidewalks and burial sites !*

*One chitly midnight, when gadding about,
Midst Saigon, desert and windy without,
I saw a ragged and famished father
Grasping his child in a shady corner.*

*They used pieces of paper for blanket
And nestled by a wall as Autumn set.
They shuddered in good cadence with the leaves.
Their groans pierced the wind and spread through the eaves !*

*At a distance I paused and simply gazed.
By a bush whose shadows fled and faded,
A woman bend and picked from a waste-bin
A bit of bread about half-a-foot thin !*

*She rushed up toward a quiet small lane
And thrust her head into a sewer drain.
Therein : descried two white frail figures.
They lay flat and showed their bony structures !*

*The children shivered and hiccoughed to retch.
She tenderly waked them up : « My kids, stretch !
Here's one bread-slice for your snack ; and we'll go
To beg for rice again early morrow ! »*

*I durst not linger to feel oppression.
In this awful weather I dit stride on !
I kept wandering in the quiet maze
Of Saigon glimmering amidst a haze.*

*Near the bamboo-side of an endless stream
I sat, looked up and gazed at the stars' gleam.
I sensed the whole world's glaring ugly stains
Produced by mankind's acute night-long pains !*

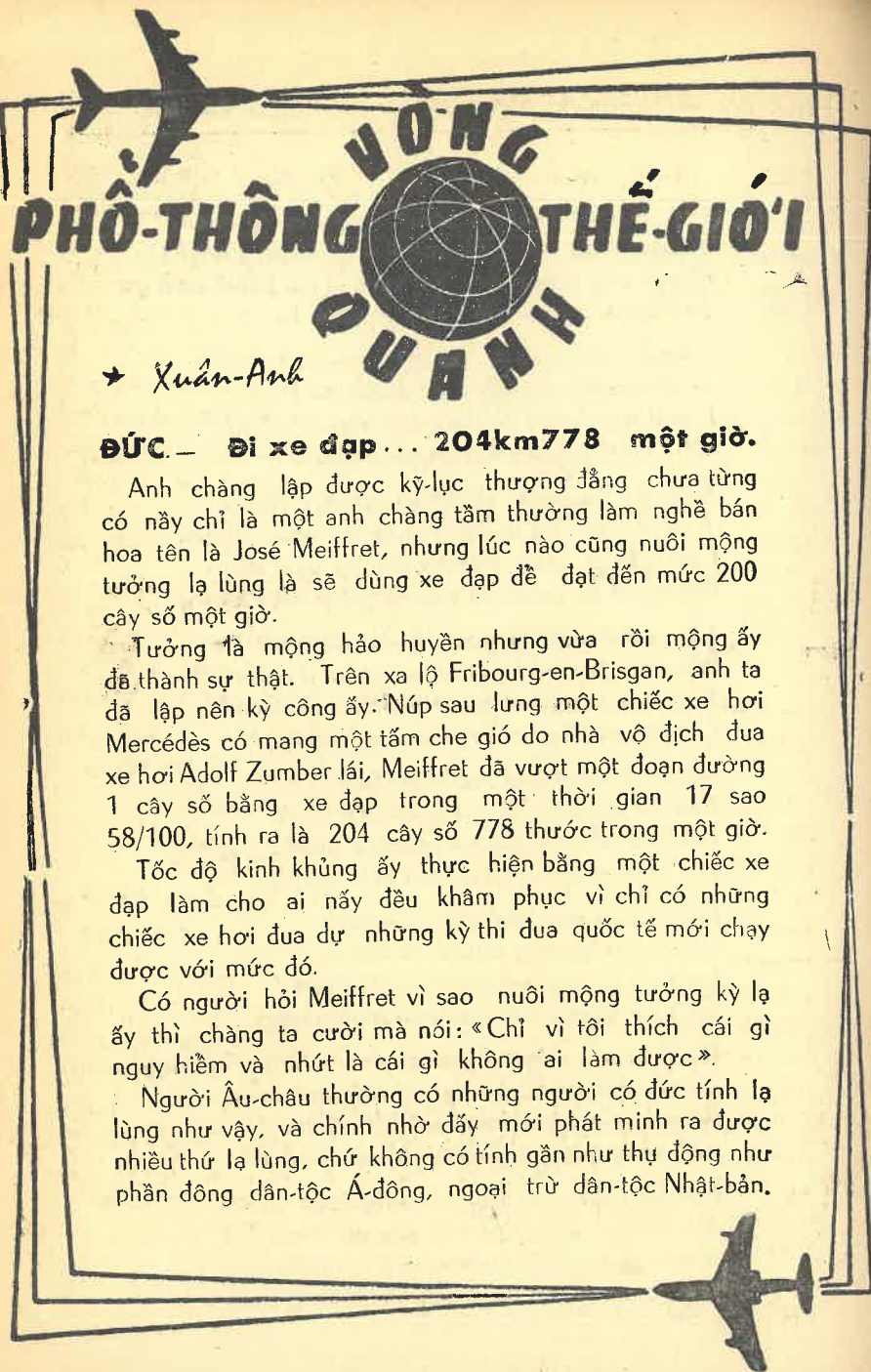
*I know full well, O men, I know full well
Who are honored and ashamed in this Hell !
Yet, may everyone have food and clothing !
One decent home for one human being !*

*National relief and social welfare
Can be practised if everyone will share
The bulk of rice enough at every meal,
The clothes for each season in a fair deal !*

*Let's try to wipe out all this misery.
We should accommodate humanity.
Let's try to sow happiness everywhere !
Let's try to repel all forms of night mare !*

*We'll hear no more griefs, moans, cries, sobs and wails
Among the cities, hamlets, fields and dales,
Whene'er everyone and all will rejoice
And secure requisites of our own choice !*

*Tonight I sat near a bamboo-thicket
And beheld many a dreary planet.
A breeze scoffed at the world's hideousness
That results from mankind's night-long worries !*



★ Xuân-Anh

ĐỨC. — Đi xe đạp... 204km778 một giờ.

Anh chàng lập được kỷ-lục thượng đẳng chưa từng có này chỉ là một anh chàng tầm thường làm nghề bán hoa tên là José Meiffret, nhưng lúc nào cũng nuôi mộng tưởng lạ lùng là sẽ dùng xe đạp để đạt đến mức 200 cây số một giờ.

Tưởng là mộng hảo huyền nhưng vừa rồi mộng ấy đã thành sự thật. Trên xa lộ Fribourg-en-Brisgan, anh ta đã lập nên kỷ công ấy. Núp sau lưng một chiếc xe hơi Mercedes có mang một tấm che gió do nhà vô địch đua xe hơi Adolf Zumber lái, Meiffret đã vượt một đoạn đường 1 cây số bằng xe đạp trong một thời gian 17 giây 58/100, tính ra là 204 cây số 778 thước trong một giờ.

Tốc độ kinh khủng ấy thực hiện bằng một chiếc xe đạp làm cho ai nấy đều khâm phục vì chỉ có những chiếc xe hơi đua dự những kỳ thi đua quốc tế mới chạy được với mức đó.

Có người hỏi Meiffret vì sao nuôi mộng tưởng kỳ lạ ấy thì chàng ta cười mà nói: «Chỉ vì tôi thích cái gì nguy hiểm và nhứt là cái gì không ai làm được».

Người Âu-châu thường có những người có đức tính lạ lùng như vậy, và chính nhờ đấy mới phát minh ra được nhiều thứ lạ lùng, chứ không có tính gần như thụ động như phần đông dân-tộc Á-đông, ngoại trừ dân-tộc Nhật-bản.

PHỔ THÔNG VÒNG QUANH THẾ GIỚI

ANH. — Sinh nghề tử nghiệp

Nhà Bác-học Anh là ông Bacon, chuyên viên khảo cứu về khoa chiến tranh vi trùng đã chết vì bị nhiễm vi trùng độc trong lúc ông say sưa tìm kiếm những loại vi trùng sẽ là những khí giới vô cùng lợi hại dùng trong một trận chiến-tranh sau này để tấn công hay để ngăn ngừa địch.

Thật đúng là sanh nghề tử nghiệp!

Về cái chết của nhà bác học Bacon, báo Sunday Telegraph; bàn về công cuộc nghiên-cứu và sưu-tầm độc-chất-học (Toxicologie) có nói rằng: việc dùng vi-trùng trong chiến-tranh đã bị Hội-nghị quốc-tế Giơ-neo năm 1923 cấm nhưng không ai cấm xử-dụng độc-tổ (Toxine). Với những chất này, những nhà vi-trùng-học có thể làm một quả bom nhỏ chỉ đựng một thìa cà-phê độc-tổ nhưng sức mạnh có thể giết một lúc 500 ngàn người của một thành phố. Tồn-phí đã ít hơn mà sức tàn phá không thua gì một quả bom nguyên-tử.

Than ôi! bao giờ nhân-loại mới hết tìm cách để tàn sát lẫn nhau?

● **Phụ tùng... để chữa mắt**

Trung-Tâm Quốc-gia khảo-cứu khoa-học ở Luân-đôn vừa thí-nghiệm có kết-quả rất tốt đẹp những con mắt của người đờ đừ trong phòng lạnh có thể gìn giữ được rất lâu. Như vậy những «phụ-tùng» như tròng đen, tròng trắng có thể tích trữ rất nhiều để sẵn-sàng đem ra thay thế cho những người bị mất lu mờ hay đui vì bệnh hoạn.

Khoa-học tân-tiến cũng có cái hay cho nhân-loại vô-cùng và từ nay những người đui mù sẽ nhờ những «phụ-tùng» ấy để thay thế mắt cũng như những «phụ-tùng» để thay thế một bộ phận của chiếc xe hư vậy.

HOA-THỊNH ĐÓN. —

Chỉ có Tổng Thống Kennedy

Từ khi Mỹ có những loại bom nguyên-tử và lập chiến thuật tấn công bằng nguyên-tử, ai nấy đều lo sợ rằng có thể vì một sự sai lầm hay vì một cơn điên của một sĩ-quan cao cấp nào đó mà có thể sinh ra một trận chiến tranh nguyên-tử tàn khốc, tiêu diệt nhân loại.

Để tránh những sự kiện bất trắc ấy, các nhà Bác-học Mỹ vừa phát minh một loại «chốt an toàn» cho những loại bom nguyên-tử cỡ lớn. Phương pháp áp dụng là những tín hiệu vô tuyến điện «mật mã» có thể gài và làm nổ bom được, bằng không thì quả bom chỉ hóa ra vô dụng. Tín hiệu vô tuyến ấy chỉ được nhân vật tối cao của Chính phủ Mỹ tức Tổng Thống Kennedy biết mà thôi và chính Tổng Thống sẽ là người duy nhất định đoạt tối hậu về việc sử dụng bom nguyên tử để tấn công một nước khác.

Tín hiệu này còn có thêm cái lợi là ngăn được mưu mô phá hoại những bom nguyên-tử đang dự trữ.

Những «chốt an toàn» này sẽ được gắn vào những quả bom của quân đội Mỹ đang trú phòng trên lãnh thổ Âu-châu.

Nhắc đến chiến tranh nguyên tử sau này, thật là khủng khiếp, mong rằng Tổng Thống Kennedy chẳng bao giờ điều khiển cái «chốt an toàn» ấy thì may ra nhân-loại mới an toàn được.

TENNESSE. — Một tai nạn hi hữu

Một chiếc máy bay kiểu Lockheed Electra chở 65 hành khách và đoàn viên phi hành lúc gần đến phi trường Knoxville thuộc tiểu bang Tennessee (Mỹ) đã bị cuốn trong một trận cuồng phong rất mạnh và vật nhào xuống đất.

Trong tai nạn này, 65 hành khách và đoàn viên phi hành đều vô sự, không ai bị chút thương tích nào.

Thật là một tai nạn hi hữu, xưa nay chưa từng có.

THỤY-SĨ. — Tai nạn... xe hơi

Theo thống kê của Liên Hiệp Quốc thì năm 1960, tai nạn trên các đường lộ thuộc 17 nước trên Lục địa Âu châu đã làm cho 51.143 người chết và 1 triệu 753 ngàn 572 người bị thương.

Thống kê ấy chỉ nói đến 17 nước, còn hơn 10 nước nữa cũng trên lục địa Âu châu thì không có thống kê, như vậy chắc chắn rằng số người chết có thể trên 60.000 người và người bị thương ước lượng 2 triệu.

Chỉ riêng nước Pháp trong 3 ngày cuối tháng 7 là tháng bắt đầu mùa nghỉ mát mà đã có đến 2562 tai nạn xe hơi làm cho 127 người chết và 3.653 người bị thương.

THỤY-ĐIỂN. — 6 người một chiếc xe

Theo thống kê thì ở Âu-châu, xứ Thụy-điển (Norvège) là một xứ mà dân chúng có nhiều xe hơi nhất. Cuối năm 1961, người ta tính rằng cứ 6 người dân Thụy-điển là có một chiếc xe hơi. Hơn cả nước Pháp (đứng hạng nhì) 8 người mới có một chiếc.

Cũng theo thống kê, xứ ít xe hơi nhất trên lục địa Âu-châu là xứ Thổ-nhĩ-Kỳ, 522 người mới có một chiếc.

Có thể nói rằng ở Âu-châu, và cả hoàn-cầu xứ sướng nhất là xứ Thụy-điển. Dân chúng xứ này luôn-luôn đầy-đủ về vật-chất cũng như về tinh-thần, không bao giờ biết sự cực-khổ là cái gì.

● Triệu phú... nhờ một con tem

Ông Bakou, một nhà chơi tem (sưu-tầm các tem ngoại-quốc)

một hôm tình cờ gở một con tem trên một mảnh phong-bì cũ đã hết sức ngạc-nhiên thấy dưới con tem ấy lại có một con tem khác và con tem này lại chính là con tem của đảo Maurice rất hiếm và quý giá vô-cùng, hiện nay trên hoàn-cầu chỉ còn chừng 30 con là cùng.

Con tem này trị giá vài triệu quan.

Mảnh phong bì cũ trên có dán con tem này có một «tiêu-sử» khá li kỳ.

Số là năm 1943, nhà chức trách quân-sự Nga có bắt được một sĩ-quan Đức mang trong mình 20 mảnh phong bì trên có dán tem. Sĩ-quan chỉ-huy không tin rằng sĩ-quan Đức ấy chỉ là một người thích chơi tem mà cứ nghi rằng đó là một viên gián-điệp lợi hại đã ghi bằng những dấu hiệu riêng, những bí-mật quân-sự trên những con tem ấy. Viên sĩ-quan Nga nhứt định tịch thu để điều-tra.

Sau khi chiến-tranh chấm dứt, viên sĩ-quan Nga này mới nhớ lại những mẫu phong bì và những con tem ngày xưa. Ông ta gởi biểu ông Bakou và không ngờ lại gặp con tem quý giá và

chính nó đã làm cho ông này trở nên triệu phú.

Cắc cớ cho cái ông sĩ-quan này thật. Của triệu đề trong nhà mà lại bỏ xó hổng 20 năm rồi lại đem cho kẻ khác mà không biết.

NHẬT. — Di hại của quả bom Hi-rô-xi-ma

Ai cũng còn nhớ rằng sở dĩ Nhật đầu hàng Mỹ là vì hai quả bom nguyên-tử mà Mỹ đã thả trên 2 thành-phố Hi-rô-xi-ma và Na-ga-sa-ki của Nhật, giết hằng mấy trăm ngàn người trong một lúc.

Đến nay gần 20 năm, di hại của quả bom ấy vẫn còn. Theo bản phúc trình của một Ủy-ban điều-tra Mỹ thì các nhà chuyên-môn đã khám 70.000 người trong đó có 7000 người trước kia đã từng sống trong một chu vi 2 cây số chung quanh điểm bom nổ ở thành-phố Hi-rô-xi-ma.

Ủy ban này nhận xét rằng chỉ có một tỷ-lệ rất kém về sự biến dạng (déformation) giữa những đứa con của những người bị nhiễm phóng xạ với những đứa trẻ bình thường khác.

Năm 1956, Ủy ban điều tra nhận xét ít có trường hợp trẻ con ngu đần hay là có một cái đầu nhỏ hơn đầu con nít thường trong số các trẻ con đang còn ở trong bào thai của các bà mẹ lúc thành phố bị bom.

Về mặt khác, tánh tình là những chứng bệnh thông thường nhứt của những người đã bị nhiễm chất phóng xạ. Ngoài ra, 1000 người trong số đó lại mắc thêm chứng bạch huyết và nói chung, những người bị nhiễm phóng xạ đều rất dễ mắc bệnh ung thư.

Nghĩ cũng đau đớn thật! Gần 20 năm trời mà một quả bom nguyên-tử cỡ nhỏ nhứt trong thời kỳ phôi thai của khoa-học nguyên tử mà còn gây di hại đến ngày nay, thế mà các nước tự cho là văn minh, hướng dẫn nhân loại và lãnh đạo thế giới còn cố công sản xuất thêm bom nguyên tử càng ngày càng mạnh làm gì nữa?

Nhân loại trên trái đất này là của Tạo Hóa, đâu phải của riêng gì họ mà họ có quyền muốn tiêu diệt hồi nào tùy ý họ?

XUÂN-ANH

tâm sự người đi

★ TRƯỜNG-SINH

Em bảo rằng anh chẳng nhớ nhà?

Bâng-khuâng thương nhớ góc trời xa,

Bóng em cặm cùi bên hàng cải,

Vun xới vườn rau giúp mẹ già.

Ai bảo rằng anh chẳng nhớ em,

Nhớ người hiền phụ khuất sau rèm,

Quạt nồng ấp lạnh bên Thầy Mẹ ..

Sưởi ấm lòng anh lúc vắng Em.

Mặc dầu anh nhớ vợ và con,

Anh vẫn đi vì nợ nước non,

Với bao mộng đẹp ngày mai ấy,

Không kè sầu đau với oán hờn.

Phận làm trai trong Quốc-gia sóng gió,

Lẽ nào ngồi nhìn vợ đẹp con xinh,

Chân phải băng trên nẻo đá gập ghềnh,

Cho phi chí, Đây người « TRAI ĐẤT VIỆT ».

Cười lên Em, anh nung thêm giồng huyết,

Của DÌNH PHÙNG, ĐỂ THÂM, với QUANG TRUNG.

Ngày mai ta trùng phùng,

Nắm tay em siết chặt,

Ngoài kia không còn giặc,

Ta hoan hỉ kết đoàn theo

Với vạn người trong muôn nẻo.

Cùng nhau reo hát thanh bình,

Chung tay xây dựng tổ mình có ta,

Bước đi theo nhịp hoan-ca

Gia đình sum họp Quốc-gia vui vầy.

Mình ơi!



STEINBECK

Bà Tú đi chợ về, đặt giỏ mây trên bàn, chạy lại ông Tú đang nằm vồng, cúi xuống hôn ông. Rồi bà đứng dậy đi thay áo. Ông Tú mê-mải xem sách. Ông thích lặng-lẽ, yên-tĩnh như thề, để hết trí óc vào những trang sách ông đang xem. Nhưng bà Tú trở lại, tay cầm chiếc sơ-mi, ngồi xuống cạnh chồng quây lưng lại ông:

— Mình mở hộ cái xu-chiêng cho em.

Ông Tú chăm-chỉ xem sách, không để ý đến cô vợ trẻ nhõng-nheo. Bà Tú ngồi chờ sốt ruột, lại gọi:

— Mình! cởi hộ cái « xu-chiêng » cho em đi!

mày là ai

MÀ ĐƯỢC
GIẢI THƯỞNG
VĂN CHƯƠNG
QUỐC-TẾ?

MÌNH ƠI!

Ông Tú để sách xuống, hơi bực mình một chút, nhưng vẫn âu-yêm chiều vợ:

— Sao hôm nay em cài cái soutien-gorge chặt bó thế này?

— Tại cái xu-chiêng « Lou » em mới mua nó chặt thế đây.

Với bốn ngón tay nhẹ-nhàng ông mở cái móc ra:

— Xong rồi đây em.

— Cảm ơn Minh.

Ông Tú cầm sách lên xem tiếp. Bà Tú mặc áo sơ-mi vào, rồi quay lại chồng, âu-yêm hỏi:

— Mình xem quyền sách gì đây?

— « The Grapes of Wrath »

— Sách Anh-ngữ. em đâu có hiểu gì.

— Quyền « Chùm Nho Uất-hận ».

— Của ai, Minh?

— Của John Steinbeck.

— Có phải cái ông nhà văn Mỹ vừa được giải thưởng Nobel không?

— Phải.

— Chuyện có hay không, Minh?

— Được. Nhiều đoạn rất cảm-dộng.

— John Steinbeck là ai, sao từ trước đến giờ em không nghe tên?

— Anh nhớ hình như đạo nọ

hai đứa mình có đi xem tuồng xi-nê « The Grapes of Wrath », phim của John Ford, diễn theo tác-phẩm của Steinbeck đây. Bồn tiểu-thuyết khác của Steinbeck cũng đã được quay phim: « Of Mice and Men » (chuyện Chuột, chuyện Người) phim của Lewis Milestone; « East of Eden », (Miền Đông của Thiên-đường) phim của Elia Kazan; « Tortilla Flat », phim của Victor Fleming. « The Pearl » (Hòn ngọc), phim của Emilio Fernandez.

— Mấy phim đó đã xem chưa, em không nhớ nữa.

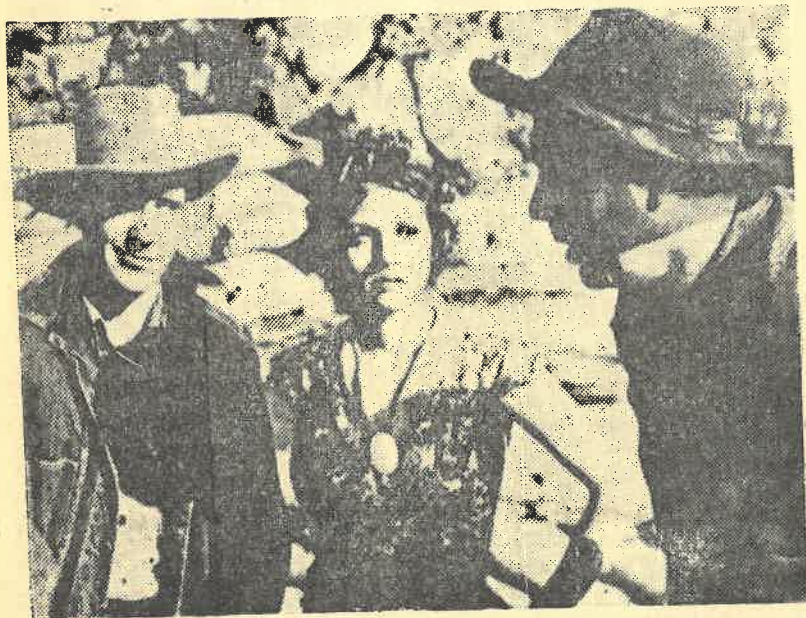
— Tác-phẩm của Steinbeck không phải là những chuyện tình-cảm, cho nên không có tính-chất hấp-dẫn say-mê. Hầu hết là những truyện xã-hội, hoặc tả cảnh đồng quê ở thung-lũng Salinas, nơi quê-hương của ông, hoặc những chuyện của nông-dân, thợ-thuyền, lao-công, v.v... nhưng rất cảm-dộng, thâm-thía vì John Steinbeck muốn mô-tả những kham-khổ, cực-nhọc vất-và và nhẫn-nại của những đoàn người nghèo khó đi tìm sự sống, và thường gặp thất bại, cuối cùng là thành-công.

— Em muốn biết tiểu-sử của ông ấy.

— John Steinbeck là con trai của ông John Ernst Steinbeck, chủ sở kho-bạc ở quận Monterey và bà Olive Hamilton, nữ-giáo-viên dạy một trường Tiểu-học ở quận ấy. Vợ chồng lấy nhau lâu mà không có con, mãi đến năm 1902 ngày 27 tháng 2, mới sinh ra John Steinbeck. Cậu bé này ra đời, không có triệu-chứng gì báo hiệu rằng sẽ trở nên một văn-sĩ lừng danh. Đi học thì lười biếng «sô dách»

— Cũng như Minh hồi nhỏ chứ gì.

— Ủ. ghét học lắm, nhưng lại được cái tính ham đọc các sách lạ. ngoài những sách giáo khoa của học-đường. Mẹ John làm Cô-giáo, có một tủ sách gia-đình đầy các sách hay, sách quý. Về văn-học, xã hội, lịch-sử v v... John moi ra đọc cho kỳ hết. Cậu thích nhất những sách nói về đời sống hằng ngày, phổ biến văn-hóa hữu-ích, tư tưởng bình dân, thiết-thực. Cậu ghét triết-lý



Một cảnh trong phim « Of mice and Men »
(Chuyện Chuột, chuyện Người)

khô khan trừu-tượng, cậu cũng không thích mơ-mộng, thơ phú. Những tháng nghỉ hè, John vứt hết sách vở nhà trường, để đi theo các nông dân trong làng xin làm tập-sự các việc đồng-áng, chăn-bò, chăn heo, cày, cuốc, tưới nước, nhổ cỏ, làm vườn.

Nhưng nhờ có trí-óc thông minh, nên học cũng dễ-dàng. Thi đậu Trung-học xong, John Steinbeck tìm đến một sở nàu đường, xin làm phụ-tá trong phòng thí-nghiệm hóa-học. Một thời gian qua John ghi tên vào trường Đại-học Stanford, ban Văn-khoa. Học liên tiếp 5 năm, đến kỳ thi «tốt-nghiệp» lại bị dẫm vô chuỗi, hai kỳ thi đều trượt cả. Sự thực, John đâu có thích gì đồ bằng cấp Cử-nhân tiên-sĩ! Chàng sinh-viên 23 tuổi sau 5 năm Đại-học văn khoa, bỏ đi làm phu lục-lộ, đập đá, đắp đường, lái xe «hủ-lô», lẫn-lộn với các ê-kíp thợ chuyên môn. Chạy mẹ chàng để cho chàng toàn quyền tự-do, muốn làm gì thì làm, không ngăn cấm. Năm 1926, 24 tuổi, chàng mò lên đến New York. Một

chàng thanh-niên ở tỉnh lân đầu tiên lạc-loại giữa Thủ-đô mênh-mông náo-nhiệt, không có bà con bạn hữu, John Steinbeck đi xin làm thợ nề!

— Há há! sinh viên Đại-học Văn-khoa, mà bỏ đi làm thợ nề, hả Minh?

— Ủ. Anh rất chịu những chàng trai trẻ có đầu óc đọc đáo như thế. Chứ đâu phải chạy theo bằng cấp, để làm giáo-sư, mà gọi là trí-thức? Ở đời, ta phải sống theo sở-thích của ta, theo chí-hướng của ta chứ...

— Rồi sao nữa, Minh?

— John Steinbeck làm thợ nề, một thời gian rồi làm thợ quét nước vôi...

— Cũng như Hitler hồi còn nghèo?

— Ủ. Rồi sau John xin vào làm công trong một nhà hàng tạp hóa, rồi bỗng dưng cao hứng xin làm phóng viên nhà Báo! Nhưng sau vài tháng, ông chủ báo không cho John làm nữa.

— Sao thế?

— Tại vì John Steinbeck cứ viết bài bênh vực người nghèo đói, dân lao-động, ông

chủ-nhiệm lắc đầu nói : « Thôi xin mời chàng đi ra ngoài vỉa đường mà sống với bọn lao-động ! » John bỏ phớn-hoa đô-hội, trở về tỉnh nhà, ở Californie. Nhưng lần này, sẵn dịp đi phiêu-lưu cho thỏa-thích, chàng đi đường thủy, theo con sông - đào Panama, chàng xin làm thủy thủ quét-dọn trên một chiếc tàu chở hàng-hóa. Tình-cờ John gặp một ông nhà giàu có một sở nhà rộng lớn nhưng bỏ hoang lâu ngày ở Sierra Nevada, gần thung-lũng Salinas, quê hương của chàng, ông này thuê chàng làm « gác-dang » ở coi nhà cho ông. Nơi đây, một mình một bóng, lại gặp mùa tuyết bao phủ trắng xóa cánh đồng, tự-nhiên cảm thấy cao-hứng viết văn... Thế là một hai mùa đông đã huốt ở nơi hoang vu xa vắng đìu-hiu, lần đầu-tiên John viết một quyển truyện « Gold Cup » (Chén Vàng) xuất bản năm 1929. Lo viết văn, John để cỏ mọc đầy sân, gió lớn làm tróc gốc một cây cổ thụ đổ sụp xuống mái nhà biệt-thự. Chủ-nhà đến thăm thấy thế tức giận đuổi cô chú gác-dang vô tích-sự. John lại đi lang-

thang, gặp một nhà nuôi cá, xin vào làm công. Nơi đây chàng mê cô thư-ký duyên-dáng ngây thơ, liền xin cưới làm vợ. Cha chàng đề cho hai vợ chồng mới cưới ở tạm một gian nhà nhỏ của ông bố không tại Pacific Grove. Cô vợ ngoan-ngoãn...

— Ngoan-ngoãn như em không. Minh ?

— Như.

— Có nhõng-nheo như em không ?

— Có... Nhờ cô vợ nhõng-nheo, yêu John, chịu John, sẵn-sốc cho John, John tiếp tục viết văn, và năm 1935 xuất-bản một tiểu thuyết tựa là **Tortilla Flat**.

Không ngờ tác-phẩm này được nổi tiếng, được độc-giả hoan-nghenh nhiệt-liệt.

— Hay lắm hả ?

— Phải hay mới được công chúng hoan nghênh chứ.

— Minh tóm tắt em nghe.

— Một câu chuyện dĩ-dòm mô tả những thà-h-tích của ba người dân quê xứ Mexico, lạnh-lợi, xảo-quyệt, đời phó-lại với nhà cầm quyền pháp-luật. Một truyện dĩ-dòm cốt truyện không có gì đặc-sắc, nhưng John Steinbeck đã

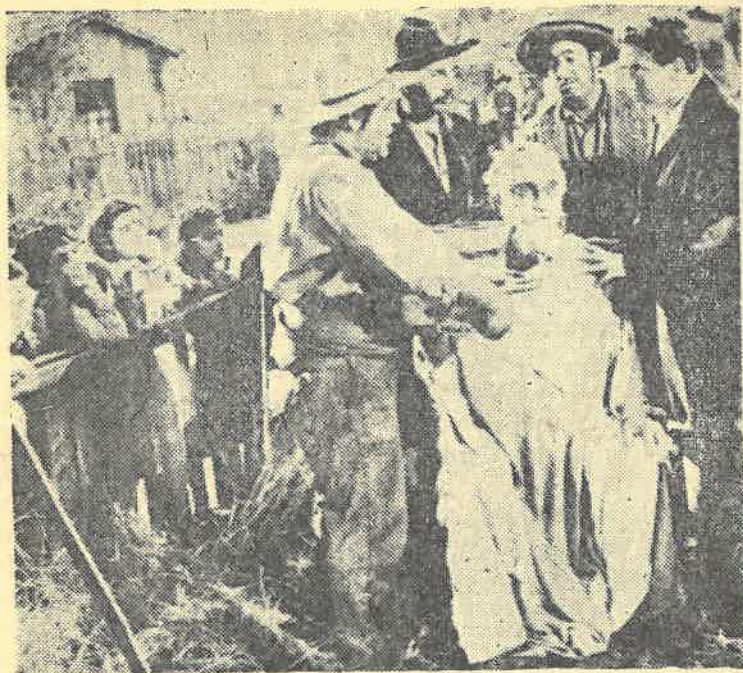
trở ra một tài nghệ khá cao, bao biện sâu - sắc, bờ - cực khéo-léo, văn-chương bình-dân, giản-dị, giá-trị đặc-biệt của tác-phẩm này là tài-nghệ của John Steinbeck làm nổi bật lên sự bất công của xã-hội trường giả, sự phản-ứng của những kẻ quyết bảo-vệ phẩm-giá của con người. Từ đây trở đi John Steinbeck trở thành một nhà Văn độc-đáo, dùng ngòi bút linh-động để phác-họa rất tài tình những cảm-hứng thực-tê chua-chát của xã-hội, những đau khổ của kẻ yếu thế bị tiền-tài, thế-lực đè ép. Bị đè-ép nhưng họ vẫn vùng chỗi dậy.

Năm 1932, John xuất bản quyển « *Gởi một vị Chúa vô-danh* », (mượn tựa một bài thơ của Ấn-độ) tả một đôi vợ chồng trai-trắng bám vào đất để sống, với tất cả nguồn nhựa sống dồi-dào mãnh liệt của con người quyết sống.

1935 ông xuất bản tác-phẩm *Tortilla Flat*, tài nghệ đã hoàn toàn điêu-luyện, diễn tả tinh-thần chắt-phát nhưng cương quyết thành công của một nhóm người ở thôn-giã. Trong

quyển này, văn của Steinbeck rất là sống - động, hồi-hộp, thâm-thía.

1936: *In dubious Battle* (trong một chiến trận khả nghi), 1937: *Of Mice and Men* (chuyện chuột và chuyện Người) 1939: *The Grapes of Wrath* (Chùm Nho Uất lạng), đây mới là kiệt-tác của nhà văn-hào Mỹ. Ông được giải thưởng văn-chương quốc-tê, chính là nhờ quyển này. Tác-phẩm này đã làm say-mê cảm-xúc muôn nghìn độc-giả bốn phương. Tác-giả với lời văn lời cuốn, xúc-động, đã mô-tả một cuộc di-cư của một đoàn nông dân nghèo đói, rách-rưới, từ Dust Bowl ở Oklahoma lặn-lội tìm đường về miền đất làng Californie. Tuy cốt truyện chẳng có gì, nhưng nó chứa đựng biết bao nhiêu khía cạnh thực-tê của xã-hội hiện-đại; nó là tượng-trưng cho những cuộc di-cư của Do-thái từ thời Thợ-gold-cỗ, Trung-cỗ, Cận kim, và những cuộc di-cư của một số các dân-tộc hiện nay trốn cái đói, cái khổ, để đi tìm cái sống vui, sống mạnh, sống đầy đủ, cái lý-do sống của con người muôn thuở.



Một cảnh trong phim « The Grapes of Wrath ».
(Chùm Nho Uất Hận) của John Ford

Đó là chỉ kẻ mây kiệt tác của John Steinbeck, chứ ông còn viết nhiều quyển khác nữa.

John Steinbeck đã bị một vài nhà phê-bình tìm cách dìm tài, chèn chỗ này, bắt bẻ chỗ kia. Có kẻ bảo rằng John Steinbeck chưa phải là một nhà văn-hào của nước Mỹ. Nhưng giải-thưởng Nobel 1962 đã

chứng tỏ rằng ông đã thành nhà văn-hào quốc-tê.

— Ở thời nào chỗ nào cũng thế, Minh ơi! Kẻ có tài bao giờ cũng có kẻ ganh ghét, dìm tài. Nhưng 1 người ghét có 1000 người ưa...

— Steinbeck viết văn từ 31 tuổi, phải đến 60 tuổi, mới được nhìn nhận là nhà văn quốc-tê. Hôm rồi, bà vợ của

ông đòi đi với ông qua Suède để dự lễ nhận thưởng. Ông nhìn vợ, tủm tỉm cười: « Em đã đi với anh từ cái nghèo cái khổ. Bây giờ em có quyền đi với anh đến cái Hạnh phúc và Danh-vọng tuyệt vời ».

Bà Tú xịu mặt xuống :

— Vợ chồng già của người ta cứng nhau như thề đây. Chồng đi xa thề vẫn cho vợ đi theo. Còn Minh đi loành quanh nội trọng Sài Gòn này, mà có khi em muốn đi theo, Minh không cho !

Ông Tú cười :

— Anh đi nhóm họp với các bạn đồng nghiệp mà.

— Em biết, Minh muốn đi một mình được tự-do hơn.

— Tự do gì cơ ?

— Minh muốn được tự-do ngồi gần các cô nữ đồng-nghiep của Minh, em biết hết chứ bộ !

Ông Tú mỉm cười làm thinh. ầu-yeem nhìn vào đôi mắt huyền mơ của vô vợ hay ghen.

Diệu-Huyền

ĐÍNH CHÁNH

Onneur !!

Trong Phô-Thông số 93, cuối trang 85, câu danh ngôn của Alfred de Vigny, chữ **Honneur** đã sắp thành ra **Onneur**. Chắc bạn đọc đã mỉm cười mà tự sửa giùm lại rồi. Xin thành thật tạ lỗi và cảm ơn các bạn.

Phô - Thông số 95

ĐẶC - BIỆT NOËL

ra trước ngày 25-12-1962

vấn bản 10\$

Quê hương Chàm: Phan-Lý

Tôi là người Chàm-
Nhưng tôi rất yêu-mến
Tập-chí Phồ - Thông và
ông Nguyễn - Vỹ, cũng
như đa số đồng - bào
Chàm chúng tôi, Vừa rồi,
nhân đi công tác vào

Saigon, đến thăm Tòa - soạn,
hân-hạnh được ông N.V. tiếp, tôi
cảm-kích vô cùng được nghe Nhà
Thơ Nguyễn-Vỹ nói: «Tôi không
phải người Chiêm-thành, nhưng tôi
rất mến Văn-hóa Chàm và rất thương
Dân-tộc Chàm».

Cảm-kích vì câu nói quyến-luyến
của Thi-sĩ, lúc về Phan-Lý, ngồi trên
tàu tôi có làm bài thơ Việt-ngữ sau
đây, xin tặng nhà Thơ Nguyễn-Vỹ,
tặng Bạn đọc Việt-nam và đồng-bào
Chàm của tôi.

☆ PARICHAM

Tôi về Phan-Lý:
Quê hương tôi,
Cố đô người Chiêm-quốc!
Buồn bã lắm, than ôi!

Giờ đây ngã tư đường lịch-sử (1)
Giữa Nam-Quan và Cà-Mau.
Hai bên Quốc-lộ
Hồn dân Chiêm còn in đậm một
màu.

Nay tôi đi về đâu?
Trôi giạt về đâu?
Trên con tàu đi-văng?
Hồn thiêng-liêng còn lảng vảng
nước non Chiêm,

Phan-Lý ơi!
Chiêm-Thành ơi!
Còn đâu giòng Lịch-sử
Với lớp người hùng dũng áo
vinh quang!

Còn đâu gấm vóc giang-san!
Còn đâu sông núi, Chiêm-hoàng
ngày xưa!

Cố đô ơi!
Chiêm Thành ơi!
Có đau chăng?
Kiếp đời còn sống sót!
Đành quên tình mà bội-ước quê
hương!!

Không! Không! Gót chân ta dù
đã mỗi trên đường
Kiếp sống ta là tâm tư sầu khổ
Thuyền sầu ta dù biển gió bênh
bồng.

Thì tình Phan-Lý, vẫn mặn nồng
không phai!

Phan-Lý ơi!
Vui lên đi!
Hãy cười lên đi với tháp Chàm
hùng-vĩ!



Cô nữ độc giả Chàm,
trung thành của Phồ-Thông

Hành-diện lên đi với, đi-văng
hùng-cường!
Cho dù có thiếu niềm thương
Của người vong quốc trên
đường truy hoan

Tôi yêu Phan-Lý,
Người mẹ già căn cội về chiều.
Có em bé Chiêm với xóm làng
nhỏ nhỏ

Mái tranh nghèo!
Mà cô quạnh đìu-hiu!
Tôi yêu Phan-Lý!
Yêu cả dân-tộc Chiêm-Thành
Yêu cây tầm-gởi, hiền lành tôi
yêu.

PARICHAM

(1) Phan-Lý: Quận của người
Chiêm thuộc tỉnh Bình-Thuận, tọa lạc
giữa ngã tư của con đường quốc lộ
và Sông Mao — Hiệp-Phước.

LỢI-NGỌC

Truyện dài trào phúng xã-hội ★ NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. 93)

SAO cậu không này quần áo của cậu cho cô Ngọc thay, thề à thề nào?

Tôi im lặng. Chớ tôi biết trả lời cách nào với thằng Ngọc bây giờ? Câu hỏi ngờ-ngẩn nhưng rất thành-thật của nó khiến tôi đã xấu-hổ rồi, vì nó là thằng bé ngây-thơ còn biết lo lắng từ bộ đồ thay của Bích-Ngọc, mà chính tôi lại không nghĩ đến! Tôi ở vào một trường hợp rất oái-oăm, gay-cấn. Chỉ có một

phương-pháp giải-quyết vãn-để quần áo của Bích-Ngọc, là tự tôi phải đi ra phố mua hàng vải đem đến tiệm may, mượn thợ may vài cái áo vài cái quần cho cô mặc. Nhưng ở tỉnh này ai cũng biết là tôi chưa có vợ. Bấy lâu nay có ai thầy trong nhà tôi một người đàn-bà họ-hàng thân thuộc nào đâu. Nay bỗng dưng tôi đi thuê thợ may một bộ áo quần cho phụ-nữ, thì thiên-hạ sẽ rùm nhau đánh bao nhiêu đầu hỏi??? Người ta sẽ không khỏi đồn-đãi với nhau có là cô con gái nào bí-

LỢI NGƯỢC

mật ở nhà tôi??? Giữa lúc dư-luận đang bàn tán xôn-xao về vụ cô Bích-Ngọc bỏ nhà đi đâu từ hôm qua đến nay, không mang theo áo quần, không có một đồng xu trong túi, thì việc tôi đến thợ may đặt may vài bộ y-phục phụ-nữ, khác nào như chính tự tôi tỏ-cáo tôi: lạy ông tôi ở bụi này! Tôi dạy học mỗi tháng được vài nghìn bạc, nhưng tôi trả nợ nần chút ít và mua sách báo mỗi tháng cũng hết bọn, còn lại năm bảy trăm để tiền chợ và vật vãnh trong nhà, không có tiền dư. Tuy vậy, nếu tôi muốn sắm vài bộ áo-quần cho Bích-Ngọc cũng không khó gì. Tôi hỏi mượn một vài người quen, họ sẽ không từ-chối. Nhưng đó chưa phải là vãn-để chính. Công việc hệ trọng và gấp rút là phải làm sao cho Bích-Ngọc đi Sài-gòn. Bởi vì nếu Bích-Ngọc ở nhà tôi lâu, không sớm thì muộn ông Thừa bà Thừa cũng biết. Nói cho cùng, họ biết thì làm gì tôi? Tôi đâu phải quyền rữ cô Bích-Ngọc? Bích-Ngọc đã 18 tuổi đầu chứ bé bỏng gì nữa mà để tôi quyền rữ? Ông

Thừa, bà Thừa, hay ông Tỉnh, ông Cò, hay ông chi chi đi nữa, phỏng làm gì được tôi nếu biết tôi chứa cô Bích - Ngọc trong nhà? Phỏng họ làm gì được cô Bích Ngọc? Giả sử chúng tôi yêu nhau và lấy nhau, (tôi nói thí dụ vậy mà!) thì ai đã làm được gì được ai? Hơn nữa, tôi là người ở đây lâu năm, trong thành phố ai ai cũng biết tôi, mền tôi, Bích-Ngọc cũng thế. Giả sử họ có nghi-ky, xấn xỉ, bàn tán rằng tôi và Bích-Ngọc đã tình-tự với nhau (chắc chắn họ sẽ đồn oan cho tôi như thế!) và vì vậy Bích-Ngọc đã tránh cạm bẫy ở nhà ông bác, để bỏ trốn qua ở với tôi, giả sử họ có nghi oan cho tôi như thế đi nữa thì tôi cũng cóc cần! Mà chắc Bích-Ngọc cũng chả sợ! Vì nếu cô sợ thì cô đã không dám đường đột đến ở nhà tôi!

Tôi nghĩ rằng Bích-Ngọc trốn sang nhà tôi vì, thứ nhất là cô tin nơi tôi, thứ nhì là cô chẳng biết nơi nào khác hơn. Cả thành phố này có nhà nào dám chứa cô một khi họ biết việc cô trốn đi có liên-quan đến ông chúa tỉnh!

Bích-Ngọc hoàn toàn tin nơi tôi tuy cô biết tôi chưa có vợ và ở nhà một mình. Tôi được cô tin như vậy từ ngày cô học với tôi, là vì cô chưa thấy tôi làm điều gì lộn xộn, để cô hết tin. Nhưng không vì những lý-do chính-đáng kia mà tôi giữ Bích-Ngọc ở hẳn lại với tôi. Không! Không! Nếu tôi yêu Bích-Ngọc hay là Bích-Ngọc yêu tôi chẳng nữa — tôi thí dụ thế thôi! — tôi cũng đợi một dịp khác để tỏ chân tình, chứ không phải trong hoàn cảnh éo-le bây giờ.

Bây giờ, tôi có bốn-phận giúp đỡ và săn-sóc một thiếu-nữ đau khổ bị gia-đình tàn-nhẫn đánh đập một cách vô-liêm-sĩ và sắc đẹp kiều-diễm của cô đang bị một kẻ quyền thế dâm-dục, muốn chiếm đoạt.

Tôi bảo thằng Ngọng xuống bếp nấu pha một bình nước trà. Tôi vào buồng Bích-Ngọc. Cô đang dựa lưng vào chiếc gối kê cao lên đầu giường, hai chân duỗi thẳng dưới chiếc mền trắng, coi bộ còn mệt-nhọc lắm. Bích-Ngọc thấy tôi vào, nhìn tôi với tất cả cảm-tình êm-dịu, tin cậy. Cô ngồi

yên, không nhúc-nhích. Tôi đứng cạnh giường, bảo :

— Cô muốn đi Sài-gòn đêm nay không?

Cô im lặng. Tôi nói tiếp :

— Tôi đã sắp sẵn một chương-trình để chúng ta thực-hiện không có điều trở ngại.

Tôi ngồi xuống cạnh giường, châm điều thuốc hút và cúi nhìn xuống đất, nói chậm rãi :

— Cô nên đi Sài-gòn tốt hơn là ở nơi thành-phố xấu xa quý quái này. Nhưng đi ban ngày dĩ-nhiên là không tiện. 1 giờ khuya đêm nay, thành-phố ngủ cả, không ai hay biết, tôi sẽ đưa cô đi vào ga Danh-Sơn. Cô có quen ai ở Danh-Sơn không?

— Dạ không.

Tôi có quen ông xếp ga ở đây. Nhưng gần đến ga, cô sẽ vào mua vé một mình. Chúng ta đến ga vào khoảng sáu giờ sáng. Cô đợi chuyên tàu 7 giờ, mua vé đi Phú-Hải. Đến Phú-Hải 11 giờ, cô xuống phố dùng cơm trưa, rồi ra dạo chơi ngoài bãi biển. Có bóng cây

mát, cô ngồi nghỉ, đến 2 giờ cô lên ga có chuyên tàu suốt đi Sài-gòn. Cô biết địa-chỉ người chị em bạn ở Sài-gòn chứ?

— Vâng.

— Vào trong ấy, cô định làm gì?

— Em chưa định làm gì cả.

— Tôi khuyên cô trước hết xin việc làm tạm. Chồng người bạn gái của cô làm kỹ-giả ở báo « Dur-lun » phải không?

— Vâng.

— Cô có thể nhờ người ấy đăng vài câu trên báo để xin việc làm. Đó chỉ là công việc làm tạm thời. Tôi mong cô có thì giờ học thêm. Khi nào cô cần tiền, hoặc bất cứ một điều gì, cô cứ viết thư cho tôi biết. Tôi luôn luôn sẵn-sàng giúp cô. Khuya nay cô đi, cô sẽ có đủ tiền dùng làm lộ phí và để tiêu vặt ở Sài-gòn, khỏi vay mượn ai.

Trong khi nói chuyện, tôi luôn luôn cúi nhìn xuống đất. Thình thoảng ngược lên ngó Bích-Ngọc, thì đôi mắt tôi gặp đôi mắt cô âu-yêm nhìn tôi. Nói xong, tôi đứng dậy :

— Tôi cầu mong cô đi bình-yên vô sự đến Sài-gòn.

Bích-Ngọc im lặng, nhưng hai ngàn-lệ chảy quanh trong

đôi mắt huyền-mơ. Cô dịu-dàng cầm tà áo tím đưa lên thăm lẹ, rồi để xuống, bàn tay nòn-nà mân-mê tà áo. Tôi khẽ bảo :

— Thôi cô nằm xuống nghỉ cho khỏe.

Tôi bước ra ngoài, khép cánh cửa buồng, 7 giờ tối, thẳng Ngọng dọn cơm lên, mời tôi và Bích-Ngọc. Bữa cơm tôi nay là bữa cơm tiễn-biệt cô Bích-Ngọc, thẳng Ngọng rất chu đáo. Tôi bằng lòng thấy trên mâm có một tô canh chua cá lóc, một đĩa thịt bò xào măng, một đĩa rau xà-lách, một đĩa chả và một đĩa nước mắm ớt, một múi chanh. Bích-Ngọc ngồi ăn, nhưng nét mặt âu-sầu tư-lự. Tôi nay bữa ăn thật ngon, nhưng cô ăn thật ít. Cô không còn rụt-rè e-lệ nữa, nhưng cô thật buồn. Cô ngồi ăn mà trí óc hình như nghĩ-ngợi đâu đâu, thình-thoảng lại nghẹn-ngào muốn khóc. Tôi tìm những chuyện bông-lông nói lảng-xăng cho cô vui. Cô vẫn nghe, nhưng vẫn buồn.

Thằng Ngọng thì nói bô bô. Nó nói nhiều hơn tôi nữa, và nó có vài cử-chỉ

tự - nhiên rất dễ - thương. Đang bữa cơm, bỗng nó bỏ đĩa xuống, ngo tới :

— À, thưa cậu, con có mua một nải chuối chín, ngon lắm, thề nà thề nào.

Rồi nó chạy xuống bếp. Nó trở lên với một nải chuối để trên bàn, cười nói với Bích-Ngọc :

— Đêm nay tiễn cô, con mua một nải chuối bự, thề nà thề nào.

Bích-Ngọc cảm-động nhìn nó :

— Em tử tế với chị quá.

Nó cười tủm tỉm, lộ vẻ sung-sướng vô cùng. Cơm nước xong, thằng Ngọng xin phép tôi cho nó đi chơi. Tôi dặn nó :

— Đêm nay 12 giờ con phải về nhé. Con coi nhà đề cậu đưa cô Bích-Ngọc đi Saigon.

— Thưa cậu, đúng mấy giờ cậu với cô đi, thề nà thề nào ?

— 1 giờ sáng. Nhưng con đừng nói cho ai biết nhé... 12 giờ con phải có ở nhà. Con đi chơi đâu thì đi nhưng nhất định 12 giờ phải về nhà.

— 12 giờ, dạ, con nhớ rồi, đúng 12 giờ thề nà thề nào.

Nói xong nó chạy biến đi mất. Tôi còn ngồi bàn uống nước và nói chuyện với Bích-Ngọc. Tôi dặn dò cẩn-thận và lấy đưa cô 2000\$. Tôi không nói cho cô biết là sỏ tiền tôi đã đi mượn của một người bạn. Bích-Ngọc làm thình tỏ vẻ ái ngại. Bỏn tằm giấy bạc 500 nằm lặng lẽ dưới ánh đèn. Một làn gió nhẹ thổi bay một tằm rơi vào lòng Bích-Ngọc. Tôi lấy ống tằm đặt trên bàn tay còn lại. Bích-Ngọc lượm tằm rơi vào lòng cô, cảm mân-mê nghĩ-ngợi. Tôi nói tiếp :

— Với món tiền nhỏ mọn này, cô có thể ở Saigon một thời gian. Khi cô có chỗ ở nhất định, cô viết thư về cho tôi biết địa chỉ, tôi sẽ gửi thêm. Tôi rất thành thật giúp cô, cô đừng ngại gì cả.

Bích-Ngọc băng-khoăn một lúc, rồi nói rất khẽ :

— Thấy tốt với em quá... Thấy thương em, lo cho em như thế, em...

Muốn tránh giây phút quá cảm-động, tôi làm bộ như phớt-tĩnh, đứng dậy bảo :

— Cô đi nghỉ sớm, 12 giờ tôi sẽ gọi cô dậy.

Bích-Ngọc làm thình, cúi đầu khóc.

Đêm nay tôi không ngủ được. Nằm trần-trọc trên chiếc giường tre của thằng Ngọng, cạnh bếp, tôi nghĩ vợ-vần, hút không biết bao nhiêu điều thuốc. Tôi phải dậy, ra ngoài, ngồi bàn xem sách. Tiếng khóc tí-tê trong buồng làm cho tôi bối-hối cảm-động. Bích-Ngọc khóc thút-thít, sợ tôi nghe. Nhưng ai mà không nghe trong đêm vắng tiếng thồn-thức đau-khổ của một trái-tim đàn-bà ? Ta có thể tưởng như lời thồn-thức của trái tim vũ-trụ. Cuộc đời là cả một sáu-thảm mòng-mênh khi một giọt lệ thiếu-nữ âm-thầm rơi trong đêm thắm. Đền cả những ngôi sao trên trời kia cũng còn im-lim nghe tiếng giọt sương khuya xao-xuyến trong làng hoa !

Nhưng tôi không phải là một thi-sĩ. Tôi cũng không phải chàng thanh-niên lãng-mạn. Tôi không muốn để tình-cảm xâm-nhập vào lòng tôi, nhưt là trong lúc người thiếu-nữ đau-khổ kia sắp từ già tôi để đi vào một đêm thắm của phiêu-lưu, nguy-hiểm và cô-đơn. Tôi phải nêu lên cho nàng thấy một gương quật-quyết và can-đảm, để nàng noi theo đó mà bước

vững trên đường đời.

Đồng-hồ của tôi vừa đúng 12 giờ. Tôi gõ cửa gọi Bích-Ngọc. Tôi nghe tiếng cô « Dạ ». Nhưng 12 giờ 10, Bích-Ngọc vẫn còn nằm trong buồng, chưa dậy sửa soạn đi. Thằng Ngọng cũng chưa về. Tôi bắt đầu lo ngại cho chương-trình của tôi sẽ thất-bại. Xem chừng như Bích-Ngọc không mấy háng-hái với sự ra đi. 12 giờ rưỡi. Tôi lại gõ cửa buồng một lần nữa. Bích-Ngọc làm thình. Tôi khẽ đẩy cửa vào buồng. Cô còn nằm trên giường, tóc xõa ra hai bên gối. Tôi lại gần khẽ gọi. Bích-Ngọc nằm yên khẽ đáp lời tôi :

— Dạ.

— Cô dậy rửa mặt, sửa-soạn đi thì vừa.

— Dạ.

Tôi xuống bếp đun một ấm nước sôi đem lên pha cà-phê. Tôi băn-khoăn tầy Bích-Ngọc muốn ở lại với tôi, và không thích ra đi. Nàng đã dậy, đang bới đầu tóc một cách biếng-nhác, sơ-sài. Tôi pha hai ly cà-phê sữa, mời cô uống với tôi. Gần 1 giờ rồi, thằng Ngọng vẫn chưa về. Tôi rất bức-minh. Ai sẽ coi nhà, để tôi đưa Bích-Ngọc đi ?

Bích-Ngọc buồn-bã gượng-gạo :

— Em đi một mình cũng được ạ.

Tôi lắc đầu :

— Nếu là ban ngày thì được chứ đêm khuya, thân gái một mình...

Tôi giận thẳng Ngọng lắm. Bởi tôi hiền lành và tử-tử với nó quá, nên coi bộ nó không còn sợ tôi nữa. Tại sao nó đã biết 1 giờ khuya nay tôi tiễn cô Bích-Ngọc đi Sài-gòn, mà nó không về theo lời tôi đã căn dặn? 1 giờ khuya nó không về thì chắc là nó ngủ ở đâu rồi. Tôi bắt đầu không tin thẳng nhãi con ấy nữa. Bỗng cánh cửa khẽ mở kêu « kẹc » một tiếng rất nhẹ. À kìa, nó về ! Nó chạy lẹ vào nhà với một gói tròn và to, ôm sát vào ngực. Tôi ngạc-nhiên hỏi :

— Ôm gói gì đó, Ngọng ?

Nó kể vào tai tôi, khẽ bảo :

— Dạ thưa cậu, đây là gói áo-quần của cô Bích-Ngọc, thề nà thề nào.

Bích-Ngọc và tôi đều trở mắt nhìn thẳng nhỏ, tưởng như thẳng Cui ở trên cung-trăng rớt xuống ! Nó vội-vàng mở gói lấy ra một áo dài trắng, một áo dài đen, một quần vải quỳên trắng, một quần sen-dầm đen, hai áo cánh, hai áo sơ-mi, hai cái xu-chiêng và... 4 xi-líp ! Nó xô hết ra trước mắt tôi cho tôi thấy. Xong nó ngó Bích-Ngọc và cười hỏi :

— Thưa cô, có phải đồ của cô đây không ? Con nỳ đem về để cô mặc cô đi Xê-gòn, thề nà thề nào ?

Bích-Ngọc không-hết ngạc-nhiên :

— Làm cách nào mà em lấy được gói đồ này của chị ?

— Thưa cô, cả đêm nay con nằm thẳng ăn-trộm, ngồi rình mãi sau bếp nhà cô, thề nà thề nào. Đến 8 giờ, trời đã tối mịt, con thấy ông Thừa bà Thừa ngồi nói chuyện ở nhà trên. Chị bếp rửa bát đĩa ở sân sau không trông thấy con, thề nà thề nào. Con nén vào được trong bếp, con nặt-dặt chui xuống tầm phán, núp sau chum gạo, rồi con ngồi thụp cái đầu xuống thề nà thề nào. Nhưng con nại sợ chị bếp vào rồi chị ấy trông thấy, con nại chun ra, thề nà thề nào. Con bỏ đèn sau cái bao than, nhưng con không ngờ có hai con gà ngủ ở đây, thề nà thề nào ? Tôi quá, con không trông thấy hai con gà, con cứ nui-cui rúc vào thì hai con gà vụt bay ra kêu oác-oác, thề nà thề nào. Hai con gà nằm con hết hồn thề nà thề nào ! Con nặt-dặt bò ra thật mau. Con chạy nện xuống giường cô, con chui nẹ xuống giường cô, con bò tít vô trong xó, thề nà thề nào. Con nghe bà Thừa

kéo guộc lẹp-kẹp đi xuống bếp. Bà hỏi chị bếp, thề nà thề nào :

— Ai bắt gà hay sao mà nó kêu dữ vậy, Tư ?

Chị bếp trả lời :

— Ôi ! đồ gà chết toi ! Thấy chuột bò nó sợ, nó kêu đây chứ có gì đâu ạ.

Chị bếp bảo thề, thề nà thề nào ? Rồi bà Thừa đi nại ngó vào bao than, không thấy gì cả. Hai con gà cứ đi nọnh-quanh trong nhà bếp, kêu tục-tác... tục-tíc... thề nà thề nào ? Bà Thừa nại đi nện. Rồi bà bước vào buồng cô, bà nghi có ăn trộm, bà ngó trên giường cô, bà ngó xuống giường cô. Con ngồi rụt cổ trong xó mà bà không thấy con, thề nà thề nào ? Con ngồi đây cho đến khuya, con nghe ông Thừa nói với bà Thừa nà chắc cô bỏ nhà đi theo một cậu công-tử nào đó, thề nà thề nào ? Tại cô trốn đi nên ông Nón không bỏ ông Thừa đi Quận trưởng nữa, thề nà thề nào ? Mãi khuya, hai ông bà nằm ngủ. Nghe hai người ngáy khò-khò con mới bò nhè-nhe, nén chui ra mở cái rương của cô. Con nạy hết áo-quần của cô. Con nại gỡ bức màn cửa của cô, thề nà thề nào. Con gói cả một gói rồi ôm xuống

bếp mở cửa ra đi, mà chị bếp không hay biết gì hết, chị ngủ như chết, thề nà thề nào ? Ra đường con nặt-dặt chạy về, sợ cậu với cô đi Xê-gòn rồi. Té ra may quá, cậu với cô chưa đi, thề nà thề nào ?

Tôi phì cười, vỗ vai bảo thẳng Ngọng :

— Con làm thẳng ăn trộm có tài đây. Nhưng cậu mong con đừng bao giờ ăn trộm của kẻ khác.

Thẳng Ngọng phản đối :

— Thưa cậu, con đâu có đi ăn trộm ? Con đi nạy áo-quần về cho cô Bích-Ngọc mặc đây chứ ! Không nể để cô mặc có một bộ đồ để đi Xê-gòn, thề nà thề nào ?

— Ừ, lần nầy cậu khen con giỏi. Cậu không rầy con đâu.

Bích-Ngọc kéo tay thẳng Ngọng, ôm nó vào lòng, vuốt ve đầu nó :

— Em thương chị nên phải giả làm ăn trộm để lấy đồ-đặc cho chị, chị cảm ơn em lắm. Nhưng nếu lỡ có ai bắt gặp, thì em làm sao ?

— Con muốn đi nạy đồ cho cô mặc, thì con đâu có sợ ai, thề nà thề nào.

(còn nữa)

buồn hai đứa

★ TÔN NỮ HOÀI-MỸ (Huế)

Thôi còn chi nữa đâu anh
 Bài thơ nhàu nát một manh giấy buồn
 Ấu thơ đã lấp mờ chôn
 Tuổi hoa cần cỗi linh hồn yếu vọng
 Mùa xuân cho má phai hồng
 Tình anh thôi cũng vừa đông nếp sầu
 Chúng mình bỏ chuyện yêu nhau
 Còn em tóc đã phai màu thủy chung
 Hồn chưa mười tám mùa xuân
 Ngửa tay đã thấy ba lần dờ dang

tình thu

★ NGUYỄN-HOÀNG BẠCH-MAI
 (Tây-ninh)

Thu đến, heo-may thoáng lạnh-lùng,
 Trắng thu mờ-ào, tỏa mộng-lung.
 Tình thu chan-chứa nguồn thi cảm
 Khơi lại lòng ta nỗi nhớ nhung.

Lác-đác ngoài hiên rụng lá vàng.
 Trắng sâu nhỏ lệ khóc trần-gian.
 Gió thu nhẹ lướt trên ngàn cỏ,
 Như tiếng thu đi, bước ngõ-ngang.

Đây ! Gió thu về lạnh khắp nơi,
 Tình thu tha-thiết lắm ! Thu ơi !
 Tình thu lai-láng như trắng nước,
 Tràn-ngập trong tim của mọi người.

Mây trắng lững-lờ trôi đến đâu ?
 Cho ta nhắn gửi một vài câu.
 Đề hồn vơi bớt niềm đau-khờ,
 Và lệ ưu-tư khỏi ứa trào.

Khi thấy thu về khắp bốn phương,
 Tình thu gọi lại mối sầu thương.
 Gió thu rên-siết trong đêm vắng,
 Lạnh-buốt tim cỗi, khóc hận trường...

★ Họa sĩ ĐĂNG-GIAO



Chợ Lớn Quê

Bảy mươi chưa dễ già đâu

(Tin các báo : một ông già 70 tuổi mê gái 20, bán hai chiếc quan tài bằng gỗ dạ hương, đáng giá 70.000\$ là đồ hậu sự của riêng mình và của vợ để xây tổ uyên-ương với cô vợ nhỏ).

MƯỠU

Ấy ai, ai trẻ ? ai già ?
Bởi ai xấu máu mới ra bạc đầu.
Bảy mươi chưa dễ già đâu,
Tuổi này còn lắm duyên sau đợi chờ.

NÓI

Già với trẻ chắc đâu vì tuổi tác,
Bảy mươi năm xuân sắc kém chi ai.
Ai rằng già, tớ vẫn còn dai,
Khéo dại dốt sẫm quan tài coi chướng mắt.
Gối đã chồn đâu, thầy bạch phát,
Gân còn vẫn cứng với hồng nhan.
Mảnh xuân tình thao thức buổi canh tàn,
Thì cũng thả hồn tan trong cõi tục.
Ai bảo còn chi trai bảy chục,
Tuổi này ăn đứt gái đôi mươi.
Cuộc trăm năm bầm đốt còn dài,
Còn đề chiếc quan tài chi nữa nhĩ !
Tiền mà cạn khó nêu câu chung thủy,
Lấy gì đây hú-hí với người yêu,
Quan tài sẵn bán em tiêu.

★ TÚ-BE

mấy lần yêu

Tôi đã có một người yêu thứ nhất
Một nửa chừng thì nàng đã chết phứt
Từ đó tôi tro tro với cuộc đời
Đành sống những chuỗi ngày như cục ..

Giờ đây tôi đã có người thứ bốn
Nàng rủ tôi cùng nhau ta đi trốn
Nhưng ngán lắm vì tôi « cóc » có tiền
Thật, tình tôi như là đồ hồ-lồn

Thế rồi đến với tôi người thứ sáu
Nàng đã làm cho « thằng Diên » phát cáu
Bởi buổi đầu tôi thấy đã mất « ngon »
Tôi lại ve được người yêu thứ bảy
Cuối mới ba ngày nàng đòi đi nhẩy
Ừ ! Nhưng Hồ Than-Thở hay Cam-ly,
Hoặc thuốc ngủ, sà nhà tùy em hấy !
Xong, từ đây tôi yêu người thứ tám
Tôi tưởng bỏ, nàng từ, tôi cứ bám
Mà than ôi ! tình ái có gì đâu !
Nó bỏ rết như loài heo nhậu cám
Tôi lại nhớ đến người yêu thứ nhất
Và tự hỏi tại sao nàng chết phứt
Đề cho tôi tro tro với cuộc đời
Mà phải sống những ngày như cục..
Giây phút này tôi yêu người thứ chín
Thật lạ lùng vì tôi hay chọn kén
Nên ngày đêm thất thểu phải ngâm lên :
« Da nàng ai nhuộm mà đen,
Răng nàng ai cấy mà lèi không đều ? »
Tôi lại có một người yêu thứ...

★ NGUYỄN-LINH-ĐĂNG
(Dalat)

thơ

Hoang-Vu

Trong bốn cột báo nơi trang Văn-nghệ, nhan đề là « Solitude — Poèmes de Nguyễn-Vỹ » từ nhật-báo Pháp **e Journal d'Extrême Orient**, ra ngày Thứ Bảy 24-11-1962, có phê-bình khá dài tập Thơ Hoang-Vu, xin trích và dịch một vài đoạn như sau đây :

« ... Au Vietnam ... la poésie a toujours ses fervents. Les poètes de talent sont nombreux. Parmi eux, Nguyễn Vỹ tient une place éminente.

Son dernier recueil *Hoang-Vu* (solitude) qui vient de sortir des presses de la revue *Phồ-Thông*, est une œuvre d'une sensibilité prenante, s'exprimant en strophes au rythme souple qui rendent un son pur. Il n'est guère possible, dans le cadre de cette étude, de relever les mérites de ce poète qui, dès 1936, témoignait d'un talent original qui déconcertait parfois à cette époque et qui aujourd'hui est reconnu comme un des guides de la jeune Poésie Vietnamienne.

En publiant ici deux poèmes l'un, *La Rosée tombe*, traduit par l'auteur, l'autre, *La flûte dans la nuit* par M. Nguyễn-văn-Cồn, délicat lettré lui-même, maniant admirablement la langue française, nous ne pouvons rendre l'assonance et la symétrie de la métrique originelle, du moins l'inspiration nostalgique de Nguyễn-Vỹ s'exprime intacte. Une traduction en anglais de ces poèmes, par M. Đặng-Cộng-Thắng, *The Fall of Dew* et *The Fife in a Moonlight Midnight*, conserve la même beauté émouvante. »

A.R.

(Journal d'Extrême — Orient)

« ... Ở Việt-nam, vẫn có luôn luôn những người yêu Thơ. Các thi-sĩ có tài không phải ít, trong số đó Nguyễn-Vỹ chiếm một địa-vị tối cao. Quven Thơ Hoang-Vu của ông vừa xuất bản, do nhà in tạp-chí Phồ-Thông ấn-hành, là một thi-phẩm đầy tình-cảm-rung-dộng, diễn tả bằng những câu thơ uyển-chuyển, âm-diệu thanh-tao. Trong khuôn-khổ mấy lời nhận xét này không thể nêu ra hết được tài-nghệ của nhà Thơ ấy. Từ 1936 ông đã chứng tỏ một thi-tài độc-đáo đã làm cho người thời bấy giờ ngạc-ngạc, nhưng ngày nay phải công-nhận ông là một trong những người hướng-dẫn thế hệ Thơ trẻ trung của Việt-nam.

Trích đăng nơi đây hai bài *Sương Rơi* do tác-giả dịch và Tiếng sao đêm khuya, do ông Nguyễn-văn-Cồn dịch, — ông này cũng là một nhà văn-học tế-nhị, viết Pháp-văn tuyệt-diệu, — chúng tôi không thể nào toát ra hết được nhạc điệu du dương êm-ả của nguyên-văn Thơ Hoang-Vu, nhưng ít nhất cũng diễn đạt được toàn-vẹn thi-hứng vương-vấn u-hoài của Nguyễn-Vỹ. Những bài dịch ra Anh-ngữ của ông Đặng-cộng-Thắng, cũng giữ được nét điểm-lệ rung-cảm ấy...

(Journal d'Extrême — Orient)

★

★ Thi-sĩ Đông-Xuyên, cảm đề « Hoang-Vu »

Trước lầu Quan-Thuế gió vi-vu,
Gió lướt bồn-hoa, khách đọc thơ.
Khung cảnh Đô-thành bao sán-lạn,
Cõi lòng tác-giả vẫn « hoang-vu » !
Nghìn thu bày mãi trò thiên-diễn,
Một nước chia đôi bức địa-đồ.
Cấp sách trăm-ngâm, chan-chứa lệ !
Lệ ai đã ứa tự bao giờ !!

Kính đề :

ĐÔNG-XUYÊN (24-11-62)

★

★ của Ô. Trần tấn-Quốc, báo Tiếng Dội

... Hoang-vu gồm 50 bài thơ, cũ có, mới có, kể về thời-gian sáng tác — thuộc nhiều thể, diễn tả nhiều tâm sự. Người yêu Thơ chắc-chắn sẽ gặp ở đây nhiều nhạc-diệu du-dương, vừ ý, kể có hồn Thơ sẽ sáng-khoái khi thấy những tâm-tình, thắc-mắc, xúc-dộng của chính lòng mình được diễn tả tế-nhị, đạt-dào...

Tiếng Dội Miền Nam
(28.12.62)

★ của Ông Tam-Mộc, báo Buổi Sáng

... Nguyễn Vỹ không những là một nhà văn nhà báo, mà còn là một nhà thơ lỗi lạc qua những vần thơ chứa đựng rất nhiều lời lẽ yêu đương, lại hàm súc tình-ý thâm-trầm và triết lý sâu sắc về cuộc đời, về con người, thật là tinh-tế. Đọc thi-phẩm của Nguyễn Vỹ, chúng tôi nhận thấy có lúc anh mĩa-mai chua-chát, có hồi anh thần-thờ như đề hồn thi-nhân chìm lặn trong yêu đương, và như than-thở u-buồn cho nhân tình thế thái. Kỹ-thuật gieo vần và cấu tạo thi-phẩm của mình, Nguyễn Vỹ như tách rời, và riêng biệt tự-tạo cho mình một môn-phái khác lạ hơn người...

TAM-MỘC

(Buổi Sáng — 30-11-62)

★ của Nữ-sĩ Tương-Phổ

... Hai chữ « Hoang-Vu » tuyệt-vời nghệ-thuật, nổi bật hẳn lên, đẹp quá !... Ngoài trời mưa bão, trong phòng văn tĩnh-mịch, Tương-Phổ đã ngồi tựa trên ghế vải, đọc tỷ-mỷ hết 50 bài thơ, đọc rồi lại đọc, tới hai ba lần...

Trong 50 đề thơ diễm-tuyệt, Nguyễn-Vỹ cười no khóc chán, điên-si chẳng vừa, và đã nói được phần nào những gì Nguyễn-Vỹ muốn nói, — đau đời ghê mà chữ đời cũng ghê !

Đọc xong Hoang-Vu, lòng nao-nao buồn, Nguyễn-Vỹ ơi... Phải chăng vì Thơ Hoang-Vu, lòng ta thêm hoang-vu ?

TƯƠNG-PHỔ

(Nha-Trang, 26-10-62)

★ Của ông Nguyễn-văn-Cồn (Paris)

... Chiều hôm nay tôi sẽ đem theo về tập thơ Hoang-Vu của anh gửi tặng, đề ngâm-nga và hưởng thú-vị của món quà quý từ trời Nam đưa sang. Tuy vừa mới nhận được chưa đem ra đọc tại bàn-giấy ở Paris, nhưng tôi cũng đã đọc vài ba bài sau khi ăn cơm trưa tại một quán café. Đã có bài làm cho tôi thích chí lắm, như bài « Hoa-Phượng », bài « Họạ thơ cụ Phan-Bội-Châu », « Tiếng súng đêm xuân », và « thiếp trong cánh cửa », vv...

Bài sau này làm cho tôi nhớ nhà quá :

« Tình yêu muôn thuở
Còn ghi những ngày
Thiếp trong cánh cửa
Chàng ngoài chân mây »

Nhưng lại buồn vì :

« Đêm xuân nay nước mắt trào nức nở,
Nghe vang rền tiếng súng nổ bên sông... »

và thăm-thía nhìn :

« Trên đường vắng, ngập tràn hoa phượng đỏ,
Em buồn ngủi không nở bước, anh ơi ! »

Còn bao nhiêu bài khác ! Đến chiều nay về nhà tôi sẽ được cái thú-vị đọc thơ Hoang-Vu của anh dưới một trời « hoang-vu » ở đất khách !... Nhìn tập thơ, tôi tự nói :

« Đến bây giờ mới thấy đây,
Mà lòng đã rấp những ngày một hai... »

Khi nào đọc xong tất cả, tôi sẽ có thư dài về anh đề tả lại cảm giác của tôi, một cảm giác đã thấy vô cùng nồng-hậu...

NGUYỄN-VĂN-CỒN

Paris — 26-12-62)

TIN MỪNG

Được tin Thi-sĩ HOÀI-VIỆT (Paris), sẽ làm lễ thành-hôn với cô TẠ-THỊ HUỆ-CHÂU, sinh-viên, cũng ở Paris, ngày 20-12-1962, tại Tòa Đại-sứ Việt-Nam, chúng tôi xin có lời chúc mừng đôi bạn. « Loạn-Phụng hòa minh... Sắc-cầm hảo-hiệp ».

DƯ-TÂN (Paris) NGUYỄN-VỸ (Sàigon)

Thuốc

MỒ-HÔI-TRỘM

Hiệu Kim-Điền, trị con nít đồ mồ hôi nhiều lúc-ngủ.

PHÌ-NHI BÀ-BỒ K. Đ.

Thuốc bổ trẻ em, lên cân, trừ sán lãi. Bán khắp nơi và 361, Phan-dinh-Phùng, Saigon

K.N. số 97 ngày 24-7-62



★ Tự nhiên bị câm

(của bạn Trần-việt-Nguyên, bệnh viện Huế)

Thời chiến-tranh cách đây 10 năm, em có bị một mảnh đạn vào trong đầu em. Hồi ấy em nằm bệnh-viện Quảng-trị họ chỉ làm cho vết thương lành, chứ họ không chịu mổ mà lấy mảnh đạn ra, đến kỳ thi năm 1960 em còn ngồi học, thành tích nó làm kinh, bất tỉnh như sượng, rồi từ đó em đau liên-tiếp 3 năm trời, cho đến nay vẫn chưa bớt, hiện em nằm bệnh-viện Huế. Nó cứ đau quanh trên đầu, mất hết cả trí nhớ không tài nào mà học được.

Và đến tháng 2-Â.L. em bị câm luôn. Bác-sĩ chữa hết sức, thuốc Tây, thuốc Bắc, ngoại khoa, mà em vẫn không nói được, em chỉ viết, thế vào lời nói. Thật khổ, em thấy buồn ghê, chị ạ! Em xem em như một phế-nhân của xã-hội, đời em không có gì một chút tương-lai hết. Em nhớ đến chị Diệu-Huyền, chỉ có chị may ra giúp được em chăng? Thưa chị, em hết sức buồn cho số mệnh của em. Vậy thưa chị, em sau này có thể nói lại và bình phục như xưa hay không? Ở Sài-gòn có nhà thương nào có thể chữa lành cho em được, và chị có biết thứ thuốc gì uống cho nó giúp thêm trí nhớ và hết câm, chị chỉ cho em mua với. Xin chị đăng trên mặt báo và mong chị viết thư riêng cho em, em rất trông tin của chị.

L.T.S. — Bạn đọc có phương pháp gì thần-diệu giúp bạn Trần-việt-Nguyên không?

★ Hai tay cầm bốn trái dừa

(của bạn Thạch-Phí, Qui-nhơn)

... Theo tôi biết thì ca-dao ấy còn thiếu 2 câu. Hình như 4 câu sau đây:

Hai tay cầm bốn trái dừa,
Trái ăn trái để trái dừa cho chàng,
Còn trái đem cắt đầu giàn,
Bao nhiêu khối đóng dạ thương chàng bấy nhiêu.

Đáp. — Chúng tôi không được nghe hai câu bạn thêm vào sau. Ở miền Nam và miền Trung chỉ thường hát có hai câu trên.

★ Ai có Phở-Thông số 6

(của Ô. Nguyễn văn Đại, 52 Ấp Tây-Hồ Dalat)

Ai có Phở-Thông số 6 muốn nhường lại, tôi chịu mua

với giá 40\$. Vì từ số 1 đến số 91, tôi có đủ cả mà riêng cuốn số 6 bị mất. Nếu có xin gửi đến nhà sách Xuân-Thái, 22 đường Minh-Mạng, Dalat, vì tôi thường mua báo ở đó. Xin cảm ơn.

★ Tuyển tập truyện ngắn V. N. ?

(của Ô. Lê-hưng-Long, giáo-sư T. H. Saigon)

Trong P. T. số 93 vừa rồi, nhà văn Bình-nguyên-Lộc đưa ra « vài ý-nghĩ về một tuyển tập truyện ngắn Việt-nam », làm cho tôi nhớ lại hình như vài ba năm trước đây, tờ báo Bách-khoa cũng đã trưng-cầu ý-kiến các nhà văn về « truyện ngắn hay nhất ». Hồi đó, tôi cũng tò-mò rón theo rồi cuộc phỏng-vấn của báo B.K., tôi cũng như nhiều bạn giáo-sư ở đây, đều nhận thấy một điều rõ như ban ngày là đa số những truyện ngắn được các ông ấy đề-cao, độc-giả chúng tôi không ai thích cả, và cũng không ai biết tên tuổi mấy ông tác-giả đó nữa! Một vài truyện, chúng tôi tìm đọc, thấy rõ-ràng ăn cắp của ngoại-quốc, mà phỏng-tác ra, với một thứ văn-chương lủng-củng, tình-cảm giả tạo, đọc không một chút rung động, không hiểu « tác-giả » viết gì, nói gì? Bất-chước Đài phát thanh tuyển-lựa tài-tử, các ông cũng tuyển-lựa truyện ngắn, nhưng tuyển-lựa cái thứ văn-chương « bỏ-bịch », các ông ấy khéo bày trò, độc-giả chúng tôi không vỗ tay đâu.

« Tuyển tập truyện ngắn Việt-nam »? Ai tuyển? Tuyển của ai? Xin quý ông hãy trả lời cho độc-giả chúng tôi được biết đã, rồi muốn tuyển gì thì tuyển. Nói thật thề, mếch lòng các ông còn hơn là đề các ông « tuyển » và dịch một mớ truyện bỏ-bịch tầm thường đưa ra ngoại-quốc để cho họ cười chơi!

Dám mong ông chủ-nhiệm báo Phở-Thông đăng trọn bức thư này, lên quý báo đề gọi là hưởng-ứng những ý-nghĩ của nhà văn Bình-Nguyên-Lộc.

Kính chào ông chủ nhiệm với tất cả thiện cảm của chúng tôi.

Lê-Hưng-Long và một số giáo-sư Việt-văn.

Lời Tòa Soạn. — Chúng tôi đăng thư của bạn đọc, với tính cách hoàn toàn vô tư như từ trước đến nay, vì đây là diễn-đàn chung của bạn đọc. Chúng tôi không phê bình.

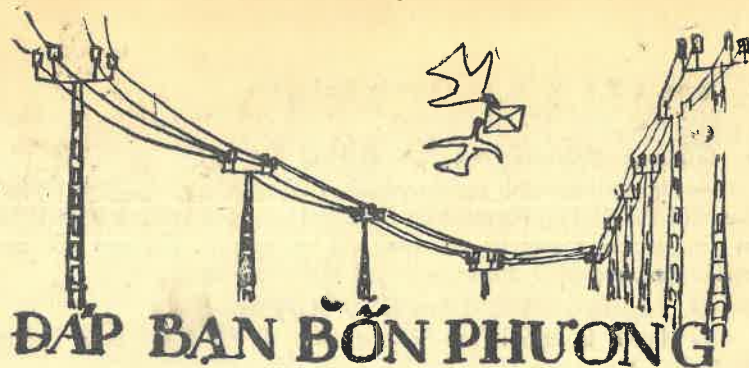
★ Nhân đọc bài « Genève » của chị Lê-thị-Đinh, Suisse

(của cô Kim-Chường, Trung-học Trưng-Vương, Saigon)

... Trong số P.T. 92, chúng em thích nhất bài « Genève » của B. S. Lê-thị-Đinh viết ở Suisse. Chúng em xem bức hình đăng nơi trang 96, rồi cùng nhau bàn-tán thích-thú vô kể, thì ra trong lúc bình-sĩ đàn ông biểu-diễn, trên khán-dài chỉ thấy toàn

là phụ-nữ!! Ở Suisse, sao người ta trọng-vọng phụ-nữ đến thế! Thật đúng như lời tác-giả Lê-thị-Đinh đã viết: «Trông khi đàn-ông làm binh-sĩ; mặc chiến phục đi biểu diễn, phụ-nữ ngồi trên khán-đài hành-diện ngó chồng, cha, chú, bác, anh, em của họ bước đi hùng-dũng, hiên ngang...». Xin hỏi «chị Diệu-Huyền», trông thấy cảnh tượng thái-bình đẹp đẽ ấy, chị có «khoái» như chúng em không?

Lời Diệu-Huyền Đáp. — «Khoái» chứ lì!



★ Diệu-Huyền

★ **Bạn Nguyễn-Minh-Hồng, Quận Lấp-Vò, Vĩnh-Long**

Tất cả những truyện đã và đang đăng trong Phở-Thông: Văn thi-sĩ tiền-chiến, Mồ hôi nước mắt, Tuấn, Nhân vật xuân thu, v.v. sẽ lần-lượt in thành sách, do P.T. từng thư xuất bản...

★ **Ô. Nguyễn-v-Đại, ấp Tây-Hồ, Đà Lạt**

Muốn cất nhà xây mặt về hướng Tây, theo địa-lý ta thời xưa thì nên đặt cây đòn-giông gốc về hướng Đông, ngọn về hướng Tây.

★ **Ô. Đặng-ngọc-Bích K.B.C. 4311**

Đã nhận đủ số tem ông gửi mua báo.

★ **Ông Võ-thái Học, viện khảo-cứu cao-su V.H.**

— Còn từ số 35; mỗi quyển 7\$.

★ **Ô. Nguyễn-mộng-Lân Nha-trang**

Về hai việc ông hỏi, nên giao tất cả hồ-sơ cho Luật-sư, đề họ lo cho ông.

★ **Bạn Võ-hữu-Hội, Bạc-liêu**

Con quỷ *setan*, theo trong Thánh-Kinh Gia-tô-giáo, là một Thiên-thần phiếm-loạn, thù-địch của Chúa, luôn luôn tìm mọi cách phá-hại sự-nghiệp của Chúa-Trời và đức tín của con người. Chính nó hiện-thân làm con Rắn quyến-dỗ Eva hái trái pomme cho Adam ăn, để phạm tội-lỗi với Chúa.

★ **Cô Ng. T.M.K — Phú-lâm**

Có thể điều-đinh với hai bên cha mẹ đề tác-thành.

★ **Bạn C.T.T.N. Kim-Oanh Sài-gòn**

Xin cho biết địa-chỉ rõ-ràng.

★ **Cô Nguyễn Hồng Hà, Bồng Sơn**

— Người khai-sinh ra *Hướng-đạo* là Thiếu-tướng Anh Baden Powell (1857-1941). Phong-trào Hướng-Đạo phát xuất từ năm 1910 sau khi Baden-Powell từ-gia quân-đội về hưu-trí. Cô nên hỏi các chi-tiết gia-nhập H.Đ. tại trụ-sở H.Đ. địa-phương.

★ **Ô. Nguyễn Túc-Tâm Duy Xuyên**

— Người ta nói: *Tính-lý, Quận-lý, và Thị-trấn*, chứ không nói *«trấn-lý»*.

— Vấn đề kinh-nguyệt chậm trễ, nên đến Bác-sĩ khám và chích thuốc.

— Báo cũ còn từ số 40, ông có thể trả tiền (7\$ một số) bằng tem bưu-chính.

★ **Ô. K.D. KBC 4768**

— Người ta nói: *Thiếu-tướng phu-nhân*, hoặc *Bà Thiếu-tướng*, chứ không nói: *Bà Thiếu-tướng phu-nhân*.

— Tục đập một chai champagne vào thành tàu để khánh thành chiếc tàu mới, đã có từ đầu Thế kỷ này, do Hải-quân Pháp bày ra trước tiên. Không ngoài ý-nghĩa thông thường: rượu champagne dùng để khao mừng trong các đám tiệc.

★ **Bạn Ng v. Tâm và nhóm học sinh trường Trung-học Thủ-Khoa.**

Các bạn đã tập asana 1, có kết quả tốt, thì nên theo sách Yoga tập các asana kế tiếp, và thường xuyên mỗi buổi sáng, sẽ được mãn-nguyện.

★ **Cô Phong-Lan, Ngô-đức-Kế, Huế**

— 14 — 2 — Canh-Thìn = 22-3-1940

2 — 1 — Ất-Dậu = 14-2-1945

— Người 19, 20 tuổi, mà không phải cha mẹ đẻ con nít, thì không thể đứng làm khai sanh cho nó được.

★ **Ô. Phùng-khắc-Tĩnh Giáo-sư Sài-gòn**

Chữ *«Spoutnik»*, tên chiếc vệ tinh nhân-tạo đầu tiên của Nga, có nghĩa là *«Bạn đồng-hành»*. Danh-từ *Spoutnik* đã được nhà bác-học Nga về Không-gian, Konstantin Ziolkovsky, đặt ra từ năm 1903.

★ **Ô. Lê Quang, Hộp thư 32, B.M.T.**

— Chứng-khoảng, là giấy tờ chứng minh thay thế cho tiền bạc, và có giá-trị như tiền bạc.

— Phù-luân-hội, là dịch Danh-từ *Rotary-Club* (Rota tiếng la-

tin = bánh xe) lấy bánh xe làm dấu-hiệu, một hội rất phổ-biến ở Anh, Mỹ, và các nước nói tiếng Anh, sáng lập lần đầu tiên năm 1905 do Paul Harris, tại thành phố Chicago, Mỹ, hiện nay số hội-viên khá đông, thành một hội quốc-tế. Mục-đích: gây trong các giới thương mại, kỹ nghệ, nghề-nghiệp tự-do, v.v... một lý-tưởng cao-siêu về sự trung-chính, sự thành-thật, tin-tưởng, đoàn-kết, giúp-đỡ, v.v...

— *Dinh-chung*: *Dinh* = cái vạc, (dinh trâm v.v...) *Chung* = chuông. Theo tục lệ xưa của Tàu, nhà quyền-quý mỗi khi mời khách ăn cơm, thường đem cái vạc ra để đốt trầm hương, và đánh chuông, là kiểu cách sang trọng. Dùng lâu ngày thành nghĩa rộng, để nói về cảnh quyền-quý.

— *Dai trắng* = Đại trắng cột-áo của người chơi Võ Judo của Nhật. Một bức-thứ trong hệ thống cấp-bực của môn-phái võ ấy.

★ **Cô Đoàn-Trang, Châu-Phú.**

Gặp trường hợp cổ thai ngoài tử-cung, thì chỉ có cách đi Bác-sĩ khám nghiệm, chứ không thể giảng-giải trong một bài báo.

★ **Cô Hồng-lệ-Sương, Mạc-đĩnh-Chi Saigon.**

Như các bạn khác, cô muốn mua 2 quyền Thơ H.V. loại Đặc biệt, 2 bạn ở xa, cô có thể nhờ nhà báo P.T. gửi bảo đảm giùm (với địa-chỉ thật rõ-ràng, chắc-chắn, và cô chịu thêm tiền cước phí bảo-đảm). Nhà báo chỉ nhận gửi bảo-đảm chứ không nhận gửi thường vì nếu sách bị thất-lạc nhà báo không thể chịu trách-nhiệm.

★ **Cô T. Tam-Kỳ**

Perlon cũng như các thuốc đánh răng khác chỉ có công-dụng đánh cho sạch răng mà thôi. Răng bị nhức, hay sâu ăn, phải đến các hiệu thuốc Tây hỏi mua các loại thuốc thích hợp. Phòng ngừa 'ốc rưng, nên xức Silvikrine hoặc pantène.

★ **Bà Nguyễn-thị-Nhâm, Phú-long**

Bà nên thưa việc ấy lên ông Quận-trưởng.

★ **Ô. Nguyễn-chí-Vỹ Tam-quan**

Loại trái cây Sapotier ở miền Nam có nhiều, miền Trung không có, do giống ở Madagascar đem qua từ đời Tây mới sang.

★ **Cô Ngọc Xa Kê, An-giang**

Có những loài tép, tôm, mà vỏ có chất lân tinh (Phosphore). Nhiều nơi bỏ một đồng vỏ tôm ban đêm sáng rực lên vì thế.

★ **Cô Vũ-Minh-Dung Nha-Trang**

«Dụ» là do Vua ban bố. Sắc-lệnh, do Tổng-Thống.

★ **Bạn Hùng-Sanh, Vĩnh Điện**

Thi-sĩ Bạch-Cư-Dị, tự là Lạc-Thiên, (772-846) quê ở Phú

Thái-nguyên Tỉnh Sơn-Tây (Trung Hoa).
— 1-1-1945 = 18-11 — năm Giáp-Thân.

★ **Ô. Lê-ngọc-Viễn, Đà-nẵng**
Nấu thức ăn bằng Réchaud đun xăng, hoặc dầu hỏa, chỉ có mùi hôi khó chịu, chứ không có hại.

★ **Ô. Hoài-Lương, Quảng-trị**
Chế-độ phong-kiến bên Trung-hoa kéo dài cho đến thành-lập « Dân-quốc », năm 1911 mới chấm dứt. Ở Việt-nam phong-kiến vẫn còn nên chính-quyền thường nêu phương châm « Đả thực bài phong »

★ **Ô. Trần-huy-Liên, Cam thanh, Cam lộ**
— Ông Trương-Tửu, trước kia học trường « Bách-ngệ » Hải-phòng, là một trường do chính-phủ thuộc-địa lập ra để đào-tạo những cấp thợ chuyên môn về kỹ nghệ.
— Copernic, (1473-1543) là nhà Thiên-văn-học của xứ Polo-gne (ta gọi sai là Ba-lan), trước khi chết có xuất-bản quyển *De revolutionibus Orbium Caelestium libri VI*, trong đó ông chủ-trương các hành-tinh Thái-dương-hệ tự xoay một vòng tròn vừa xoay chung quanh mặt trời.

★ **Ô. Trần-quang-Nhơn, Phú-quốc**
— Gọi tên là *Phù-luân-hội*, vì theo dấu-hiệu của hội là bánh xe. (Rotary Club)
— Tia cực-hồng = Rayons ultra-rouges, tức là hồng ngoại tuyến.

Vũ-trụ tuyến = Rayons cosmiques, là những quang-tuyến được phát-xuất ra trong không-gian liên-hành-tinh (espace inter planétaire).

★ **Bạn Diệu-Huệ, Trần-hưng-Đạo Sài-gòn**
Omar Khayyam, Thi-sĩ vừa là nhà Toán-học, Thiên-văn-học của xứ Perse (thường gọi là Ba-Tur) sinh-trưởng ở tỉnh Necha-pour, chết cũng tại đây năm 1124. Tác-giả tập thơ *Rubaiyat* (toàn thơ 4 câu), có được dịch ra Anh-ngữ năm 1859, do Fitzgerald, và Pháp-ngữ do Nicolas, năm 1867. Thơ tình-tứ rất lãng mạn, nhưng chống các Thần-thoại, cảm-nghĩ bi-quan, ông cũng có làm một quyển sách Toán Đại-số.

— Vàng, tập *Solitude* và *Loneliness*, chỉ trích dịch 15 bài trong Hoang-Vu. Thành-thật cảm ơn những lời chân-thật trong thư cô.

— Cô có kinh-nguyệt không đều, nên chích Lutogyl.

★ **Bạn Hồ-huy-Tường, Tuy-hòa**

— Đồng ý, và xin lỗi : Bài thơ của Đào-tứ-Lang trong số 67 đã vô-ý đăng lại một lần nữa trong số 91.

— Tê các ngón tay như thế, về sau có thể hại đến tim.

— Có những thuốc uống khỏi bị say sóng. (Hội tiệm thuốc Tây)

★ **Cô Nguyễn - thị - Phụng - Hoàng, đường Lê-Lợi Sài-gòn**

— Muốn kê cứu về lịch-sử Việt, nên đọc *Việt-nam Sử-lược* của Trần-trọng-Kim, rồi sau mới tìm các sách sử khác.

— 3 vấn-đề cô hỏi sau, rất tiếc không thể trả lời trên báo được vì có dính liểu đến chính-trị hiện tại.

★ **Ô. Văn-Son, Bình-Dương**

Màu *Hồ-phách* là màu vàng tươi óng-ánh.

★ **Hai bạn Diệu-Nga, Mỹ-Linh, Sài-gòn**

Thẻ kiểm-tra ghi lộn, phải đem về tỉnh, nơi cấp-phát kiểm-tra, nhờ sửa lại. Đừng có tự-ý cạo sửa mà lỗi-thời đấy.

★ **Bạn Nguyễn-Kim-Hương Saigon**

Thành thật cảm ơn thư bạn ân-cần hỏi-han. Xem thư rất cảm-động.

★ **Bà Hồng Anh (Fernande Montcalm) Bruxelles**

Bà gởi mua tập thơ H.V. tại Paris tiện hơn.

(Long-Hiệp, 13 rue Montagne Ste Genevière Paris V^e)

100 món thuốc

TRỊ 300 BỆNH

Ghi rõ trong cuốn sách « *Những điều cần biết khi dùng thuốc Đông-Y* » có đề biểu tại nhà thuốc KIM-ĐIỀN, 361 Phan-đình-Phùng — Saigon. Ở xa gởi 3\$ có sẽ nhận được sách. Có thể xem sách để tự trị lấy bệnh mình được.

TRONG MỌI GIA-ĐÌNH

**XÁ-XI!
HỎA-TIẾN**

Được mọi
người ưa
chúng

NƯỚC NGỌT "CON CỌP" Ở ĐÂY
ĐÂY LÀ KIỆT, MẠNH, SỐNG LÂU
YÊU ĐỜI



Tinh chế với rễ cây xá xí chọn lọc, không pha thêm hương chất giả tạo, **XÁ XÍ HỎA TIẾN** thơm ngát một hương vị đặc biệt, tự nhiên, của rễ cây xá xí, không có mùi vị hắc gắt, khó uống. Giữ nguyên được mọi được tính căn bản quý giá của rễ cây xá xí, như: giải cảm, lọc máu, trị tê thấp, trừ tiêu chảy, chống bệnh suy nhược, lại thêm tính chất thơm ngon, tinh khiết, **XÁ XÍ HỎA TIẾN** xứng đáng là món giải lao của mọi người, trong mọi gia-đình.

POLYVIT C_a
TÉVÉTÉ

DÀNH BÀ DƯỠNG THAI VÀ THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒM-YẾU, ÈO-ỢT, CHẬM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆM TRỪ ẦU-DƯỢC

BILAXINE
Thuốc
nhuận trường

CÓ BÁN KHAP NHÀ THUỐC ẦU MỸ

K.N. số 93 của Bộ Y-Tế ngày 5-8-62

XỔ-SỐ KIẾN-THIỆT QUỐC-GIA

**GIÚP NƯỚC THÊM NHÀ
TA THÊM CỦA**

3 LÔ ĐỘC ĐẮC

mỗi lô :

1.000.000\$

Xổ Thứ Ba Hàng Tuần

mỗi vé 10\$

Thần-Tài chẳng vị riêng ai

cứ mua vé số

thì Thần-Tài sẽ đến thăm

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại: 23.187



Phạm - văn - Lạng

Giám - Định Trắc - địa - sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

Thuốc trị HO cao ho QUẢNG AN TIỀN

TRỊ : Ho cảm, ho đàm, ho khan, ho gió, đau cổ khan tiếng, ho nhiều
ban đêm mất ngủ. Mọi chứng HO của người lớn nên dùng thuốc, ho Quảng
An Tiễn.

Tổng phát hành : Lý Trắc, nhà thuốc Quảng An Hòa
169 Lê văn Duyệt Saigon. (Có bán ở các đại lý Việt Hoa)

Kiểm nhận số 198 ngày 31-7-62

THUỐC TRỊ GAN Quảng An Hòa (số 1)

TRỊ : Đau gan, yếu gan, yếu mật, táo bón, mất ngủ, ngứa, nổi mề đay,
nổi mụn ở mặt, ăn chậm tiêu.

Va khi h - t bệnh, nên bồi bổ gan, dùng thuốc

BỒ GAN Quảng An Hòa số 2

Tổng phát hành : Nhà thuốc Quảng An Hòa 169 Lê văn Duyệt
Saigon, Lý Trắc. (Có bán khắp nơi) Kiểm nhận số : 200 ngày 31-7-62

Thuốc Bỏ Thận, Cường Thận Tinh, Quảng An Hòa

TRỊ : Đau thận, suy thận, đau lưng, đái dêm, ù tai, mờ mắt, bái hoải
mỏi mệt, đi mọng tinh, suy yếu cơ thể, ăn ngủ thất thường. Tổng phát hành :
Lý Trắc nhà thuốc Quảng an Hòa. 169 Lê v Duyệt Saigon. (Có đê bán ở
các đại lý Việt Hoa.

Kiểm nhận số : 196 ngày 31-7-62



K.N. số 56 Bộ Y-T&/QCDP ngày 20-6-61

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản nhiệm: NGUYỄN-VY

in tại THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

TRONG MỌI GIA-ĐÌNH

XÁ-XI!

HỎA-TIỀN

Được mọi
người ưa
ch chuộng



Tinh chế với rễ cây xá xí chọn lọc, không pha thêm hương chất giả tạo, **XÁ XÍ HỎA TIỀN** thơm ngát một hương vị đặc biệt, tự nhiên, của rễ cây xá xí, không có mùi vị hắc gắt, khó uống. Giữ nguyên được mọi dược tính căn bản quý giá của rễ cây xá xí, như: giải cảm, lọc máu, trị tê thấp, chống bệnh suy nhược, lại thêm tính chất thơm ngon, tinh khiết, **XÁ XÍ HỎA TIỀN** xứng đáng là món giải lao của mọi người, trong mọi gia-đình.

BẠC HÀ CON CỌP với tính chất của bạc hà thiên nhiên, cũng có đặc tính ngừa và trị các bệnh thuộc bộ tiêu hóa và bộ hô hấp thường xảy ra trong lúc thời tiết nóng và ẩm thấp.

PHỔ THÔNG XUÂN

sẽ phát hành ngày ngày 15-1-1963...

Số 96

với những bài của :

HOÀNG-XUÂN-HÃN Paris ★ Bà HỒNG-ANH, Bruxelles
NGUYỄN-VĂN-CỒN > ★ NÔNG-BẮNG-GIANG, Tokyo
VÕ-QUANG-YẾN > ★ PHẠM-MINH-CHÂU, Manille
B.s. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN > ★ CHETTUR New Delhi
Cô MINH-ĐỨC > ★ BÙI-CÀM-THÚY U.S.A.

★ Bà TƯƠNG-PHỐ • TẾ-XUYÊN • NGUYỄN-TRIỆU ★
★ THIẾU-SƠN • HUỲNH-KHẮC-DỤNG • VƯƠNG-★
★ HỒNG-SÈN • THẦM-THỆ-HÀ • Bà MỸ-KHANH ★
★ THÁI-VĂN-KIỆM • JAYA PANRANG • TAM-ÍCH ★
★ PHƯƠNG-ĐÀI • B.s. NGÔ-QUANG-LÝ • Bà TÙNG-★
★ LONG • B.s. HOÀNG-MỘNG-LƯƠNG • TỬ-TRÂM-★
★ LỆ • LÂM-HỮU-NGÂN • PARICHĂM ★ TÂM-★
★ TRÍ • TÂN-PHONG • DUYÊN-HỒNG • DIỆU-HUYỀN ★

NGUYỄN-VỸ

• B.a Offset 5 màu, do Họa-sĩ NGỌC-ĐÔNG •

QUỖ-MÀO

20 tháng Chạp ta



... và Phụ-trương
Ngoại-ngữ, 16 trang :

Supplément

• en français (Pháp ngữ) NGUYỄN-VỸ ★

• in English (Anh ngữ) ĐẶNG-CÔNG-THẮNG ★

• in Chinese (Hoa-ngữ) LÝ-VĂN-HÙNG ★

PHỔ - THÔNG XUÂN

PHÁT HÀNH 30.000 SỐ